

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4001258658

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 11 năm 2022

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 13 tháng 02 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SGI VINA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SGI VINA COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SGI VINA

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: 02353885000

Số Fax:

Thư điện tử:

Website:

3. Vốn điều lệ : 1.241.930.250.080 đồng.

Bằng chữ: Một nghìn hai trăm bốn mươi một tỷ chín trăm ba mươi triệu hai trăm năm mươi nghìn không trăm tám mươi đồng

Tương đương 50.000.000 USD (Năm mươi triệu đô la Mỹ)

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: STAR GROUP IND. CO., LTD

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 514-81-18177

Ngày cấp: 01/05/1994 Nơi cấp: Chi cục thuế Quận Seodaegu

Địa chỉ trụ sở chính: 49, Dalseo-daero 85-gil, Dalseo-gu, Daegu, Hàn Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: BANG JEFF SEUNG-TAE

Giới tính: Nam

Ngày, tháng, năm sinh: 15/07/1969

Quốc tịch: Mỹ

Hộ chiếu nước ngoài: A04036555

Ngày cấp: 27/10/2022

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hoa Kỳ

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc: 109 Trần Thái Tông, Phường Bàn Thạch, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Đinh Châu Hiếu Toàn

**BAN QUẢN LÝ
KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 8744441555

Chứng nhận lần đầu: ngày 27 tháng 10 năm 2022

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ 6: ngày 23 tháng 12 năm 2025

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư và Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số 2609/QĐ-TTg ngày 28/11/2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu Kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số 8744441555 do Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng) cấp lần đầu ngày 27/10/2022, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 26/11/2025;

Xét Văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH SGI Vina nộp ngày 17/12/2025;

Theo đề nghị của Trưởng Phòng Quản lý đầu tư,

**BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ MỞ CHU LAI
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chứng nhận:

DỰ ÁN NAM CHÂM TỪ TÍNH SGI, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8744441555, do Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng) cấp lần đầu ngày 27/10/2022, chứng nhận điều chỉnh lần thứ 5 ngày 26/11/2025 được



điều chỉnh cập nhập thông tin: người đại diện pháp luật; tổ chức kinh tế thực hiện dự án; địa điểm thực hiện dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Tên nhà đầu tư: STAR GROUP IND. CO.,LTD

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 514-81-18177; ngày cấp: 01/05/1994; nơi cấp: Chi cục thuế Quận Seodaegu.

Địa chỉ trụ sở: 49, Dalseo- daero 85 – gil, Dalseo – gu, Daegu, Hàn Quốc.

Điện thoại: +82 53 593 0900; Fax: +82 53 593 0907

Email: kskong@sgtech.co.kr; Website: www.sgtech.co.kr

Thông tin về người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: KONG KOON SEUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc điều hành

Sinh ngày: 14/9/1962

Quốc tịch: Hàn Quốc

Hộ chiếu: M605D6131; ngày cấp: 13/6/2025; nơi cấp: Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: 216-1601, 125, Hosan-ro, Dalseo-gu, Daegu, Hàn Quốc

Chỗ ở hiện tại: 216-1601, 125, Hosan-ro, Dalseo-gu, Daegu, Hàn Quốc

Điện thoại: +82 10 8573 5000

Fax: +82 53 593 0907

Email: kskong@sgtech.co.kr

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

Tên tổ chức kinh tế: CÔNG TY TNHH SGI VINA

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4001258658 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 02/11/2022, Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng cấp điều chỉnh lần thứ 3 ngày 9/10/2025.

Mã số thuế: 4001258658

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: DỰ ÁN NAM CHÂM TỪ TÍNH SGI

2. Mục tiêu: Thành lập doanh nghiệp chế xuất để thực hiện dự án với các mục tiêu cụ thể sau:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC
1	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết: Sản xuất nam châm từ tính</i>	2599	
2	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại <i>Chi tiết: Sản xuất nam châm từ tính</i>	2591	
3	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại <i>Chi tiết: Gia công, xử lý bề mặt nam châm từ tính</i>	2592	

3. Công suất: 4.000 tấn sản phẩm/năm

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng.

5. Diện tích: 170.000 m².

6. Tổng vốn đầu tư: 2.681.077.500.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai ngàn sáu trăm tám mươi một tỷ, không trăm bảy mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng Việt Nam), tương đương 110.000.000 USD (Bằng chữ: Một trăm mười triệu đô la Mỹ), trong đó:

+ Vốn góp của nhà đầu tư: 1.244.170.000.000 VNĐ (Bằng chữ: Một ngàn hai trăm bốn mươi bốn tỷ, một trăm bảy mươi triệu đồng Việt Nam), tương đương 50.000.000 USD (Bằng chữ: Năm mươi triệu đô la Mỹ)

+ Vốn huy động: 1.436.907.500.000 VNĐ (Bằng chữ: Một ngàn bốn trăm ba mươi sáu tỷ, chín trăm lẻ bảy triệu năm trăm ngàn đồng Việt Nam), tương đương 60.000.000 USD (Bằng chữ: Sáu mươi triệu đô la Mỹ).

7. Thời gian thực hiện dự án: 50 năm, kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu (ngày 27/10/2022).

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ vốn góp:

ST T	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn (*)	Tiến độ góp vốn
		VNĐ	Tương đương USD			

1	STAR GROU P IND. CO.,LT D	1.244.170.000.000	50.000.000	45,46 %	Tiền	Đã góp đủ
---	---------------------------------------	-------------------	------------	------------	------	--------------

- Tiến độ huy động vốn: Theo tiến độ thực hiện dự án.

b) Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động:

- Thành lập và xin giấy phép cho dự án: Quý IV/2022.

- Xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc, tuyển dụng và đào tạo: Từ Quý I/2023 đến Quý III/2024.

- Hoạt động sản xuất: Quý IV/2024

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư: Thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư, đất đai, thuế và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế có trách nhiệm thực hiện đúng các quy định về đầu tư, đất đai, quy hoạch, xây dựng, môi trường, xuất nhập khẩu, lao động, thương mại và các quy định pháp luật khác có liên quan trong quá trình thực hiện đầu tư.

2. Nhà đầu tư phải thực hiện báo cáo định kỳ hằng quý, năm cho Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng theo quy định tại Luật Đầu tư.

3. Nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư và sử dụng tài khoản đã được cấp để cập nhật thông tin và thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định của pháp luật.

4. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, chính xác, trung thực về nội dung hồ sơ và các văn bản gửi cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

5. Sau khi hoàn thành quá trình xây dựng, tổ chức kinh tế thực hiện dự án (doanh nghiệp chế xuất) phải được cơ quan hải quan có thẩm quyền xác nhận việc đáp ứng các điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan theo quy định của pháp luật về thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu trước khi chính thức đi vào hoạt động. Trường hợp doanh nghiệp chế xuất không được xác nhận đáp ứng điều kiện kiểm tra, giám sát hải quan thì không được hưởng chính sách thuế áp dụng đối với khu phi thuế quan.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đầu tư số 8744441555 do Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam (nay là Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng) cấp lần đầu ngày 27/10/2022, chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm ngày 26/11/2025.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 03 (ba) bản gốc; nhà đầu tư được cấp 01 bản, tổ chức kinh tế thực hiện dự án được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai thành phố Đà Nẵng và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Trưởng Ban (b/c);
- Thuế thành phố Đà Nẵng;
- Chi cục Hải quan Khu vực XII;
- Công ty TNHH MTV PTHT KCN Chu Lai;
- Các Phòng: TNMT, QHĐT&HT;
- Văn phòng Ban;
- Lưu: VT, QLĐT.

**KT.TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Quang Triều



HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT
LAND SUBLEASE CONTRACT

Số/No: 52./2022/HĐ-TLĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Independence – Freedom - Happiness

Quảng Nam, ngày 22 tháng 11 năm 2022

Quang Nam, November , 2022

HỢP ĐỒNG THUÊ LẠI ĐẤT
LAND SUBLEASE CONTRACT

- Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Pursuant to Civil Law No. 91/2015/QH13 dated November 24, 2015 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;

- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Pursuant to the Commercial Law No. 36/2005/QH11 dated June 14, 2005 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;

- Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

- Pursuant to the Law on Land No. 45/2013/QH13 dated November 29, 2013 of the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam;

- Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

- Pursuant to the Decree No. 43/2014/ND-CP dated May 15, 2014 of the Government stipulating the implementation of some articles of the Law on Land;

- Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định, về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

- Pursuant to the Circular No. 30/2014/TT-BTNMT dated June 02, 2014 of the Minister of Natural Resources and Environment stipulating the profile of land allocation or land lease, changing the purpose of land use, land acquisition;

- Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

- Pursuant to the Decree No. 46/2014/ND-CP dated May 15, 2014 of the Government stipulating the collection of land and water surface rents;

- Căn cứ Nghị định số 35/2017/NĐ-CP ngày 3/4/2017 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước trong khu kinh tế, khu công nghệ cao;

- Pursuant to the Decree No. 35/2017/ND-CP dated April 3, 2017 stipulating the collection of land use levy, land rental and water surface rental in economic zones and hi-tech zones;

- Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu Kinh tế;

- Pursuant to Decree No. 35/2022/ND-CP dated May 28, 2022 on prescribing the management of industrial parks and economic zones;

- Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của UBND tỉnh Quảng Nam, về phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai;

- Pursuant to the Decision No. 161/QĐ-UBND dated January 14, 2022 of the People's Committee of Quang Nam province on approval of the Charter of the organization and operation of the Chu Lai Industrial Zone Infrastructure Development Limited Company;

- Căn cứ Quyết định số 02/QĐ-HĐTV ngày 28/02/2020 của Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng thành viên Công ty;

- Pursuant to Decision No. 02/QĐ-HĐTV dated February 28, 2020 of the Board of Members of Chu Lai Industrial Zone Infrastructure Development Limited Company on the issuance of the Regulation on the operation of the Board of Members of the Company;

- Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 05/HĐTĐ ngày 10/8/2016, Phụ lục hợp đồng thuê đất số 02/PLHĐTĐ ngày 14/5/2020; Hợp đồng thuê đất số 07/HĐTĐ ngày 21/8/2012, Phụ lục hợp đồng thuê đất số 03/PLHĐTĐ ngày 14/5/2020; Hợp đồng thuê đất số 04/HĐTĐ ngày 07/5/2013; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ ngày 30/6/2014; Hợp đồng thuê đất số 08/HĐTĐ ngày 20/11/2017; Hợp đồng thuê đất số 01/HĐTĐ ngày 16/4/2018, Phụ lục hợp đồng thuê đất số 04/PLHĐTĐ ngày 14/5/2020; Hợp đồng thuê đất số 13/HĐTĐ ngày 28/8/2020; Hợp đồng thuê đất số 04/HĐTĐ ngày 11/5/2022 giữa Ban quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai (nay là Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam) và Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai, về việc cho Công ty Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai thuê đất để quản lý, đầu tư, khai thác hạ tầng KCN Bắc Chu Lai;

Pursuant to the Land Lease Contract No. 05/HĐTĐ dated August 10, 2016, the Appendix to the Land Lease Contract No. 02/PLHĐTĐ dated May 14, 2020; Land lease contract No. 07/HĐTĐ dated August 21, 2012, Appendix to land lease contract No. 03/PLHĐTĐ dated May 14, 2020; Land lease contract No. 04/HĐTĐ dated May 7, 2013; Land lease contract No. 01/HĐTĐ dated June 30, 2014; Land lease contract No. 08/HĐTĐ dated November 20, 2017; Land lease contract No. 01/HĐTĐ dated April 16, 2018, Appendix of land lease contract No. 04/PLHĐTĐ dated May 14, 2020; Land lease contract No. 13/HĐTĐ dated August 28, 2020; Land lease contract No. 04/HĐTĐ dated May 11, 2022 between the Management Board of Chu Lai Open Economic Zone (was changed to the Management Board of Economic Zones and Industrial Zones of Quang Nam Province) and the Chu Lai Industrial Zone Infrastructure Development Limited Company, on leasing land to Chu Lai Industrial Zone Infrastructure Development Limited Company to manage, invest and exploit infrastructure in North Chu Lai Industrial Zone;

- Căn cứ Biên bản thỏa thuận đầu tư ngày 12/08/2022 giữa Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai và Star Group Ind. Co.,Ltd;

Pursuant to the Memorandum of Understanding dated August 12, 2022 between Chu Lai Industrial Zone Infrastructure Development Limited Company and Star Group Ind. Co.,Ltd;



- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư với mã số dự án số 8744441555, cấp lần đầu ngày 27/10/2022 và cấp hiệu đính lần thứ nhất ngày 17/11/2022 của Ban quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam cấp cho Nhà đầu tư Star Group Ind.Co., Ltd;

- Pursuant to the Investment Registration Certificate with project code number 8744441555, first issued on October 27, 2022 and granted the first revision on November 17, 2022 by the Management Board of Economic Zones and Industrial Zones of Quang Nam Province, to the Investor Star Group Ind.Co., Ltd

- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV với mã số doanh nghiệp 4001258658 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 02/11/2022 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 07/12/2022 cho Công ty TNHH SGI VINA;

- Pursuant to the Certificate of Business Registration of One Member Limited Liability Company with enterprise code 4001258658 issued for the first time by the Business Registration Office - Department of Planning and Investment of Quang Nam Province on November 2, 2022 and registered for the first change on December 07, 2022 for SGI Vina Co., Ltd.

Hôm nay, ngày 22 tháng 12, năm 2022, tại văn phòng Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai, chúng tôi gồm có:

Today, December 22, 2022, at the Office of Chu Lai Industrial Zone Infrastructure Development Company, two parties consisting of:

I. Bên cho thuê lại đất (Bên A)

SUBLESSOR (PARTY A)

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN CHU LAI (CIZIDCO)
CHU LAI INDUSTRIAL ZONE INFRASTRUCTURE DEVELOPMENT LIMITED COMPANY

Trụ sở : Lô số 05, Đường số 01, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

Address : Lot No. 05, Road No. 01, North Chu Lai Industrial Zone, Tam Hiep commune, Nui Thanh district, Quang Nam province, Vietnam.

Tài khoản số : 422 120 1000 760 tại Ngân hàng NN&PTNT, Chi nhánh Khu KTM Chu Lai, Quảng Nam.

Bank account No. 422 120 1000 760 at Agribank, Chu Lai Economic Zone Branch, Quang Nam.

Hoặc số tài khoản: 562 100 000 16562 tại Ngân hàng TMCP ĐT&PT Việt Nam, Chi nhánh Quảng Nam.

Or account No. 562 100 000 16562 at BIDV, Quang Nam Branch.

Mã số thuế/Tax code: 4000839748

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4000839748 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 03/01/2012 và đăng ký thay đổi lần thứ 04 ngày 08/03/2022.

Enterprise Registration Certificate No. 4000839748 issued for the first time on January 03, 2012 by Quang Nam Department of Planning and Investment and registered for the fourth change on March 8, 2022.

Họ và tên người đại diện theo pháp luật/ *Legal representative:*

Ông : **LÊ NGỌC THUY** Chức vụ : **Giám đốc**
Mr. LE NGOC THUY Position : Director

Sinh ngày : 07/10/1975

Date of birth : 07/10/1975

Số căn cước Công dân số: 001075039355 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 16/09/2021.

Citizen identification number: 001075039355 issued by the Police Department for administrative management of social order on September 16, 2021.

Ông : **NGUYỄN THANH CƯ** Chức vụ : **Kế toán trưởng**
Mr. NGUYEN THANH CU Position : Chief Accountant

Số điện thoại/ *Phone number:* 0235.2233126

Email : *bacchulai.kcn@gmail.com*

II. Bên thuê lại đất (Bên B): CÔNG TY TNHH SGI VINA

SUBLESSEE (PARTY B): SGI VINA COMPANY LIMITED

Trụ sở : Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

Address : Lot No. 25, North Chu Lai Industrial Zone, Tam Hiep commune, Nui Thanh District, Quang Nam province, Vietnam.

Mã số thuế/ *Tax code:* 4001258658

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4001258658 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 02/11/2022 và đăng ký thay đổi lần thứ 01 ngày 07/12/2022.

Enterprise Registration Certificate No. 4001258658 issued for the first time on November 02, 2022 by Quang Nam Department of Planning and Investment and registered for the first change on December 07, 2022.

Họ và tên người đại diện theo pháp luật/*Legal Representative:*

Ông : **BANG JEFF SEUNG-TAE** Chức vụ : **Tổng Giám đốc**
Mr. BANG JEFF SEUNG-TAE Position : General Director

Sinh ngày : 15/07/1969

Quốc tịch : Mỹ

Date of birth : 15/07/1969

Nationality : American

Hộ chiếu số : A04036555 do Bộ ngoại giao Hoa Kỳ cấp ngày 27/10/2022

Passport No. A04036555 issued on October 27, 2022 by United States Department of State.

Địa chỉ thường trú: 401 Noble Villa 12, Gaepo-ro 21-gil, Gangnam-gu, Seoul, Hàn Quốc.

Permanent address: 401 Noble Villa 12, Gaepo-ro 21-gil, Gangnam-gu, Seoul, South Korea.

Địa chỉ liên lạc : 107 Nguyễn Văn Trỗi, Phường Tân Thạnh, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

Contact address : 107 Nguyen Van Troi, Tan Thanh Ward, Tam Ky City, Quang Nam Province, Vietnam.

Số điện thoại/Phone number: 02353.885.000

Email : stbang@sgtech.co.kr

Bên A và Bên B tại đây được gọi riêng là một “**Bên**”, và gọi chung là “**Các Bên**”.

Party A and Party B are hereinafter referred to as “**Party**” individually or “**Parties**” collectively.

III. Các Bên thỏa thuận ký Hợp Đồng Thuê Lại Đất (“Hợp Đồng”) với các điều, khoản sau đây:

The Parties have mutually agreed to sign the Land Sublease Contract (“**Contract**”) with the following terms and conditions:

Điều 1. Lô Đất được cho thuê lại: Bên cho thuê lại đất (Bên A) cho Bên thuê lại đất (Bên B) thuê lại khu đất đã có cơ sở hạ tầng như sau (“**Lô Đất**”):

Article 1. The Land Lot to be sub-leased: Sublessor (Party A) hereby subleases to the Sublessee (Party B) the Land Lot with infrastructure specified as follows (“**Land Lot**”):

1.1. Diện tích đất: **170.000 m²** (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi nghìn mét vuông), trong đó

Land area: **170,000 m²** (In words: One hundred seventy thousand square meters), of which

- Phần đất có diện tích **168.000 m²** (Bằng chữ: Một trăm sáu mươi tám nghìn mét vuông) sẽ được Bên A cho bên B thuê lại và bàn giao ngay sau khi Hợp Đồng này được ký.

- an area of **168,000 m²** (In words: One hundred and sixty eight thousand square meters) shall be subleased and handed over by Party A to Party B upon the signing of this Contract.

- Phần đất còn lại với diện tích **2.000 m²** (Bằng chữ: Hai nghìn mét vuông) sẽ được Bên A cho bên B thuê lại ngay sau khi Bên A có đầy đủ quyền hạn và thẩm quyền để cho thuê lại phần diện tích này. Việc thanh toán và bàn giao của phần đất này sẽ được Các Bên thống nhất bằng việc ký kết một phụ lục Hợp Đồng.

- the remaining area of **2,000 m²** (In words: Two thousand square meters) shall be subleased by Party A to Party B right after Party A has the full power and authority to sublease this area. The payment and handover of this remaining area shall be agreed by the Parties by signing an appendix to this Contract.

Địa chỉ tại: Lô 25, KCN Bắc Chu Lai thuộc Khu kinh tế mở Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.

Location at: Lot 25, North Chu Lai Industrial Zone, Tam Hiep commune, Nui Thanh District, Quang Nam province, Vietnam.

1.2. Vị trí Lô Đất được xác định bởi các điểm ranh giới theo hệ tọa độ VN.2000. Bản đồ thể hiện Lô đất được đính kèm theo **Phụ Lục I** Hợp Đồng này.

The Land Lot position is defined by the boundary points according to coordinates VN.2000. The map of the Land Lot is attached to **Appendix I** of this Contract.



- 1.3. Thời hạn thuê đất: là **50 (năm mươi) năm** kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư được cấp lần đầu ngày **27/10/2022** ("**Thời Hạn Thuê**").

Land Lease Term: 50 (fifty) years from the date of issuance of the investment registration certificate for the first time on October 27, 2022 ("Lease Term").

Trường hợp Bên B có nhu cầu tiếp tục sử dụng đất sau khi hết Thời Hạn Thuê, Các Bên sẽ thương lượng một cách thiện chí về việc gia hạn Thời Hạn thuê trong trường hợp Bên A được gia hạn về thời gian thực hiện dự án.

If Party B wishes to continue using the land after the end of the Lease Term, the Parties will negotiate in good faith on the extension of the Lease Term in case Party A is extended the project implementation time.

- 1.4. Bàn giao Lô Đất/ *Handover of the Land Lot:*

Trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán Đợt 2 (được quy định tại khoản 2.1.3 dưới đây), Bên A bàn giao Lô Đất cho Bên B và Bên A sẽ phát hành hóa đơn tài chính đối với tổng số tiền đã được thanh toán nêu trong Điều 2 Hợp Đồng này cho Bên B.

Within 07 working days from the date of fully payment of the second installment (specified in clause 2.1.3 below), Party A shall hand over the Land Lot to Party B and issue a financial invoice for the total paid amount stated in Article 2 of this Contract to Party B.

- 1.4. Mục đích sử dụng đất thuê: Thực hiện dự án đầu tư có tên gọi "DỰ ÁN NAM CHÂM TỪ TÍNH SGI" theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8744441555 cấp lần đầu ngày 27/10/2022 và cấp hiệu đính lần thứ nhất ngày 17/11/2022 do Ban quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam cấp cho Bên B ("**GCNĐKĐT**").

Purpose of land use: Implementation of the investment project namely "SGI MAGNETIC MAGNET PROJECT" according to the Investment Registration Certificate No. 8744441555 issued for the first time on October 27, 2022 by the Management Board of Economic Zones and Industrial Zones of Quang Nam Province granted to Party B ("IRC").

- 1.5. Tiến độ xây dựng cơ bản và đưa công trình vào hoạt động: Thực hiện theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8744441555 cấp lần đầu ngày 27/10/2022 và cấp hiệu đính lần thứ nhất ngày 17/11/2022 mà Ban quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam cấp cho Bên B, cụ thể:

Progress of basic construction and putting the work into operation: Comply with the IRC No. 8744441555, first issued on October 27, 2022 and granted the first revision on November 17, 2022 by the Management Board of Economic Zones and Industrial Zones of Quang Nam Province to Party B, specifically:

- Quý IV/2022 : Thành lập và xin giấy phép cho dự án.
- *Quarter IV/2022 : Establishing and applying for a license for the project.*
- Quý I/2023 đến Quý IV/2023: Xây dựng nhà xưởng, lắp đặt máy móc, tuyển dụng và đào tạo.
- *Quarter I/2023 to Quarter IV/2023: Building factories, installing machines, recruiting and training.*
- Quý I/2024 : Hoàn thành và đưa dự án đi vào hoạt động.

- Quarter I/2024: Completing and putting the project into operation.

Tiến độ này có thể được điều chỉnh theo quy định của cơ quan chức năng có thẩm quyền.

This progress may be adjusted under the regulations of competent authorities.

Điều 2. Điều khoản thanh toán: Bên B có trách nhiệm thanh toán tiền thuê lại đất đã có cơ sở hạ tầng (“**Tiền Thuê Lại Đất**”) và Phí Sử Dụng Hạ Tầng (“**Phí Sử Dụng Hạ Tầng**”) theo quy định sau:

Article 2. Payment terms: Party B shall be responsible for paying the rental of land with infrastructure (“Land Sublease Rental”) and fee for use of infrastructure (“Infrastructure Usage Fee”) in accordance with the following provisions:

2.1. Tiền Thuê Lại Đất:

Land Sublease Rental:

2.1.1. Hình thức cho thuê lại đất: Thuê lại đất trả tiền thuê đất hằng năm.

Form of land sublease: Sublease land in the form of annual rent payment.

2.1.2. Đơn giá cho thuê lại đất trả tiền hằng năm là: **0,698 USD/1m²/1 năm** (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, “**GTGT**”).

The annual land sublease unit price is: 0.698 USD/1m²/1 year (excluding value added tax, “VAT”).

Theo đề nghị của Bên B, Bên A thống nhất đơn giá Tiền Thuê Lại Đất này được ổn định trong suốt thời gian thuê lại đất là 50 năm khi Bên B thống nhất nộp trước toàn bộ số Tiền Thuê Lại Đất có cơ sở hạ tầng cho Bên A là:

According to Party B's suggest, Party A agrees that this land sublease unit price will stable during the provisional land sublease period of 50 years when Party B agrees to pay in advance the entire amount of Land Sublease Rental for Party A.

168.000 m² x 0,698 USD/1m²/1 năm x 50 năm = 5.863.200 USD

168,000 m² x 0.698 USD/1m²/1 năm x 50 năm = 5,863,200 USD

Tiền thuế GTGT 10% = 586.320 USD

VAT 10% = 586,320 USD

Tổng Tiền Thuê Lại Đất bao gồm thuế GTGT = 6.449.520 USD

The total Land Sublease Rental plus VAT = 6,449,520 USD

(Bằng chữ: Sáu triệu bốn trăm bốn mươi chín nghìn năm trăm hai mươi đô la Mỹ)

(In words: Six million four hundred and forty-nine thousand five hundred and twenty US Dollars).

Đối với thuế GTGT: Theo quy định của pháp luật Việt Nam.

For VAT: According to the provisions of Vietnamese law.

2.1.3. Phương thức nộp tiền thuê lại đất: Nộp Tiền Thuê Lại Đất hằng năm.

Form of payment: The payment shall be paid annually.

Bên B thống nhất nộp trước tổng Tiền Thuê Lại Đất như trên thành 03 đợt nộp như sau:

Party B agrees to pay the total Land Sublease Rental in 03 installments as follows:

Đợt 1: Chủ sở hữu của Bên B đã chuyển đặt cọc số tiền là **69.416.100.000 đồng** (Sáu mươi chín tỷ, bốn trăm mười sáu triệu, một trăm nghìn đồng) tương đương với **2.966.500 USD** (áp dụng tỷ giá bình quân do Vietcombank công bố là 23.400 VND/USD theo Thông báo số 135/TB-Cty ngày 15/08/2022) vào ngày 18/08/2022.

***First installment:** The owner of Party B has transferred a deposit of 69,416,100,000 VND (Sixty-nine billion, four hundred and sixteen million, one hundred thousand Vietnam dong) equivalent to 2,966,500 USD (applied the average exchange rate announced by Vietcombank is 23,400 VND/USD according to Notice No. 135/TB-Cty dated August 15, 2022) on August 18, 2022.*

Các Bên đồng ý rằng số tiền đặt cọc này sẽ được xem là số tiền khấu trừ vào tổng Tiền Thuê Lại Đất cho Bên B.

The Parties agree that this deposit will be deducted from the total Land Sublease Rental payable by Party B.

Đợt 2: Trong vòng 07 ngày làm việc sau khi Bên A và Bên B ký Hợp Đồng này, Bên B sẽ thanh toán số tiền là: **2.310.380** và thuế GTGT là **(2.966.500 USD + 2.310.380 USD)*10% = 527.688 USD**, Tổng cộng: **2.838.068 USD** (Hai triệu, tám trăm ba mươi tám nghìn, không trăm sáu mươi tám đô la Mỹ) cho Bên A. Tổng số tiền thanh toán Đợt 1 và Đợt 2 tương đương 90% tổng Tiền Thuê Lại Đất.

***Second Installment:** Within 07 working days from the signing date of this Contract between Party A and Party B, Party B shall transfer an amount of 2,310,380 USD and VAT being (2,966,500 USD + 2,310,380 USD)*10% = 527,688 USD, Total: 2,838,068 USD (Two million, eight hundred thirty eight thousand, zero hundred and sixty eight US dollars) to Party A. The total payment of the First and Second Installments is equivalent to 90% of the total Land Sublease Rental.*

Đợt 3: Trong vòng 07 ngày làm việc sau khi Bên B được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với Lô Đất ("GCNQSDĐ") và hoá đơn tài chính do Bên A phát hành, Bên B sẽ thanh toán số Tiền Thuê Lại Đất còn lại tương đương 10% tổng Tiền Thuê Lại Đất (chưa bao gồm thuế GTGT) là **5.863.200 USD x 10% = 586.320 USD** và thuế GTGT tương ứng đợt 3 là **586.320 USD x 10% = 58.632 USD**, Tổng cộng: **644.952 USD** (Sáu trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm năm mươi hai đô la Mỹ) cho Bên A.

***Third installment:** Within 07 working days from the date Party B is granted with a certificate of land use rights and ownership of houses and other land-attached assets for the Land Lot ("LURC") and a financial invoice issued by Party A, Party B shall transfer the remaining amount equivalent to 10% of total Land Sublease Rental (excluding VAT) being 5,863,200 USD x 10% = 586,320 USD and VAT of Third Installment being 586,320 USD x 10% = 58,632 USD, Total: 644,952 USD (Six hundred and forty four thousand nine hundred fifty two US dollars) to Party A.*

- 2.1.4. Trong trường hợp thời gian thuê được gia hạn, Các Bên sẽ thỏa thuận lại đơn giá thuê.

In case the lease period is extended, the Parties will re-negotiate the rental unit price.

- 2.1.5. Việc cho thuê lại Lô Đất không làm mất quyền của Nhà nước là đại diện chủ sở hữu đất đai và mọi tài nguyên nằm trong lòng đất theo quy định của pháp luật.

The sublease of the Land Lot does not lose the right of the State as the representative of the owner of land and all underground resources in accordance with the law.

- 2.1.6. Trường hợp Bên B không thực hiện đầu tư dự án theo tiến độ đã đăng ký và ghi nhận trên GCNĐKĐT cấp bởi Ban quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam cho Star Group Ind. Co., Ltd, trừ trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép giãn tiến độ thực hiện dự án (Khi đó, điều khoản này chỉ áp dụng nếu Bên B không thực hiện theo tiến độ đã được điều chỉnh giãn đó), Bên A sẽ đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này và không hoàn trả Tiền Thuê Lại Đất mà Bên B đã thanh toán cho Bên A.

In case Party B does not implement the investment project in accordance with the registered schedule as stated in the IRC issued by Management Board of Economic Zones and Industrial Zones of Quang Nam Province to Star Group Ind. Co., Ltd, unless the competent authority allows the extension of the project implementation schedule (In that case, this provision only applies if Party B does not comply with such extended schedule); Party A will unilaterally terminate this Contract and not refund the Land Sublease Rental that Party B has paid to Party A.

- 2.1.7. Trường hợp Bên B chậm trễ thanh toán so với thời gian quy định trong Hợp Đồng này, Bên B phải trả thêm tiền lãi với lãi suất được tính theo công thức [lãi tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + lãi suất biên (3%)] x 150% được Ngân hàng Vietcombank công bố tại ngày chậm trễ.

*In case Party B delays in payment compared to the time specified in this Land Sublease Contract, Party B must pay an additional interest at an interest rate which is calculated according to the formula [12-month deposit interest + marginal interest rate (3%)]*150% prescribed by Vietcombank at the date of delay.*

2.2. Phí Sử Dụng Hạ Tầng /Infrastructure Usage Fee

- 2.2.1. Đơn giá Phí Sử Dụng Hạ Tầng là: **0,25 USD/m²/năm** (Bằng chữ: Không phải hai mươi lăm đô la Mỹ trên một mét vuông trên một năm) và được tính trên toàn bộ diện tích Lô Đất thực tế bàn giao cho Bên B.

Unit price of Infrastructure Usage Fee: 0.25 USD/m²/year (In words: Zero point twenty-five US dollars per one square meter per year) and shall be calculated on the entire actual Land Lot which has been handed over to Party B.

Đơn giá này chưa bao gồm thuế GTGT và được trả chậm nhất vào tháng đầu tiên của mỗi năm.

This unit price does not include VAT and shall be paid no later than in the first month of each year.

- 2.2.2. Phí Sử Dụng Hạ Tầng được điều chỉnh 05 năm một lần, mỗi lần điều chỉnh tăng 20% so với mức phí áp dụng liền kề trước đó và được tính từ ngày **28/10/2023**.

The Infrastructure Usage Fee shall be adjusted every 5 years at once, each adjustment is increasing 20% of the adjacent previous applicable unit price and is calculated from October 28, 2023.

2.3. Đồng tiền thanh toán/Payment Currency:

- 2.3.1. Việc thanh toán Tiền Thuê Lại Đất sẽ được chuyển vào tài khoản của Bên A bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân giữa mua và bán USD được quy đổi sang VNĐ do ngân hàng Vietcombank công bố vào ngày được xác định trong yêu cầu thanh toán do Bên A gửi cho Bên B, với điều kiện rằng yêu cầu thanh toán đó phải được gửi đến Bên B ít nhất 05 ngày làm việc trước ngày đến hạn thanh toán tương ứng.

The payment of the Land Sublease Rental will be made by bank transfer to Party A's bank account and in Vietnam Dong at the average exchange rate between buying and selling USD converted to VND announces by Vietcombank on the specified date in the written payment request sent by Party A to the Party B, provided that such payment request must be sent to Party B at least 05 working days before the due date of corresponding payment.

- 2.3.2. Việc thanh toán tiền Phí Sử Dụng Hạ Tầng hằng năm sẽ được chuyển trả vào tài khoản của Bên A bằng đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân giữa mua và bán USD được quy đổi sang VNĐ do ngân hàng Vietcombank công bố vào ngày 01 tháng 01 hoặc ngày làm việc ngày sau đó nếu tỷ giá không được công bố vào ngày 01 tháng 01 hằng năm.

The payment of the Infrastructure Usage Fee will be made by bank transfer to Party A's bank account and in Vietnam Dong at the average exchange rate between buying and selling USD converted to VND announces by Vietcombank on January 01 or the immediate working day following if the exchange rate is not available on January 01 each year.

2.3.3. Tài khoản nhận thanh toán:

Accounts receiving payment:

- + Tên tài khoản : Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai
- + Account holder : Chu Lai Industrial Zone Infrastructure Development Limited Company
- + Số tài khoản : 422 120 1000 760 tại Ngân Hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam - Chi Nhánh Khu Kinh Tế Mở Chu Lai Quảng Nam; HOẶC
- + Bank account No.: 422 120 1000 760 at Vietnam Bank for Agriculture and Rural Development, Chu Lai Open Economic Zone Quang Nam Branch; OR
- + Số tài khoản : 562 100 000 16562 tại Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - Chi Nhánh Quảng Nam.
- + Bank account No.: 562 100 000 16562 at Joint Stock Commercial Bank for Investment and Development of Vietnam - Quang Nam Branch

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Các Bên

Article 3. The rights and obligations of the parties

3.1. Bên A có các quyền và nghĩa vụ sau đây

Party A has the following rights and obligations:

- 3.1.1. Cho thuê lại và bàn giao Lô Đất với diện tích 168.000m² như quy định tại Điều 1 với mặt bằng sạch đã san nền cho Bên B.

Subleasing and handing over the Land Lot with land area of 168,000m² as mentioned in Article 1 to Party B with clean and leveled foundation.

- 3.1.2. Bảo đảm việc Bên B sử dụng Lô Đất một cách trọn vẹn, ổn định trong suốt Thời Hạn Thuê.

Ensuring Party B's full and stable use of the Land Lot during the Lease Term.

- 3.1.3. Kiểm tra Bên B sử dụng đất đúng diện tích, đúng mục đích, đúng tiến độ đăng ký tại Điều 1 Hợp Đồng này;
- Inspecting the use of land for the right purposes and the project progress as specified Article 1 of this Contract;*
- 3.1.4. Yêu cầu Bên B trả đủ Tiền Thuê Lại Đất, Phí Sử Dụng Hạ Tầng Khu công nghiệp theo quy định của Hợp Đồng này;
- Requesting Party B to pay the full amount of Land Sublease Rental for Party A, the Infrastructure Usage Fee as prescribed by this Contract;*
- 3.1.5. Yêu cầu Bên B không được huỷ hoại đất hoặc làm suy giảm giá trị của đất, nếu Bên B có hành vi vi phạm và không khắc phục vi phạm đó trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu khắc phục vi phạm bằng văn bản của Bên A (Hoặc có yêu cầu của cấp có thẩm quyền), thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng, yêu cầu Bên B hoàn trả đất, bồi thường thiệt hại và báo cáo cơ quan chức năng kiểm tra, xử lý theo quy định.
- Requesting Party B not to damage the land or undermine the value of the land; if Party B violates and fails to rectify such violation within 120 days from the date of receipt of a written request to rectify violations from Party A (or a request of the competent authority), Party A has rights to unilaterally terminate the Contract and request Party B to refund land, compensation for damage and report to competent authorities for inspection and handling according to regulations;*
- 3.1.6. Yêu cầu Bên B trả lại đất khi Thời Hạn Thuê đã hết hoặc Bên B không đưa đất vào sử dụng theo đúng tiến độ trong GCNĐKĐT đã được Ban Quản lý các Khu Kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam cấp cho Bên B.
- Requesting Party B to return the land when the Lease Term expires or Party B delays in putting the land into use according to the progress stated in the IRC issued by The Management Board of Economic Zone and Industrial Zone of Quang Nam province to Party B.*
- 3.1.7. Bên A hỗ trợ xin cấp GCNQSDĐ cho Bên B đối với Lô Đất nêu tại Điều 1 Hợp Đồng này.
- Party A shall support Party B in obtaining a LURC issued to Party B for the Land Lot mentioned in Article 1 of this Contract.*
- Các thủ tục như lập Hồ sơ môi trường, Phòng cháy chữa cháy, cấp phép xây dựng, v.v., Bên B tự mình hoặc thuê đơn vị tư vấn thực hiện, Bên A sẽ hỗ trợ tư vấn cho Bên B nếu cần thiết.
- For other procedures such as formulation of environmental records, fire fighting and prevention, construction permits, etc., Party B shall itself or hire a consultant unit to perform, Party A shall provide consultancy if necessary.*
- 3.1.8. Bên A sẽ xây dựng và lắp đặt cơ sở hạ tầng kỹ thuật (nước sạch, thoát nước thải, hạ tầng giao thông, thoát nước mưa, điện chiếu sáng) đến các điểm đầu nối ranh giới Lô Đất thuê và hỗ trợ Bên B làm việc với các đơn vị cung cấp điện, nước sạch, thông tin liên lạc, v.v. để ký Hợp Đồng sử dụng (Riêng phần cung cấp điện thực hiện theo nội dung Thông báo số 9134/TV-EVNCP ngày 13/12/2022 của Tổng Công ty Điện lực Miền Trung – Phụ lục II). Bên B sẽ xây dựng và lắp đặt các tiện ích trong ranh giới Lô đất thuê để sử dụng các tiện ích công cộng đó.

Party A shall build and install the technical infrastructure (clean water, waste water disposal, transport infrastructure, rainwater drainage, lighting) to the connection points on the boundary of the leased Land Lot, and support Party B in working with service units providing electricity, clean water, communication, etc... to sign the Contracts to use the services (Separately the power supply complies with the contents of Notice No. 9134/TB-EVNCPC dated December 12, 2022 of Central Power Corporation – Appendix II). Party B shall construct and install the facilities inside the boundary of the Land Lot for use of those public utilities.

- 3.1.9. Bên A đề nghị Bên B phải cam kết tự xử lý nước thải, tuân thủ và đảm bảo thu gom xử lý nước thải đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bắc Chu Lai và phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ môi trường của KCN Bắc Chu Lai và hồ sơ môi trường của dự án được duyệt.

Party A requests Party B to commit to self-treating wastewater, comply with and ensure that wastewater collection and treatment meet the the Receiving standards of the Centralized wastewater treatment plant of North Chu Lai IZ and comply with regulations on environmental protection of the North Chu Lai IZ and the provisions of the approved environment records.

Bên B phải đảm bảo cam kết tuân thủ về việc xử lý chất thải rắn theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Đối với khí thải (nếu có phát sinh) đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn theo các quy định về môi trường của pháp luật Việt Nam.

Party B must commit to comply with the solid waste treatment in accordance with Circular 02/2022/TT-BTNMT detailing a number of articles of the Law on Environmental Protection. For exhaust gas (if any), Party B shall ensure that it is treated to the required standards according to the environmental regulations of Vietnam's law

Để đảm bảo việc tuân thủ của Bên B, Bên A sẽ cung cấp cho Bên B tiêu chuẩn tiếp nhận của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, các văn bản về bảo vệ môi trường của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai và thông báo kịp thời cho Bên B khi có thay đổi các văn bản, quy định và tiêu chuẩn về môi trường mà Bên B cần phải tuân thủ.

To ensure Party B's compliance, Party A will provide the Receiving standards of the Centralized wastewater treatment plant of North Chu Lai IZ, documents on environmental protection of North Chu Lai IZ and promptly notify to Party B when there are changes to environmental documents, regulations and standards that Party B is required to comply with.

- 3.1.10. Bên A không được ký bất kỳ biên bản, hợp đồng để cho bất kỳ bên thứ ba nào thuê lại Lô Đất, không thế chấp, cầm cố Lô Đất nêu tại Điều 1 cho bất kỳ bên thứ ba trong suốt Thời Hạn Thuê.

Party A shall not enter into any memorandum, contracts in order to sublease the Land Lot to any third party, nor mortgage, pledge this Land Lot as mentioned in Article 1 to any third party during the Lease Term.

- 3.1.11 Bên A được quyền yêu cầu Bên B cung cấp các thông tin liên quan đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, gồm tổng vốn đầu tư thực hiện, tiến độ thực hiện dự án, tổng doanh thu, tổng lợi nhuận, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu, tổng số lao động, chế độ lương, thưởng, các ngày nghỉ lễ, v.v. (trừ thông tin bí mật, bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ của Bên B do Bên B xác định) để theo dõi tổng hợp báo

148 - C
TY
H
VIÊN
TÁNG
HIỆP
UANG N

cáo khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền (*Bên A không được quyền cung cấp các thông tin này cho bên thứ 3 ngoại trừ cơ quan nhà nước có thẩm quyền*).

Party A is entitled the right to request Party B to provide information related to the situation of production and business activities, including total investment capital, Project implementation schedule, total revenue, total profit, total import and export turnover, total labor, salary, bonus, holidays, etc. (except for confidential information, business secrets, technology secrets of Party B as determined by Party B) for the purpose of Party A's use of such information in its reports at the request of the competent authority (Party A shall not provide such information to a third party except for competent authority).

3.2. Bên B có các Quyền và nghĩa vụ sau đây:

Party B has the following rights and obligations:

3.2.1. Yêu cầu Bên A bàn giao Lô đất đúng như Điều 1;

Requesting Party A to hand over the Land Lot as agreed in Article 1;

3.2.2. Được sử dụng Lô đất một cách trọn vẹn, ổn định và không bị cản trở hay gián đoạn bởi Bên A hay bất kỳ bên thứ ba nào trong suốt Thời Hạn Thuê đã thoả thuận (*trừ trường hợp Bên B không tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam*);

Having right to use the Land Lot fully, stably without any interruption or disturbance from Party A or any third party during the agreed Lease Term (except for the case Party B does not comply with the provisions of Vietnamese law);

3.2.3. Được hưởng hoa lợi, lợi tức từ việc sử dụng đất theo quy định của pháp luật;

Enjoying the yields and profits from the use of land according to regulations of the law;

3.2.4. Sử dụng đất đúng mục đích, có hiệu quả, đúng Thời Hạn Thuê, và phù hợp với GCNĐKĐT đã được cơ quan có thẩm quyền cấp (sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm). Trường hợp Bên B sử dụng đất sai mục đích thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng thuê lại đất này mà không phải bồi thường thiệt hại gì, yêu cầu Bên B khôi phục hiện trạng khu đất và hoàn trả lại khu đất thuê. Bên A có toàn quyền sử dụng khu đất đã thu hồi trên và sẽ không hoàn trả Tiền Thuê Lại Đất mà Bên B đã thanh toán cho Bên A.

Using the Land Lot for the proper purposes, effective results, in line the Lease Term, and in accordance with the IRC issued by the competent authority (shall amend and supplement from time to time). In case Party B fails to use the land for the correct purpose, Party A has the right to unilaterally terminate this Contract without any compensation, request Party B to restore the current state of the land and return the leased land. Party A has the full right to use the above recovered land and will not refund the Land Sublease Rental that Party B has paid to Party A.

3.2.5. Không được huỷ hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của đất;

Not being allowed to destroy or diminish the use value of the Land Lot;

3.2.6. Trả đủ Tiền Thuê Lại Đất, tiền Phí Sử Dụng Hạ Tầng theo đúng phương thức Các Bên đã thoả thuận nêu tại Điều 2 Hợp Đồng này;

Making payment of the Land Sublease Rental, Infrastructure Usage Fee in full as agreed in Article 2 of this Contract;

- 3.2.7. Tuân thủ theo các quy định về quy hoạch xây dựng và bảo vệ môi trường; không được làm tổn hại đến quyền, lợi ích của người sử dụng đất xung quanh, sử dụng nguyên liệu phục vụ sản xuất thân thiện với môi trường.

Complying with regulations on construction and environmental protection; must not harm the rights and interests of surrounding land users, and use environmentally friendly materials for production;

- 3.2.8. Trả lại đất sau khi hết Thời Hạn Thuê nếu không tiếp tục xin gia hạn Hợp Đồng theo quy định.

Returning the land after the expiry of the Lease Term if not register to renew the Contract as prescribed.

- 3.2.9. Không được cho bất kỳ tổ chức, cá nhân khác thuê lại Lô Đất dưới bất kỳ hình thức nào.

Not being allowed to sublease the Land Lot for any organization or individuals in any case.

- 3.2.10. Sau khi dự án đi vào hoạt động chính thức, Bên B được quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ dự án kèm tài sản trên đất theo các quy định của pháp luật hiện hành tại thời điểm chuyển nhượng và phải được sự thống nhất bằng văn bản của Bên A và cơ quan có thẩm quyền, với điều kiện, Bên A sẽ không từ chối một cách bất hợp lý việc đưa ra chấp thuận trong trường hợp bên tiếp nhận là công ty con hoặc công ty liên kết của Bên B. Đơn vị nhận chuyển nhượng phải ký lại biên bản thỏa thuận và hợp đồng thuê lại đất với Bên A và thực hiện các thủ tục pháp lý có liên quan theo quy định của pháp luật.

After the Project goes into official operation, Party B may transfer a part or all of the project including the assets attached to the Land Lot in accordance with the provisions of applicable laws at the time of transfer when such transfer is approved in writing by Party A and competent authority; provided that, Party A will not unreasonably withhold or decline such approval in case the successor being any of Party B's subsidiaries or affiliated company. The transferee must re-sign a memorandum and land sublease contract with Party A and carry out relevant legal procedures in accordance with the law.

- 3.2.11. Bên B có quyền thế chấp quyền sử dụng đất đối với Lô Đất và tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật. Bên A sẽ thực hiện thủ tục cần thiết trong phạm vi quyền hạn của Bên A để hỗ trợ Bên B thực hiện quyền của mình theo quy định.

Party B is entitled to mortgage the land use right of the Land Lot and the assets attached to the Land Lot in accordance with the regulations of the law. Party A shall perform necessary procedures within Party A's powers to support Party B to exercise its rights under the laws.

- 3.2.12. Bên B cam kết thực hiện dự án đúng tiến độ ghi tại GCNĐKĐT và sử dụng đất hiệu quả, hợp lý. Trường hợp điều chỉnh tiến độ phải có giải trình cụ thể, hợp lý và được cơ quan chức năng chấp thuận bằng văn bản.

Party B commits to carry out the project in accordance with the progress specified in the IRC and use the land effectively. In case of adjustment of the progress, there must be a specific and reasonable explanation and accepted in writing by the authorities.

- 3.2.13. Bên B chấp thuận cung cấp thông tin cần thiết khi bên A yêu cầu như Điều 3.1.11 và tạo điều kiện để Bên A được phép tham quan, quảng bá hình ảnh dự án đầu tư trong khu công nghiệp khi cần thiết.

Party B shall provide the necessary information when Party A requests as provided in Article 3.1.11 and creates conditions for Party A to visit and promote the image of the investment project in the industrial zone if necessary.

- 3.2.14. Bên B cam kết và đảm bảo thu gom triệt để nước thải và xử lý nước thải của Bên B đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bắc Chu Lai trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom chung để đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Bắc Chu Lai và phải tuân thủ theo các quy định về bảo vệ môi trường của KCN Bắc Chu Lai và Hồ sơ môi trường của dự án được duyệt. Trước khi thiết kế hệ thống thu gom và xử lý nước thải nội bộ của Bên B thì phải có sự thỏa thuận với Bên A về khối lượng và chất lượng nước thải mà Bên B đầu nối về hệ thống thu gom chung của KCN Bắc Chu Lai.

Party B commits and ensures that Party B's wastewater is thoroughly self-collected and self-treated to meet the receiving standards of the Centralized wastewater treatment plant of North Chu Lai IZ before connecting to the general collection system to lead to the centralized wastewater treatment system of the North Chu Lai IZ; and must comply with regulations on environmental protection of the North Chu Lai IZ and the provisions of the approved environment records. Before designing Party B's internal wastewater collection and treatment system, Party B shall reach an agreement with the Party A on the volume and quality of wastewater that Party B connects to the general collection system of North Chu Lai Industrial Park.

- 3.2.15. Trường hợp Bên B ngưng thực hiện dự án trước khi Thời Hạn Thuê 50 năm kết thúc vì các nguyên nhân bất khả kháng (Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép. Sự kiện bất khả kháng bao gồm, nhưng không giới hạn ở thiên tai, tình trạng khẩn cấp quốc gia, chiến tranh, hành động thù địch, bạo loạn, rối loạn dân sự, động đất, lũ lụt, hỏa hoạn, dịch bệnh..., các hành động hoặc sự chỉ thị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.) mà không phải do lỗi của Bên B và được cơ quan chức năng có thẩm quyền chấp thuận thì Bên B phải thực hiện xử lý các tài sản trên đất của dự án theo quy định, hoàn trả lại toàn bộ Lô Đất cho Bên A cùng các giấy tờ pháp lý có liên quan đến Lô Đất và thực hiện các thủ tục pháp lý để chấm dứt dự án theo quy định của pháp luật. Đồng thời Bên A sẽ hoàn trả số Tiền Thuê Lại Đất và Phí Sử Dụng Hạ Tầng Bên B đã thanh toán tương ứng với thời gian thuê lại đất còn lại.

In case Party B stops executing the project before the Lease Term of 50 years expires due to force majeure (Force Majeure is an event that happens objectively, unpredictably, and cannot be overcome although all necessary measures have been applied and all the capacity has been exhausted. Force majeure events include, but are not limited to, natural disasters, national emergencies, war, hostile acts, violent disturbances, civil disturbances, earthquakes, floods, fires, epidemics, etc., actions or instructions of competent state agencies.), and not due to Party B's fault which is approved by competent authorities, Party B shall settle all existing property on the land of the project, return the Land Lot and related documents to the Land Lot to Party A and implement relevant legal procedures to terminate the project in accordance with the law. At the same time, Party A will refund the Land Sublease

Rental and Infrastructure Usage Fee paid by Party B corresponding to the remaining time of the Lease Term.

Điều 4. Hợp Đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

Article 4. The Contract shall be terminated in the following cases:

- 4.1. Hết Thời Hạn Thuê lại đất theo Hợp Đồng này mà không được gia hạn thuê tiếp;
Upon the expiry of the land Lease Term of this Contract and the land lease is not further renewed;
- 4.2. Theo thỏa thuận chấm dứt Hợp Đồng bằng văn bản giữa Các Bên;
Upon agreement in writing to terminate this Contract by the Parties;
- 4.3. Bên B tiến hành thủ tục phá sản hoặc giải thể;
Party B carries out bankruptcy or dissolution procedures;
Trong trường hợp này, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này, với điều kiện các quyền tài sản của Bên B sẽ được thực hiện theo pháp luật hiện hành.
In this case, Party A has the right to unilaterally terminate this Contract, provided that all property rights of Party B shall follow applicable laws.
- 4.4. Bên B bị cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất theo quy định của pháp luật về đất đai.
Party B is recovered the land by the State competent agencies in accordance with the law on land regulations.
- 4.5. Bên B chuyển nhượng toàn bộ dự án và tài sản gắn liền với Lô Đất cho bên thứ 3. Trong trường hợp này, việc xử lý bất kỳ khoản thanh toán mà Bên B đã thanh toán cho Bên A cho Thời Hạn Thuê còn lại sẽ được Các Bên thỏa thuận một cách thiện chí.
Party B transfers the entire project and assets attached to the Land Lot to the third party. In this case, the settlement of any payments that Party B has paid to Party A for the remaining time of the Lease Term shall be agreed in good faith by the Parties.
- 4.6. Bên B bị chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư.
Party B has terminated the operation of the investment project.
Trường hợp dự án đầu tư của Bên B bị chấm dứt chỉ do lỗi của Bên B, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp Đồng này và không hoàn trả Tiền Thuê Lại Đất mà Bên B đã thanh toán cho Bên A.
In case Party B's investment project is terminated solely due to Party B's fault, Party A has the right to unilaterally terminate this Contract and not refund the Land Sublease Rental that Party B has paid to Party A.
Trong các trường hợp khác, Bên A sẽ hoàn trả số Tiền Thuê Lại Đất và Phí Sử Dụng Hạ Tầng Bên B đã thanh toán tương ứng với Thời gian thuê còn lại.
Otherwise, Party A will refund the Land Sublease Rental and Infrastructure Usage Fee paid by Party B corresponding to the remaining Lease Term.
- 4.7. Bên B thay đổi địa điểm thực hiện dự án ngoài Lô Đất trong KCN Bắc Chu Lai.

VIỆN
TÁNG
LẬP
HÀNG NÀ

Party B changes the location of the project out of the Land Lot located in North Chu Lai IZ.

Điều 5. Quy định chung

Article 5. General provisions

- 5.1. Việc giải quyết tài sản gắn liền với đất sau khi chấm dứt Hợp Đồng này được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

The settlement of assets attached to the land upon the termination of this Contract shall comply with the provisions of Vietnam laws.

- 5.2. Mọi thông báo hoặc thông tin liên lạc lập theo Hợp Đồng này đều sẽ được lập bằng văn bản bằng tiếng Việt và được trao tận tay hoặc chuyển phát hoặc bằng fax đến địa chỉ được ghi trong Hợp Đồng này hoặc đến các địa chỉ khác mà được thông báo bằng văn bản. Với bằng chứng của việc gửi như trên, một Bên được coi là đã nhận được thông báo:

Any notice or communication under this Contract shall be made in writing and in Vietnamese and shall be delivered by hand or sent by courier or facsimile to the address given in this Contract or at other addresses as may be notified in writing. With the proof of dispatch of any notice or communication, either Party shall be deemed to have received the notice:

a) nếu được giao tận tay, tại thời điểm chuyển phát được ghi nhận trong phiếu giao nhận;

if delivered by hand, at the time of delivery as mentioned on the transmittal note;

b) khi gửi bằng chuyển phát, là 7 (bảy) ngày tính từ ngày gửi thông báo; và

if delivered by courier, 7 (seven) days after the date of sending the notice; and

c) khi gửi bằng fax, khi việc chuyển có xác nhận của máy fax là việc chuyển đi không bị sai sót.

if delivered by facsimile, when transmission is confirmed by an activity report indicating the transmission was transmitted error-free.

- 5.3. Nếu bất kỳ điều khoản nào của Hợp Đồng này bị tuyên bố không hợp pháp, không thể áp dụng được hoặc trái với pháp luật hiện hành bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền, thì, các điều khoản còn lại của Hợp Đồng này vẫn có đầy đủ hiệu lực; và Các Bên sẽ thảo luận, thương lượng và thay thế các điều khoản không hợp pháp hoặc không thể áp dụng đó với các điều khoản phù hợp bằng cách ký kết một phụ lục của Hợp Đồng này.

If any provision of this Agreement is declared to be unlawful, unapplicable or contrary to applicable law by any governmental or competent authority, the remaining provisions of this contract shall remain full effect; and the Parties shall discuss, negotiate and replace unlawful or unapplicable provisions with appropriate terms by signing an addendum to this Contract.

- 5.4. Bất kỳ sửa đổi, bổ sung nào liên quan đến Hợp Đồng này chỉ có hiệu lực nếu được lập thành văn bản và được sự đồng ý của Các Bên (Bên A và Bên B).

Any amendment and supplement to this contract will only take effect if it is made in writing and agreed to by the Parties (Party A and Party B).

Điều 6. Các Bên cam kết thực hiện đúng quy định của Hợp Đồng này, nếu Bên nào không thực hiện thì phải bồi thường cho việc vi phạm Hợp Đồng gây ra theo quy định của pháp luật.

Article 6. The Parties undertake to comply with the provisions of this Contract, if any Party does not perform, that Party has to pay compensation for breach of the Contract as prescribed by law.

Bên A và Bên B chịu trách nhiệm trước pháp luật về những lời cam kết sau đây:

Party A and Party B are responsible before the law for the following undertakings:

6.1. Bên A cam kết:

Party A undertakes:

- Những thông tin về Bên A, về Lô Đất đã ghi trong Hợp Đồng này là đúng sự thật;

All information on Party A and the Land Lot as provided specified in this Contract are true and correct;

- Tại thời điểm giao kết Hợp Đồng này, Lô Đất thuộc trường hợp được cho thuê lại đất và Bên A có đầy đủ quyền hạn và thẩm quyền cho thuê lại Lô đất theo quy định của pháp luật;

At the time of signing this Contract, the Land Lot is eligible for sublease and Party A has the full power and authority to sublease the Land Lot in accordance with the laws;

- Tại thời điểm giao kết Hợp Đồng này, Lô Đất không có tranh chấp, không là đối tượng của bất kỳ giao dịch bảo đảm, cầm cố, thế chấp, bản án hay quyết định hành chính nào;

At the time of signing this Contract, the Land Lot is not in any dispute, not subject to any security, pledge, mortgage, judgment or administrative decision;

- Việc giao kết Hợp Đồng này hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, không bị ép buộc;

The signing of this Contract is entirely voluntary, without being deceived or forced;

- Thực hiện đúng và đầy đủ tất cả các thoả thuận đã ghi trong Hợp Đồng này.

To perform strictly and fully all agreements as stated in this Contract.

6.2. Bên B cam kết:

Party B undertakes:

- Những thông tin về Bên B đã ghi trong Hợp Đồng này là đúng sự thật;

All information on Party B specified in this Contract is true and correct;

- Đã xem xét kỹ, biết rõ về Lô Đất nêu tại Điều 1 của Hợp Đồng này và các tài liệu liên quan đến Lô Đất;

To carefully consider and is aware of the Land Lot mentioned in Article 1 of this Contract and the relating document on the Land Lot;

- Thực hiện đúng và đầy đủ các thoả thuận đã ghi trong Hợp Đồng này.

To perform strictly and fully all the agreements as stated in this Contract.

Điều 7. Giải quyết tranh chấp

Article 7. Dispute settlement

- 7.1. Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này sẽ được giải quyết tại Tòa án có thẩm quyền tại tỉnh Quảng Nam.

Any dispute arising out of or in relation to this Contract shall be resolved by the competent court in Quang Nam Province, Vietnam.

- 7.2. Trong thời gian giải quyết bất kỳ tranh chấp nào, các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này vẫn tiếp tục ràng buộc Các Bên và Các Bên sẽ tiếp tục thực hiện và tuân thủ Hợp Đồng này.

While any dispute is being resolved, the terms and conditions of this Contract shall continue to bind the Parties and the Parties will continue to perform and observe this Contract.

Điều 8. Hợp Đồng này gồm 22 trang (bao gồm 02 phụ lục đính kèm), được lập thành 06 bản song ngữ Việt – Anh có giá trị pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác biệt giữa tiếng Việt và tiếng Anh, bản tiếng Việt có giá trị pháp lý áp dụng, bản tiếng Anh chỉ có giá trị tham khảo. Bên B giữ 02 bản, Bên A giữ 04 bản. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Article 8. This Contract is included 22 pages (including 02 attached appendices), and made in 06 bilingual Vietnamese – English originals having the same legal value, English version is for reference only. In case there are any differences between Vietnamese and English, the Vietnamese version shall prevail. Party B will keep 02 originals, Party A will keep 04 originals. This Contract takes effect from the date of signing./.

**Đại diện và thay mặt cho
Bên thuê lại đất (Bên B)**

*For and on behalf of the Sublessee
(Party B)*



BANG JEFF SEUNG-TAE
Tổng Giám đốc
General Director

**Đại diện và thay mặt cho
Bên cho thuê lại đất (Bên A)**

*For and on behalf of the Sublessor
(Party A)*



LÊ NGỌC THỦY
Giám đốc
Director

PHỤ LỤC 1
APPENDIX 1
BẢN ĐỒ LÔ ĐẤT
MAP OF THE LAND LOT

PHỤ LỤC I: TRÍCH LỤC BẢN ĐỒ KHU ĐẤT

(Kèm theo Hợp đồng thuê lại đất số 32/2022/HD-TLĐ ngày 22/12/2022 giữa Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai và Công ty TNHH SGI VINA)
Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai và Công ty TNHH SGI VINA)

- Đơn vị cho thuê lại đất: Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai.
 - Đơn vị thuê lại đất: Công ty TNHH SGI VINA.
- Địa chỉ: Lô số 25, KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.
 - Diện tích: 168.000m² (Một trăm sáu mươi tám ngàn mét vuông).
 - Mục đích sử dụng đất: Thực hiện dự án đầu tư có tên gọi "DỰ ÁN NAM CHÂM TỪ TÍNH SGI"

BẢNG KÊ TOẠ ĐỘ CÁC ĐIỂM
RANH GIỚI KHU ĐẤT

ĐIỂM	TOẠ ĐỘ X	TOẠ ĐỘ Y
1	X=591571.87	Y=1706715.34
2	X=591782.72	Y=1706956.06
3	X=591383.090	Y=1707306.09
4	X=591172.24	Y=1707065.38
5	X=591232.05	Y=1707013.00
6	X=591260.11	Y=1707050.64
7	X=591300.31	Y=1707046.34
8	X=591293.01	Y=1707036.61
9	X=591258.01	Y=1706990.25

GHI CHÚ:

- RANH GIỚI KHU ĐẤT
- DIỆN TÍCH: 168.000 M²

* TỨC CẬN TIẾP GIÁP:

- + ĐÔNG - BẮC GIÁP : ĐƯỜNG NỘI BỘ KCN BẮC CHU LAI GD2
- + ĐÔNG - NAM GIÁP : ĐẤT CÔNG TY THIẾT CHU LAI
- + TÂY - BẮC GIÁP : ĐẤT CÔNG NGHIỆP CHO THUÊ
- + TÂY - NAM GIÁP : HÀNH LANG ĐƯỜNG CAO TỐC ĐÀ NẴNG - QUẢNG NGÃI

CÔNG TY TNHH MTV PHTT KCN CHU LAI

CÔNG TY TNHH SGI VINA



GIÁM ĐỐC

Lê Ngọc Thủy



PHỤ LỤC II

APPENDIX II

THÔNG BÁO SỐ 9134/TB-EVNCPC ngày 13/12/2022

Notice No. 9134/TB-EVNCPC dated December 13, 2022



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: 24/2024-XLNT

Giữa

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN CHU LAI

Và

CÔNG TY TNHH SGI VINA

“Dự án nam châm từ tính SGI”

Năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Núi Thành, ngày 01 tháng 07 năm 2024

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Số: /2024-XLNT

PHẦN I. CĂN CỨ PHÁP LÝ

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 10, thông qua ngày 24/11/2015;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 14, thông qua ngày 17/11/2020;
- Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa 13, thông qua ngày 27/11/2023;
- Văn bản hợp nhất Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải số 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2024;
- Thông tư 13/2018/TT-BXD ngày 27/12/2018 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;
- Thông tư số 04/2015/TT-BXD ngày 03/4/2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số điều của Nghị định 80/2014/NĐ-CP ngày 6/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;
- Quyết định số 105/QĐ-Cty ngày 27/12/2022 của Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai về Ban hành quy chế bảo vệ môi trường KCN Bắc Chu Lai;
- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8744441555 được Ban quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 27/10/2022 và chứng nhận điều chỉnh lần thứ 03 ngày 10/4/2024 cho Công ty TNHH SGI Vina;
- Giấy phép môi trường số 327/GPMT-STNMT ngày 05/5/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam cấp cho Công ty TNHH SGI Vina;
- Văn bản ngày 20/9/2022 của Công ty Star Group IND về đăng ký nhu cầu sử dụng nước và lưu lượng xả thải Dự án Nhà máy nam châm từ tính SGI.
- Biên bản xác nhận hoàn thành đầu nối nước mưa, nước thải ngày 16/7/2024 giữa Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai và Công ty TNHH SGI Vina.
- Căn cứ nhu cầu và khả năng của hai bên.

PHẦN II. CÁC CHỦ THỂ HỢP ĐỒNG

I. Bên Cung cấp Dịch vụ: (Sau đây gọi tắt là Bên A)

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN CHU LAI

Đại diện : Ông Lê Ngọc Thuý

Chức vụ: Giám đốc

Trụ sở : Lô số 05, đường số 01, KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Điện thoại : 0235.2233126

Số tài khoản : 4221201000 760 tại Ngân hàng NN&PTNT Khu KTM Chu Lai. Hoặc số tài khoản: 5620016562 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Quảng Nam

Mã số thuế : 4000839748

II. Bên Sử dụng Dịch vụ (Sau đây gọi tắt là Bên B):

CÔNG TY TNHH SGI VINA

Đại diện : Ông **BANG JEFF SEUNG – TAE** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Địa chỉ : Lô số 25, KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Điện thoại : 0235.3885000

Mã số thuế : 4001258658

PHẦN III: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Hai bên cùng thống nhất ký kết hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải với các nội dung cơ bản như sau:

Điều 1. Loại nước thải: Nước thải sinh hoạt

Điều 2. Điểm đầu nối

Điểm đầu nối nước thải của Bên B được xác định như sau:

- Vị trí hố ga H22 thuộc hệ thống thu gom nước thải KCN Bắc Chu Lai giai đoạn 2.
(Đính kèm theo sơ đồ đầu nối nước thải)

- Kích thước ống thoát nước thải tại điểm đầu nối: ống D200mm

- Đã lắp thiết bị đo lưu lượng kênh hở và van khoá ống thoát nước thải tại vị trí đầu nối.

Điều 3. Khối lượng xả nước thải

Khối lượng nước thải của Bên B được xác định bằng thiết bị đo lưu lượng kênh hở.

Điều 4: Chất lượng nước thải

Thành phần, nồng độ chất ô nhiễm có trong nước thải của Bên B nằm trong Tiêu chuẩn tiếp nhận của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bắc Chu Lai được ban hành tại Quyết định số 105/QĐ-Cty ngày 27/12/2022 của Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai về Ban hành quy chế bảo vệ môi trường KCN Bắc Chu Lai.

Căn cứ phiếu kết quả thử nghiệm để xác định nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải của Bên B. Phiếu kết quả thử nghiệm do bên B cung cấp khi lấy mẫu giám sát môi trường định kỳ hoặc do bên A tiến hành lấy mẫu đột xuất có sự chứng kiến giữa hai bên.

Điều 5. Chất lượng dịch vụ

Handwritten signature and mark

Nước thải của Bên B được đầu nối vào mạng lưới thu gom chung của KCN và đưa về Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bắc Chu Lai để xử lý đạt cột A theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

Điều 6. Giá dịch vụ và phương thức thanh toán

6.1. Giá dịch vụ

a. Đơn giá dịch vụ xử lý nước thải

Chi phí dịch vụ xử lý nước thải mà Bên B phải trả cho Bên A theo Hợp đồng được tính như sau:

Chi phí dịch vụ xử lý nước thải = Khối lượng nước thải x Đơn giá dịch vụ xử lý nước thải x Hệ số K.

Đơn giá xử lý 1 m ³ nước thải (VNĐ)	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K	Đơn giá dịch vụ xử lý trước thuế (VNĐ)
13.851	≤ 150	1	13.851
	151 -200	1,5	20.777
	201-300	2,0	27.702
	301-400	2,5	34.628
	401-600	3,5	48.479
	>600	4,5	62.330

Hàng quý căn cứ vào khối lượng nước thải và hệ số K, Bên A sẽ thông báo bằng văn bản cho Bên B số tiền dịch vụ xử lý nước thải phải thanh toán và Bên B có nghĩa vụ thanh toán cho Bên A số tiền đó đầy đủ và đúng hạn.

b. Phương thức xác định khối lượng

Hai bên cùng tiến hành lập biên bản xác nhận khối lượng nước thải mà bên B sử dụng trong quý.

Thời gian lập biên bản xác nhận khối lượng: Từ ngày 25 đến hết ngày cuối cùng của quý, trường hợp trùng với ngày nghỉ lễ, tết ... thì lập sớm hơn 01 ngày.

c. Thay đổi đơn giá dịch vụ

Đơn giá dịch vụ xử lý nước thải sẽ được điều chỉnh trong quá trình thực hiện khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- Khi có sự đầu tư thay đổi cơ bản về công nghệ xử lý nước thải, chất lượng dịch vụ;

- Khi có sự thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước, định mức kinh tế kỹ thuật và/hoặc điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, khu vực có sự thay đổi.

- Khi có sự thay đổi đơn giá dịch vụ xử lý nước thải từ Bên A áp dụng chung cho KCN Bắc Chu Lai.

Đơn giá dịch vụ xử lý nước thải sẽ được điều chỉnh theo thông báo bằng văn bản của Bên A cho Bên B trước 15 ngày kể từ ngày áp dụng.

6.2. Thời gian và phương thức thanh toán

Thời gian thanh toán tiền: Thanh toán chậm nhất trong vòng 15 ngày kể từ ngày Bên B nhận hóa đơn tài chính từ Bên A

Đối với thuế GTGT (VAT): Theo quy định của pháp luật Việt Nam

Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản qua tài khoản của Bên A.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

7.1. Bên A có các quyền sau đây:

- Thu phí dịch vụ xử lý nước thải của Bên B;
- Giám sát hoạt động xả nước thải vào hệ thống thu gom của Bên B bằng cách theo dõi và lấy mẫu đột xuất để phân tích bất kỳ chỉ tiêu nào theo Tiêu chuẩn/Quy chuẩn hiện hành nhằm kiểm tra chất lượng nước thải.
- Kiểm tra hoạt động của thiết bị đo lưu lượng nước thải đầu ra của Bên B (thiết bị đo lưu lượng kênh hở).
- Yêu cầu Bên B thực hiện đúng quy định của Hợp đồng và được bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật và Hợp đồng này.
- Ngừng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải theo quy định tại điều 28 của Văn bản hợp nhất Nghị định về thoát nước và xử lý nước thải số 02/VBHN-BXD ngày 17/5/2024.
- Lập và trình cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, sửa đổi, bổ sung các quy phạm, quy chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

7.2. Bên A có các nghĩa vụ sau đây:

- Cung cấp các dịch vụ xử lý nước thải cho bên B đảm bảo chất lượng;
- Cung cấp thông tin thỏa thuận đầu nối cho bên B khi có yêu cầu;
- Xử lý sự cố, khôi phục việc thoát nước;
- Thực hiện các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;
- Đảm bảo duy trì ổn định dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải theo quy định;
- Tiếp nhận và giải quyết các đơn yêu cầu, khiếu nại về dịch vụ xử lý nước thải của bên B.
- Đảm bảo an toàn, hiệu quả và tiết kiệm trong quản lý, vận hành hệ thống thoát nước và xử lý nước thải theo quy định.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

8.1. Bên B có các quyền sau đây

- Được cung cấp dịch vụ xử lý nước thải theo quy định của pháp luật ;
- Được yêu cầu bên A kịp thời khắc phục khi có sự cố về hệ thống thu gom nước thải của KCN làm ảnh hưởng đến việc thoát nước thải của Bên B;
- Được giới thiệu thông tin về hoạt động xử lý nước thải;
- Khiếu nại, tố cáo các hành vi phạm pháp luật về xử lý nước thải của đơn vị hoặc các bên liên quan;
- Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

8.2. Bên B có các nghĩa vụ sau đây

- Thanh toán tiền dịch vụ xử lý nước thải đầy đủ, đúng thời hạn;
- Hàng quý Bên B phải gửi phiếu kết quả phân tích chất lượng nước thải (các thông số phân tích theo hồ sơ đề xuất cấp giấy phép môi trường được phê duyệt), hóa đơn tiêu thụ nước cấp cho Bên A;
- Đấu nối, xả nước thải vào hệ thống thu gom nước thải chung KCN đúng quy định của pháp luật và quy chuẩn, thỏa thuận của hợp đồng này. Nếu có sự thay đổi về chất lượng nước thải phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Bên A biết trong vòng 03 ngày kể từ ngày phát hiện;
- Thông báo kịp thời cho Bên A khi thấy các hiện tượng bất thường có thể gây sự cố môi trường đối với nước thải. Cử cán bộ phụ trách theo dõi và ký các biên bản hiện trường hoặc biên bản lấy mẫu đột xuất khi bên A yêu cầu;
- Tách biệt hệ thống nước thải và hệ thống nước mưa nội bộ, không được để nước mưa chảy vào hệ thống thoát nước thải và ngược lại; Không được để rác, chất thải rắn trộn lẫn vào nước thải dẫn đến tắc nghẽn hệ thống thu gom;
- Không được đưa nước thải ra bất kỳ vị trí nào khác ngoài vị trí do Bên A tiếp nhận theo thỏa thuận đã được hai bên thống nhất, chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật khi để nước thải phát tán ra môi trường;
- Bồi thường thiệt hại khi xả nước thải không đúng theo hợp đồng và ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải của Bên A;
- Đảm bảo cung cấp nguồn điện để thiết bị đo lưu lượng kênh hở hoạt động liên tục;
- Kiểm tra, theo dõi, định kỳ cân chỉnh, hiệu chuẩn, kiểm định đồng hồ đo lưu lượng theo quy định, ghi nhật ký nước thải hàng ngày theo các đồng hồ đo;
- Tuân thủ theo Quyết định số 105/QĐ-Cty ngày 27/12/2022 của Bên A về ban hành Quy chế bảo vệ môi trường KCN Bắc Chu Lai.
- Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp Luật.

Điều 9: Sửa đổi hợp đồng

Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải được sửa đổi trong trường hợp: thay đổi các cơ sở pháp lý, các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật, thay đổi đơn giá dịch vụ xử lý nước thải, các quy định, thỏa thuận khác.

Điều 10. Tạm dừng và chấm dứt Hợp đồng

10.1. Tạm dừng thực hiện Hợp đồng

- Nếu Bên B xả nước thải không đúng theo hợp đồng, hoặc nước thải của Bên B có chứa các thành phần ô nhiễm làm ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bên A, không thực hiện việc thanh toán tiền dịch vụ xử lý nước thải cho Bên A trong vòng 02 quý liên tiếp, không đảm bảo hoạt động liên tục của thiết bị đo lưu lượng kênh hở thì Bên A có quyền tạm dừng thực hiện dịch vụ xử lý nước thải cho Bên B;

- Bên B không phối hợp xác nhận lưu lượng nước thải phát sinh;

- Việc tạm dừng thực hiện hợp đồng sẽ được Bên A thông báo cho Bên B trước 05 ngày và Bên B chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến lượng nước thải phát sinh do hoạt động của đơn vị mình;

- Dịch vụ xử lý nước thải chỉ được khôi phục lại sau khi Bên B đã khắc phục việc xử lý nước thải đạt thỏa thuận theo hợp đồng, hoàn thành các nghĩa vụ tài chính và bồi thường thiệt hại (nếu có).

10.2. Chấm dứt thực hiện Hợp đồng

Hợp đồng được xem là chấm dứt khi:

- Bên B kết thúc, chấm dứt hoạt động Dự án đầu tư, chuyển dự án ra khỏi vị trí KCN Bắc Chu Lai, bị thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư đã được cấp hoặc phát sinh vấn đề liên quan cần chấm dứt hợp đồng;

- Bên B bị phá sản, giải thể hoặc chuyển nhượng dự án cho nhà đầu tư khác;

- Bên B bị tạm dừng thực hiện hợp đồng trong thời gian 30 ngày mà Bên B chưa khắc phục được;

- Những trường hợp chấm dứt hợp đồng khác theo quy định của Pháp luật hiện hành;

Hợp đồng này chấm dứt theo thỏa thuận bằng văn bản của hai bên và Bên B có nghĩa vụ thanh toán đầy đủ các khoản tiền dịch vụ xử lý nước thải chưa thanh toán cho Bên A (nếu có);

Bên chấm dứt hợp đồng có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Bên kia trước 15 ngày kể từ ngày dự định chấm dứt. Trường hợp không thông báo mà gây thiệt hại thì phải bồi thường toàn bộ thiệt hại phát sinh cho Bên bị vi phạm.

Điều 11. Giải quyết tranh chấp

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng nếu có vướng mắc hoặc phát sinh mâu thuẫn, tranh chấp, các bên chủ động thương lượng, hòa giải trên tinh thần thiện chí, hợp tác, hai Bên cùng có lợi;

Trường hợp không thương lượng, hòa giải được, việc giải quyết tranh chấp sẽ được thực hiện bởi Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Quảng Nam, Việt Nam, án phí và chi phí hành chính khác sẽ do bên thua kiện chi trả.

Điều 12. Thỏa thuận khác

12.1. Khối lượng nước thải phát sinh

- Khối lượng nước thải phát sinh của Bên B không vượt quá 225 m³/ngày đêm, khi có sự thay đổi công nghệ sản xuất hay bất kỳ thay đổi làm tăng khối lượng nước thải phát sinh thì Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A trước 15 ngày làm việc, để Bên A có sự điều chỉnh công tác vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung cho phù hợp.

12.2. Chi phí lấy mẫu đột xuất

- Nếu kết quả thử nghiệm mẫu nước thải lấy đột xuất cho thấy chất lượng nước thải của Bên B nằm trong tiêu chuẩn tiếp nhận theo đúng thỏa thuận hợp đồng và kết quả của chỉ tiêu COD không vượt quá mức tính tiền hiện tại Bên A sẽ chịu mọi chi phí cho công tác lấy mẫu đột xuất;

- Nếu kết quả thử nghiệm mẫu nước thải lấy đột xuất cho thấy chất lượng nước thải của Bên B vượt tiêu chuẩn tiếp nhận không đúng theo thỏa thuận hợp đồng hoặc kết quả của chỉ tiêu COD vượt quá mức tính tiền hiện tại thì Bên B sẽ chịu mọi chi phí cho công tác lấy mẫu đột xuất đồng thời kết quả thử nghiệm mẫu nước thải này cũng là căn cứ để tính đơn giá dịch vụ xử lý nước thải. Nếu nồng độ các chất ô nhiễm tăng hơn so với các quý trước thì sẽ tính tiền theo phiếu kết quả này trở về sau đến khi Doanh nghiệp giải trình có giải pháp xử lý ô nhiễm và chứng minh đã làm giảm nồng độ chất ô nhiễm. Nếu nồng độ các chất ô nhiễm bằng hoặc thấp hơn các quý trước thì tính tiền theo các quý trước.

12.3. Trường hợp, Bên B xả nước thải có nồng độ ô nhiễm vượt tiêu chuẩn tiếp nhận

Nếu Bên A phát hiện Bên B xả nước thải có nồng độ ô nhiễm của bất kỳ thông số nào vượt tiêu chuẩn tiếp nhận thì Bên B phải thanh toán theo đơn giá dịch vụ bổ sung gấp 05 lần so với đơn giá dịch vụ xử lý nước thải được quy định tại điểm a, Khoản 6.1, Điều 6, hợp đồng này. Đơn giá tăng thêm 10% của đơn giá dịch vụ bổ sung đối với mỗi thông số môi trường vượt tiêu chuẩn tiếp nhận tính từ thông số thứ 02 trở đi. Thời gian áp dụng đơn giá này là từ khi phát hiện đến khi chất lượng nước thải về mức ổn định. Cách tính cụ thể như sau:

+ Đơn giá tính theo nồng độ COD trên phiếu kết quả là A

+ Đơn giá có thông số thứ 1 vượt Tiêu chuẩn tiếp nhận là B: $B = A \times 5$

+ Đơn giá có thông số thứ 2 vượt Tiêu chuẩn tiếp nhận là C: $C = 1,1 \times B$

+ Đơn giá có thông số thứ 3 vượt Tiêu chuẩn tiếp nhận là D: $D = 1,1 \times C$; và tiếp tục tính như trên đến thông số vượt cuối cùng.

12.4. Trường hợp khi dự án phát sinh nước thải sản xuất, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A để tiến hành kiểm tra chất lượng để có cơ sở thỏa thuận ký kết phụ lục Hợp đồng, tiếp nhận xử lý nước thải sản xuất cho Bên A.

12.5. Trường hợp Bên B xả nước thải vượt tiêu chuẩn tiếp nhận, gây ảnh hưởng đến hoạt động của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bắc Chu Lai thì Bên B có trách nhiệm phối hợp với Bên A xác định mức độ thiệt hại, chịu mọi chi phí khắc phục phát sinh và bồi thường thiệt hại.

Điều 13. Điều khoản chung

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản đã nêu trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện nếu cần có sự thay đổi bổ sung thêm trong Hợp đồng thì hai bên sẽ bàn bạc thống nhất bằng phụ lục bổ sung hợp đồng (nếu có). Phụ lục Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng này và có giá trị như hai bên ký kết Hợp đồng chính thức.

Tất cả các vấn đề không được quy định trong Hợp đồng này sẽ được áp dụng theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Hợp đồng này được làm thành 06 (sáu) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 04 (bốn) bản và Bên B giữ 02 (hai) bản.

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký. *m*

→ **ĐẠI DIỆN BÊN A** *ur*



GIÁM ĐỐC

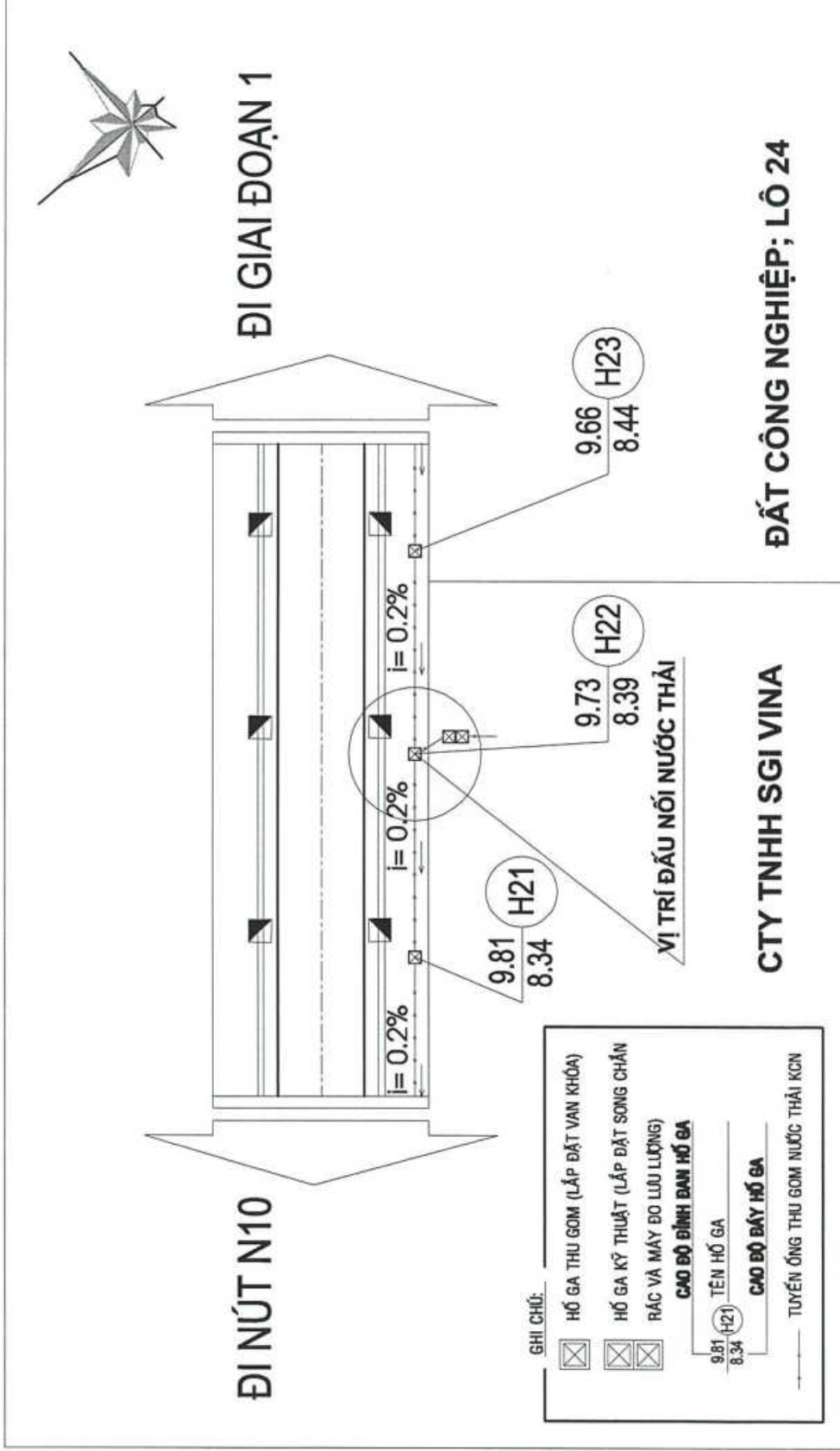
Lê Ngọc Thủy

ĐẠI DIỆN BÊN B



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bang Jeff Seung Tae

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI CÔNG TY TNHH SGI VINA
(ĐÍNH KÈM HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI SỐ: /2024-XLNT NGÀY / /2024)



BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **03** /GPMT-BNNMT

Hà Nội, ngày **14** tháng **3** năm 2025

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét Văn bản số 1702/SGIVINA ngày 17 tháng 02 năm 2025 của Công ty TNHH SGI Vina về việc hoàn thiện báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH SGI Vina, địa chỉ tại Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nam châm từ tính SGI” – giai đoạn 1 tại Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam với các nội dung sau:

1. Thông tin chung của dự án:

1.1. Tên dự án: Nam châm từ tính SGI.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4001258658 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2022, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 07 tháng 12 năm 2022; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8744441555 do Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2022, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 10 tháng 4 năm 2024.

1.4. Mã số thuế: 4001258658.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất nam châm từ tính.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích: 170.000 m².

- Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP).

- Dự án có tiêu chí như dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất thiết kế giai đoạn 1: 2.200 tấn sản phẩm/năm trong tổng công suất 4.000 tấn sản phẩm/năm.

- Quy trình công nghệ sản xuất: Nguyên liệu (PrNd, Fe, BoronFe, Co, Cu, Al, Ga, ZrFe, DyFe...) → Trộn hợp kim → Đúc dài → Phân hủy hydro → Nghiền tinh → Ép khuôn → Thiêu kết → Cắt thành khối → Chà nhám → Phun phủ → Khuếch tán → Gia công cắt → Mài, đánh bóng → Mạ hợp chất niken/mạ kẽm (chưa đầu tư)/photphat hóa/sơn phủ epoxy hoặc Al-Zn → Làm sạch → Kiểm tra chất lượng → Sản phẩm → Xuất xưởng.

+ Mạ hợp chất niken: Tẩy dầu mỡ → Rửa nước → Tẩy gỉ → Rửa nước → Mạ niken → Rửa nước → Hoạt hóa bề mặt → Rửa nước → Mạ niken → Rửa nước.

+ Photphat hóa: Tẩy dầu mỡ → Rửa nước → Tẩy gỉ → Rửa nước → Phủ photphat → Rửa nước → Làm khô.

+ Sơn phủ epoxy hoặc Al-Zn: Làm khô → Phủ epoxy hoặc Al-Zn → Sấy.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép môi trường này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH SGI Vina:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH SGI Vina có trách nhiệm:

2.1. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường này và phải dừng ngay việc xả khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.2. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.3. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.4. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(Kể từ ngày Giấy phép môi trường này được ký ban hành đến ngày 13 tháng 3 năm 2035).

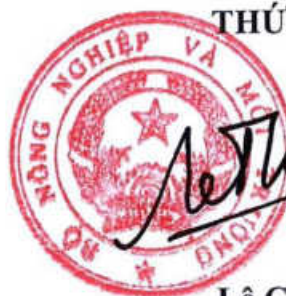
Giấy phép môi trường số 327/GPMT-STNMT ngày 05 tháng 5 năm 2023 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giao Cục Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Nam tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng (để báo cáo);
- UBND tỉnh Quảng Nam (để phối hợp chỉ đạo);
- Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Nam;
- Ban Quản lý các KKT & KCN tỉnh Quảng Nam;
- Cổng Thông tin điện tử Bộ NN&MT;
- VP Tiếp nhận & TKQGQTTHC, Bộ NN&MT;
- Công ty TNHH SGI Vina;
- Lưu: VT, MT, G9.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Lê Công Thành



Phụ lục 1**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số ...03.../GPMT-BNNMT ngày 14... tháng ...3... năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối với hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai để xử lý, không xả trực tiếp ra môi trường.

- Đã có hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 24/2024-XLNT ngày 01 tháng 8 năm 2024 với Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Chu Lai (chủ đầu tư xây dựng và là đơn vị vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Chu Lai).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:**1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:**

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tương ứng để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:**1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải số 01 (hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt):**

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải (đã được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại và bể tách mỡ) → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể lắng vi sinh → Bể trung gian → Bể lọc áp lực → Bể khử trùng và xả → Hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai.

- Công suất thiết kế: 80 m³/ngày.

- Hóa chất: Đường, javen (hoặc các hóa chất tương đương).

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải số 02 (hệ thống xử lý nước thải công đoạn mài, đánh bóng):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể gom → Bể điều hòa → Bể chứa bùn → Máy ép bùn (tách bùn) → Hệ thống xử lý nước thải số 03.

- Công suất thiết kế: 45 m³/ngày.

- Hóa chất: Không.

1.2.3. Hệ thống xử lý nước thải số 03 (hệ thống xử lý nước thải sản xuất chung):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể điều chỉnh pH số 1 → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể điều chỉnh pH số 2 → Bể trung gian → Bể lọc → Bể xả → Hệ thống thu gom nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai.

- Công suất thiết kế: 200 m³/ngày.

- Hóa chất: NaOH, $\text{Al}_2(\text{SO}_4)_3$, polymer anion, H_2SO_4 (hoặc các hóa chất tương đương).

- Vị trí điểm đầu nổi nước thải: Hồ ga cuối cùng của dự án đầu nổi với đường ống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai (hồ ga H22), tọa độ X = 1706962,71; Y = 591777,11.

(Theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^\circ 45'$, mũi chiếu 3°).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Công trình ứng phó sự cố:

- 01 bể ứng phó sự cố dung tích 216 m^3 .

- 01 bể trung gian tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất dung tích 324 m^3 .

1.4.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trường hợp hệ thống xử lý nước thải gặp sự cố, nước thải được lưu chứa tại bể ứng phó sự cố và bể trung gian.

- Khi hệ thống nước thải gặp sự cố sẽ được kiểm tra, khắc phục ngay, sau khi khắc phục xong sự cố, nước thải tiếp tục được xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nổi của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải số 01 và 03.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Hồ ga cuối cùng của dự án đầu nổi với đường ống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai (bao gồm cả nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt).

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Theo tiêu chuẩn đầu nổi của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Đảm bảo hệ thống thu gom, thoát nước mưa độc lập với hệ thống thu gom, thoát nước thải theo đúng quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3.2. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về bảo vệ môi trường.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận

hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm, vận hành công trình xử lý nước thải.

3.5. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

3.6. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc nước thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Nam trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

Phụ lục 2

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03 /GPMT-BNNMT ngày 14 tháng 3 năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:**1. Nguồn phát sinh khí thải:**

- Nguồn số 01: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn đúc dải.
- Nguồn số 02: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn thiêu kết.
- Nguồn số 03: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn khuếch tán.
- Nguồn số 04: Bụi, khí thải từ công đoạn mạ niken (hệ thống số 01).
- Nguồn số 05: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn photphat hóa.
- Nguồn số 06: Bụi, khí thải phát sinh từ phòng QC.
- Nguồn số 07: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn sơn phủ epoxy/Al-Zn (hệ thống số 01).
- Nguồn số 08: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn sơn phủ epoxy/Al-Zn (hệ thống số 02).
- Nguồn số 09: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn sơn phủ epoxy/Al-Zn (công đoạn sơn lần).
- Nguồn số 10: Bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn phun phủ.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:**2.1. Vị trí xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01 tương ứng ống thải số 01 (nguồn số 01, 02 và 03) tọa độ: X = 1707162; Y = 591325.
- Dòng khí thải số 02 tương ứng ống thải số 02 (nguồn số 04) tọa độ: X = 1706955, Y = 591576.
- Dòng khí thải số 03 tương ứng ống thải số 03 (nguồn số 05) tọa độ: X = 1706977, Y = 591592.
- Dòng khí thải số 04 tương ứng ống thải số 04 (nguồn số 06) tọa độ: X = 1707093, Y = 591540.
- Dòng khí thải số 05 tương ứng ống thải số 05 (nguồn số 07) tọa độ: X = 1707011, Y = 591461.
- Dòng khí thải số 06 tương ứng ống thải số 06 (nguồn số 08) tọa độ: X = 1707015, Y = 591473.
- Dòng khí thải số 07 tương ứng ống thải số 07 (nguồn số 09) tọa độ: X = 1707024, Y = 591474.
- Dòng khí thải số 08 tương ứng ống thải số 08 (nguồn số 10) tọa độ: X = 1707118, Y = 591429.

(Theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 107°45', múi chiều 3°).

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: 21.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: 36.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: 30.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: 19.500 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 05: 18.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 06: 18.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 07: 4.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 08: 18.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải:

Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường thông qua ống khói, ống thải, xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; $K_p = 0,8$; $K_v = 1,0$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép		Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục	
			QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; K _p = 0,8; K _v = 1,0)	QCVN 20:2009/BTNMT			
I	Dòng thải số 01					Không thuộc đối tượng	Không thuộc đối tượng
1	Bụi	mg/Nm ³	160	-			
II	Dòng thải số 02, 04						
1	HNO ₃	mg/Nm ³	400	-			
2	HCl	mg/Nm ³	40	-			
II	Dòng thải số 03						
1	HNO ₃	mg/Nm ³	400	-			
IV	Dòng thải số 05, 06, 07						
1	Bụi	mg/Nm ³	160	-			
2	n-Propanol	mg/Nm ³	-	980			
V	Dòng thải số 08						
1	Bụi	mg/Nm ³	160	-			

Ghi chú: Kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2032, giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm trong khí thải công nghiệp khi xả thải ra môi trường không khí phải đáp ứng quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (QCVN 19:2024/BTNMT).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

Khí thải từ nguồn số 01 đến 08 được thu gom về hệ thống xử lý khí thải tương ứng để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

1.2.1. Hệ thống xử lý khí thải số 01 (hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ công đoạn thiêu kết, khuếch tán và đúc dải):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp hấp thụ Scrubber → Ống khói.
- Công suất thiết kế: 21.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước (hoặc các hoá chất, vật liệu tương đương).

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải số 02 (hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn mạ niken):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp hấp thụ Scrubber → Ống thải.
- Công suất thiết kế: 36.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (hoặc các hoá chất, vật liệu tương đương).

1.2.3. Hệ thống xử lý khí thải số 03 (hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn photphat hóa):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp hấp thụ Scrubber → Ống thải.
- Công suất thiết kế: 30.000 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (hoặc các hoá chất, vật liệu tương đương).

1.2.4. Hệ thống xử lý khí thải số 04 (hệ thống xử lý khí thải tại phòng QC):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp hấp thụ Scrubber → Ống thải.
- Công suất thiết kế: 19.500 m³/giờ.
- Hóa chất, vật liệu sử dụng: NaOH (hoặc các hoá chất, vật liệu tương đương).

1.2.5. Hệ thống xử lý khí thải số 05 và 06 (hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn sơn phủ epoxy/Al-Zn số 01 và 02)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp quay hỗn hợp → Quả cầu rỗng → Màn chắn ướt → Lọc bụi → Thiết bị hấp phụ → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ.

- Số lượng: 02 hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, bông lọc bụi, than hoạt tính (hoặc các hoá chất, vật liệu tương đương).

1.2.6. Hệ thống xử lý khí thải số 07 (hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn sơn phủ epoxy/Al-Zn (công đoạn sơn lăn)):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Rửa nước → Quả cầu rỗng → Thiết bị hấp phụ (than hoạt tính) → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 4.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước, than hoạt tính (hoặc các hoá chất, vật liệu tương đương).

1.2.7. Hệ thống xử lý khí thải số 08 (hệ thống xử lý khí thải tại công đoạn phun phủ):

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp hấp thụ Scrubber → Ống thải.

- Công suất thiết kế: 18.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Nước (hoặc các hoá chất, vật liệu tương đương).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa ứng phó sự cố.

- Định kỳ tiến hành bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn các thiết bị của các hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Khi các hệ thống xử lý khí thải gặp sự cố hoặc chất lượng khí thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2.2 Phần A của Phụ lục này thì phải dừng hoạt động của nguồn phát sinh khí thải tương ứng để khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý khí thải phải vận hành thử nghiệm:

Hệ thống xử lý khí thải từ số 01 đến số 08.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại vị trí trên ống khói, ống thải tương ứng với 08 hệ thống xử lý khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, Công ty phải giám sát các chất ô nhiễm có trong dòng khí thải và đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý khí thải theo giá trị giới hạn cho phép xả thải ra môi trường theo quy định tại Mục 2.2.2 của Phần A Phụ lục này.

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT, cụ thể như sau: 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2.2 Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép môi trường này ra môi trường.

3.2. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm

các nội dung quy định tại khoản 7 và khoản 8 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

3.3. Bảo đảm điểm lấy mẫu và sàn thao tác trên các ống thải đáp ứng quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

3.4. Lập sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành thử nghiệm công trình xử lý bụi, khí thải.

3.5. Tổng hợp, đánh giá số liệu quan trắc khí thải và lập báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Nam trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3.6. Trường hợp thay đổi nguyên, nhiên liệu, hóa chất dẫn tới làm thay đổi thông số ô nhiễm trong khí thải phát thải ra môi trường thì phải rà soát và điều chỉnh Giấy phép môi trường này theo quy định.

3.7. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

Phụ lục 3**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 05/GPMT-BNNMT ngày 14 tháng 3 năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 01.
- Nguồn số 02: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 02.
- Nguồn số 03: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 03.
- Nguồn số 04: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 04.
- Nguồn số 05: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 05.
- Nguồn số 06: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 06.
- Nguồn số 07: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 07.
- Nguồn số 08: Khu vực quạt hút của hệ thống xử lý khí thải số 08.
- Nguồn số 09: Khu vực nhà để máy phát điện dự phòng 01;
- Nguồn số 10: Khu vực nhà để máy phát điện dự phòng 02;
- Nguồn số 11: Khu vực hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và sản xuất.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 01 tọa độ: X = 1707162, Y = 591325.
- Nguồn số 02 tọa độ: X = 1706955, Y = 591576.
- Nguồn số 03 tọa độ: X = 1706977, Y = 591592.
- Nguồn số 04 tọa độ: X = 1707093, Y = 591540.
- Nguồn số 05 tọa độ: X = 1707011, Y = 591461.
- Nguồn số 06 tọa độ: X = 1707015, Y = 591473.
- Nguồn số 07 tọa độ: X = 1707024, Y = 591474.
- Nguồn số 08 tọa độ: X = 1707118, Y = 591429.
- Nguồn số 09 tọa độ: X = 1707048, Y = 591507.
- Nguồn số 10 tọa độ: X = 1707165, Y = 591341.
- Nguồn số 11 tọa độ: X = 1706754, Y = 591550.

(Theo hệ tọa độ VN2000 kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$ múi chiều 3^o).

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Thường xuyên bảo dưỡng thiết bị sản xuất đảm bảo hoạt động ổn định, giảm thiểu tiếng ồn. Lắp đặt đệm cao su và lò xo chống rung đối với các thiết bị có công suất lớn.

- Trồng cây xanh để tạo cảnh quan, đồng thời hạn chế tiếng ồn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục 3 Phần A Phụ lục này.

- Định kỳ bảo dưỡng đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03/GPMT-BNNMT ngày 14 tháng 3... năm 2025
của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:****1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh:**

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Bóng đèn led, linh kiện thiết bị, điện tử thải	19 02 06	10
2	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	5.000
3	Sáp và mỡ thải	07 03 06	500
4	Ắc quy chì thải	19 06 05	50
5	Chất thải y tế, bông gạc, kim tiêm...	13 01 01	5
	Tổng khối lượng		5.565

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát:

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Khối lượng dự kiến (kg/năm)
1	Hộp mực in	08 02 04	10
2	Hóa chất hoặc hỗn hợp hóa chất thải	19 05 02	50
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc, giẻ lau, vải bảo vệ thải	18 02 01	1.500
4	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	350
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	1.500
6	Bao bì cứng thải bằng các vật liệu khác	18 01 04	50
7	Bao bì mềm thải	18 01 01	200
8	Các vật liệu mài dạng hạt thải	07 03 10	50
9	Các loại chất thải khác có các thành phần nguy hại vô cơ (than hoạt tính đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải, nước thải)	19 12 03	3.768
10	Sơn thải và vecni chứa dung môi hữu cơ	08 01 01	131
11	Bùn thải của hệ thống xử lý nước thải công nghiệp	12 06 05	102.024
12	Xi hàn, đầu mẫu que hàn	07 04 01	50
13	Đá mài, đá cắt hồng	07 03 10	50
14	Bùn thải lẫn chất kết dính (keo dán nam châm)	08 03 02	300
	Tổng khối lượng		110.033

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Loại chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Phế phẩm kim loại từ quá trình sản xuất	551.712
2	Vật liệu đóng gói như giấy, plastic thải, bao bì đóng gói....	1.600
3	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt và hệ thống thu gom thoát nước mưa, nước thải	18.000
	Tổng khối lượng	571.312

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 200 tấn/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

Kho lưu chứa có diện tích kho lưu chứa 200 m²; kho có tường, mái lợp tôn, nền bê tông theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Kho lưu chứa có diện tích kho lưu chứa 200 m²; kho có tường, mái lợp tôn, nền bê tông theo quy định.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

Kho lưu chứa có diện tích kho lưu chứa 200 m²; kho có tường, mái lợp tôn, nền bê tông theo quy định.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

- Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Bố trí phương tiện, thiết bị, bao bì để phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn và chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với sự cố chất thải và các sự cố khác theo quy định pháp luật hiện hành.

2. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 03./GPMT-BNNMT ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Theo Quyết định số 2953/QĐ-BTNMT ngày 16 tháng 9 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án “Nam châm từ tính SGI”, các hạng mục, công trình của dự án tiếp tục đầu tư gồm:

1. Các hệ thống, thiết bị tiếp tục thực hiện trong giai đoạn sau:**1.1. Quy mô, công suất:**

Tiếp tục đầu tư các dây chuyền sản xuất để nâng tổng công suất của dự án đạt 4.000 tấn sản phẩm/năm.

1.2. Công nghệ sản xuất:

- 02 lò đúc dài, 08 lò thiêu kết chân không đơn (không liên tục), 02 dây chuyền thiêu kết chân không liên tục, 10 lò khuếch tán chân không (công nghệ như công nghệ đã cấp tại Giấy phép môi trường này).

- 01 hệ thống mạ niken (công nghệ như công nghệ đã cấp tại Giấy phép môi trường này).

- 01 hệ thống mạ kẽm, quy trình công nghệ như sau: Tẩy dầu mỡ → Rửa nước → Tẩy gỉ → Rửa nước → Mạ kẽm → Rửa nước → Làm khô.

1.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường:**1.3.1. Hệ thống xử lý bụi, khí thải công đoạn thiêu kết và khuếch tán (hệ thống số 2):**

- Quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp hấp thụ Scrubber → Ống thải.

- Công suất: 19.500 m³/giờ.

1.3.2. Hệ thống xử lý bụi, khí thải công đoạn mạ niken (hệ thống số 2):

- Quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp hấp thụ Scrubber → Ống thải.

- Công suất: 25.300 m³/giờ.

1.3.3. Hệ thống xử lý bụi, khí thải phát sinh từ công đoạn mạ kẽm:

- Quy trình công nghệ: Khí thải → Tháp hấp thụ Scrubber → Ống thải.

- Công suất: 7.300 m³/giờ.

2. Các yêu cầu bảo vệ môi trường tiếp tục thực hiện trong giai đoạn sau:

2.1. Lắp đặt hệ thống thu gom, xử lý toàn bộ bụi, khí thải phát sinh từ các hệ thống đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B; $K_p = 0,8$; $K_v = 1,0$) và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ. Vận hành các hệ thống thu gom, xử lý khí thải đảm bảo các yêu cầu, quy định về tiêu chuẩn khí thải và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

2.2. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải:

- Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt, nước thải phát sinh từ các hoạt động sản xuất của nhà máy đảm bảo đạt tiêu chuẩn cho phép của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

2.3. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của dự án:

2.3.1. Giám sát môi trường trong quá trình xây dựng:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động khi làm việc.
- Phổ biến nội quy an toàn lao động với công nhân thi công tại công trường.
- Phân lập khu vực thi công xây dựng với các khu vực đang hoạt động tại công trường.
- Đối với nước thải sinh hoạt: Thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt đã được cấp tại Giấy phép môi trường này để xử lý.
- Bố trí các thùng thu gom, phân loại rác theo quy định.
- Chủ dự án phối hợp nhà thầu thi công, Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Nam giám sát thực hiện theo đúng quy định.

2.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Quan trắc môi trường làm việc theo quy định hiện hành.
- Thực hiện chương trình giám sát môi trường theo định kỳ theo quy định.
- Tuân thủ tuyệt đối mọi nguyên tắc an toàn lao động, phòng cháy chữa cháy.
- Thực hiện đầy đủ công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra trong giai đoạn vận hành dự án.

3. Sau khi hoàn thành việc thi công, lắp đặt máy móc thiết bị, Công ty có trách nhiệm báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường để được xem xét cấp giấy phép môi trường theo đúng quy định của pháp luật.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Nguồn khí thải không phải kiểm soát bao gồm khí thải phát sinh từ máy phát điện dự phòng được thu gom và xả trực tiếp ra môi trường qua ống thải của máy phát điện. Máy phát điện dự phòng phải đảm bảo sử dụng nhiên liệu là dầu DO hoặc gas (nhiên liệu sạch), thuộc trường hợp không yêu cầu có hệ thống xử lý bụi, khí thải theo quy định. Mùi phát sinh từ nhà bếp được thu gom qua hệ thống hút mùi và xả ra môi trường qua ống thoát khí.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu bảo vệ môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đảm bảo các khu vực lưu giữ chất thải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

3. Giảm thiểu chất thải rắn phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp tăng hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

4. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT.

5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

6. Các hạng mục công trình của dự án chỉ được phép hoạt động khi phù hợp quy định về bảo vệ môi trường, xây dựng, đất đai, đầu tư và các quy định khác có liên quan.

7. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới./.

Số: 2953 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 16 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án Nam châm từ tính SGI

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 68/2022/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án Nam châm từ tính SGI của Công ty TNHH SGI Vina tại Văn bản số 51/CVPD-ĐTM ngày 06 tháng 8 năm 2024 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Nam châm từ tính SGI (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH SGI Vina (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Đỗ Đức Duy (để báo cáo);
- Công ty TNHH SGI Vina;
- UBND tỉnh Quảng Nam;
- Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam;
- BQL các KKT và KCN Quảng Nam;
- Cục Kiểm soát ô nhiễm môi trường;
- Lưu: VT, VPMC, MT (Ch).

KT. BỘ TRƯỞNG
THU. TRƯỞNG

Lê Công Thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ QUẢNG NAM
PHÒNG TỔNG HỢP

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ
Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt
Số: 02...../NT26

- Căn cứ Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13, ngày 24/11/2015, Quốc hội khóa 13 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc Hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số: 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Căn cứ nhu cầu và năng lực đáp ứng của hai bên.

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2026. Các bên gồm có:

BÊN A: BÊN SỬ DỤNG DỊCH VỤ

Tên đơn vị: **Công ty TNHH SGI Vina**

Địa chỉ: Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

MST: 4001258658

Điện thoại : 0235 3 885 000

Email : accsgivina@sgitech.com.vn, congtysgivina@meinvoice.vn

Đại diện là ông: BANG JEFF SEUNG - TAE Chức vụ: Tổng Giám đốc.

BÊN B: BÊN CUNG ỨNG DỊCH VỤ

Tên đơn vị: **Công ty cổ phần Môi trường đô thị Quảng Nam**

Địa chỉ: 781 Phan Chu Trinh, phường Hương Trà, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Điện thoại: 0235 6 289 908

Mã số thuế: 4000108321

Tài khoản số: 5620000051 tại Ngân hàng thương mại cổ phần ĐT&PT Việt Nam- Chi nhánh Quảng Nam

Hoặc số: 4200211000731 tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam- Chi nhánh Quảng Nam.

Đại diện là Ông: Đoàn Kim Thịnh

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty.

(Theo Giấy ủy quyền số 01/UQ-Cty ngày 02/01/2026 của Tổng Giám đốc Công ty)

Và Ông: Nguyễn Văn Trãi

Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh Núi Thành

Cùng thỏa thuận ký kết hợp đồng với các nội dung sau:

Điều 1. Nội dung hợp đồng

- Bên A giao cho bên B thực hiện công tác thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt tại nơi lưu giữ của bên A đến nơi xử lý theo quy định đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, an toàn vệ sinh môi trường.

- Đối tượng chất thải: chất thải rắn sinh hoạt (không bao gồm chất thải rắn nguy hại, chất thải công nghiệp và các chất thải khác không thuộc chất thải rắn sinh hoạt).

- Địa điểm lưu giữ rác thải của bên A: Công ty TNHH SGI Vina.

Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

- Tần suất thu gom: Theo yêu cầu của Bên A, vào các ngày thứ 3 hoặc thứ 6 trong tuần (Dự kiến từ 01 – 02 lần /tuần).

- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá .

Điều 2. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

2.1. Giá trị hợp đồng:

- Đơn giá của hợp đồng: **370.000** đồng/m³

(Viết bằng chữ: Ba trăm bảy mươi nghìn đồng trên một mét khối).

- Thuế Giá trị gia tăng 0%.

- Khối lượng chất thải tính cho mỗi lần thu gom tối thiểu 03 m³. Trường hợp khối lượng thu gom ít hơn 03 m³/lần thì vẫn được tính 03 m³. Trường hợp khối lượng thu gom vượt trên 03 m³/lần thì tính thêm khối lượng phát sinh.

- Giá trị hợp đồng được xác định bằng khối lượng nghiệm thu thực tế (m³) có xác nhận giữa hai bên (ký tên và đóng dấu) nhân đơn giá hợp đồng.

- Thời gian thực hiện nghiệm thu khối lượng được xác định đến hết ngày 25 hàng tháng. Các ngày còn lại (từ 26 – hết tháng) của tháng được tính khối lượng vào tháng kế tiếp. Các ngày còn lại của tháng cuối năm theo thương lượng của hai bên.

2.2. Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán dứt điểm chi phí phát sinh cho Bên B trong vòng 15 ngày từ khi Bên A nhận được chứng từ thanh toán của Bên B, gồm :

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

+ Hóa đơn Giá trị gia tăng của Bên B.

- Hình thức thanh toán : Chuyển khoản.

Điều 3. Thời gian thực hiện hợp đồng

- Hợp đồng bắt đầu thực hiện từ ngày 02/01/2026 đến ngày 31/12/2026;

- Sau thời gian trên, nếu hai bên không có ý kiến đề nghị điều chỉnh nào, thì hợp đồng này tiếp tục có hiệu lực theo các điều khoản hiện tại cho đến khi một trong hai bên có văn bản đề nghị chấm dứt hoặc sửa đổi hợp đồng, nhưng không quá 12 tháng kể từ ngày hết hạn ban đầu.

Điều 4. Quyền và trách nhiệm của mỗi bên:

4.1. Bên A:

- Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước cơ quan chức năng nếu phát hiện chất thải rắn sinh hoạt giao cho Bên B có trộn lẫn thành phần chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- Thực hiện lưu giữ và tập kết rác đúng vị trí và tạo điều kiện thuận lợi để xe của Bên B dễ dàng tiếp cận nguồn rác khi thu gom, vận chuyển.

- Thanh toán đầy đủ và đúng thời hạn chi phí phát sinh trong tháng cho Bên B theo Điều 2 của Hợp đồng này.

4.2. Bên B:

- Tổ chức tốt việc thu gom và vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt cho Bên A bằng xe chuyên dùng, đảm bảo vệ sinh môi trường, không làm rơi vãi hoặc phát tán rác ra môi trường trong quá trình thu gom, vận chuyển.

- Có quyền từ chối thực hiện hợp đồng nếu bên A chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán cho bên B và không chịu trách nhiệm trước cơ quan chức năng nếu trong chất thải rắn sinh hoạt của bên A có trộn lẫn thành phần chất thải nguy hại, chất thải y tế, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- Trong trường hợp bất khả kháng mà không thể thu gom chất thải rắn sinh hoạt cho Bên A theo đúng lịch trình (bão lụt, sự cố hỏng hóc phương tiện...) thì phải tổ chức thu gom bù lại những ngày tiếp theo, đảm bảo lấy hết lượng rác phát sinh cho Bên A.

- Có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

- Khi chất thải đã bàn giao cho Bên B ra khỏi phạm vi nhà máy của Bên A, nếu có bất kỳ sự cố hoặc vấn đề phát sinh nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường,...) thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

- Nhân sự Bên B phải tuân thủ các quy định về an toàn, sức khỏe, môi trường, PCCC, an ninh và các quy định khác của Bên A.

Điều 5. Sự kiện bất khả kháng:

5.1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn chiến tranh hoặc có nguy cơ xảy ra chiến tranh... và các thảm họa khác chưa lường hết được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

- Bên nào không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt hợp đồng. Tuy nhiên bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

+ Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa hợp lý và các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

+ Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

5.2. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện hợp đồng sẽ được kéo dài bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

Điều 6. Điều khoản chung

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có gì vướng mắc sẽ cùng bàn bạc để đi đến thống nhất chung.

3321
TY
IÁN
SÔNG
H
NAM
ĐÀ N

58
G
H
VI

ĐÀ

Trường hợp bên nào đơn phương chấm dứt hoặc vi phạm hợp đồng thì phải chịu hoàn toàn trách nhiệm theo các quy định của Pháp luật Việt Nam hiện hành. Chi phí về kiểm tra, xác minh và án phí Tòa Án do bên có lỗi chịu.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 04 bản mỗi bên giữ 02 bản có giá trị như nhau. Bất kỳ sự bổ sung hoặc thay đổi nào cho hợp đồng này chỉ có giá trị khi được thể hiện bằng văn bản và có chữ ký, con dấu của hai bên.

*Hợp đồng lưu của:

- ☐ Bên A
☐ Bên B
☐ CNNT

ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Bang Jeff Seung Tae

ĐẠI DIỆN BÊN B

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Đoàn Kim Thịnh


CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

-----****-----

Số: 1040 /2026/HĐKT/PM – SGI

Number: 1040/2026/HDKT/PM – SGI

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP,

CONTRACT

FOR COLLECTION, TRANSPORTATION AND TREATMENT OF INDUSTRIAL WASTE

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 được quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua.

Pursuant to Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14, promulgated on November 17, 2020 and effective from January 1, 2022 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam.

- Căn cứ Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022.

Pursuant to Decree 08/2022/NĐ-CP dated January 10, 2022 of the Government on management of waste and scrap.

- Căn cứ vào thông tư số: 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Pursuant to Circular No. 02/2022/TT – BTNMT dated January 10, 2022, on management of hazardous waste.

- Căn cứ đề nghị của Công ty TNHH SGI Vina về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải công nghiệp

Pursuant to the SGI Vina Company Ltd., on the collection, transportation and treatment of industrial.

- Căn cứ chức năng và năng lực của Công ty TNHH Môi Trường Phú Minh Vina.

Pursuant to the function and capacity of Phu Minh Vina Environment Co., Ltd.

Hôm nay, ngày 17 tháng 06 năm 2026 Tại trụ sở Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina. Chúng tôi gồm:

To day 17 / 06 / 2026 , at the headquarters of Phu Minh Vina Environment Co., Ltd, we are:

Bên A: CÔNG TY TNHH SGI VINA
Party A: SGI VINA COMPANY LIMITED

Địa chỉ : Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Núi Thành, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Address : Lot No. 25, Bac Chu Lai Industrial Zone, Nui Thanh Commune, Da Nang City, Vietnam

Người đại diện : Ông BANG JEFF SEUNG-TAE Chức vụ: Tổng Giám đốc

Representative Mr. BANG JEFF SEUNG-TAE Position: General Director

Điện thoại : 02353885000 Fax:
Telephone 02353885000
Tài khoản : 5624511485 tại ngân hàng BIDV- CN Quảng Nam – PGD Chu Lai
Account 5624511485 tại ngân hàng BIDV- CN Quảng Nam – PGD Chu Lai
Mã số thuế : 4001258658
Tax code 4001258658

Bên B: **CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA**
Party B: **PHU MINH VINA ENVIRONMENT COMPANY LIMITED**

Địa chỉ : Khu xử lý rác thải, xã Tràm Thản, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam
Address : Waste treatment area, Tram Than commune, Phu Tho province, Vietnam.
Người đại diện : **Bà HOÀNG THỊ KIỀU DUNG** Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.
(theo Giấy ủy quyền số 01.25/PM/UQ-PTGD ký ngày 16/09/2025)

Representative : Mrs. HOANG THI KIEU DUNG Position: Deputy General Director
(according to Authorization No. 01.25/PM/UQ-PTGD signed on September 16, 2025)

Điện thoại : 096 119 2626 Fax:
Telephone : 096 119 2626
Tài khoản : 020061192626 – tại Ngân hàng Sacombank, CN Đông Anh
Account : 020061192626 – at Sacombank, Dong Anh Branch
Mã số thuế : 2601066979
Tax code : 2601066979

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Both parties agree on the content of the contract as follows:

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau:

Article 1: Party A hires Party B to perform the following tasks:

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải công nghiệp phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty TNHH SGI Vina theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Collection, transportation, storage and treatment of industrial waste (including hazardous and non-hazardous waste) generated during the SGI Vina Company Ltd, in accordance with regulations on waste management and environmental protection under current Vietnamese law

1. Địa điểm bàn giao chất thải tại Công ty TNHH SGI Vina

Location of waste handover at the SGI Vina Company Ltd.,

Địa chỉ : Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Núi Thành, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Address : Lot No. 25, Bac Chu Lai Industrial Zone, Nui Thanh Commune, Da Nang City, Vietnam

2. Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina.

Location of waste storage and treatment: Phu Minh Vina Environment Company Limited

Địa chỉ: Khu xử lý rác thải, xã Tràm Thản, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Address: Waste treatment area, Tram Than commune, Phu Tho province, Vietnam.

3. Thời gian giao nhận: Theo kế hoạch phát sinh chất thải Bên A. Mỗi đợt bàn giao chất thải bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước ít nhất 02 ngày (bằng điện thoại, email hoặc fax) trừ ngày lễ và chủ nhật. Nội dung thông báo ghi rõ khối lượng và loại chất thải.

Delivery time: According to the waste generation plan of Party A. Each handover of waste, Party A is responsible for informing Party B at least 02 days in advance (by telephone, email or fax) except holidays and Sunday. The content of the notice clearly states the volume and type of waste.

4. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng theo quy định của pháp luật và nhân công bốc xếp.

Means of transport: Party B is responsible for the specialized means of transport according to the provisions of the law and the loading and unloading workers.

Điều 2: Danh mục, đơn giá và thể thức thanh toán:

Article 2: The waste list, unit price and payment method:

1. Danh mục và đơn giá xử lý theo bảng sau:

The list and unit prices are according to the following table:

STT No	Danh mục chất thải List of waste	Đơn vị tính Unit	Khối lượng Quantity	Đơn giá xử lý Unit (VNĐ)
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường Ordinary industrial waste	Kg	01	2.000

Ghi chú /Note:

- Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT (Thuế 0%)

The above unit price is includes VAT (VAT 0%)

2. Đơn giá sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.

The unit price will be adjusted according to market changes through negotiation and agreement between both parties in writing.

3. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyến, cuối tháng lập bảng kê hai bên cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng cho từng tháng để làm cơ sở thanh toán.

Based on the actual volume, both parties will make a record of waste delivery and receipt for each batch. A bill of quantity shall be made at the end of the month for mutual comparison and confirmation for monthly payment by both parties.

4. Phương thức thanh toán:

Payment method:

- Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VNĐ).

- The payment is made in Vietnam Dong (VND).

- Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản.

- Payment method by bank transfer.

- Căn cứ trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo biên bản giao nhận giữa hai Bên, việc thanh toán được thực hiện trong vòng 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày hai bên tiến hành chốt công nợ hàng tháng và bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ, biên bản đối chiếu công nợ và các chứng từ chất thải có liên quan.

- Based on the volume of waste collected, transported and treated according to the record of delivery between the two Parties, the payment will be made within 15 (fifteen) days from the date the two parties confirm the monthly amount and a valid financial invoice and relevant waste documents are receivable to party A.

Điều 3: Trách nhiệm và quyền lợi của các Bên:

Article 3: Responsibilities and interests of the Parties:

1. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A:

1. Responsibilities and interests of Party A:

- a. Bên A có trách nhiệm phân loại và lưu giữ tạm các loại chất thải theo quy định và thuận tiện cho việc bốc xếp chất thải lên xe vận chuyển của bên B. Hỗ trợ xe nâng (nếu có) trong quá trình thu gom chất thải (nếu cần) và cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.

Party A is responsible for classifying and temporarily storing all types of waste according to regulations and convenient for loading and unloading waste onto Party B's transport vehicle. Supporting forklifts (if any) during waste collection (if necessary) and providing necessary documents when accessing the factory gate.

- b. Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo hợp đồng, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.

Making sure that the composition of waste is delivered and received in accordance with the contract, absolutely free of different types of waste

- c. Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.

Arranging convenient and unobstructed roads to waste collection sites

- d. Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng của Bên B.

Appointing professional staff to supervise and coordinate contract performance and solving potential problems, if any, but do not affect the contract performance of Party B

- e. Đảm bảo các chi tiết máy, thiết bị, tài sản còn sử dụng được không lẫn trong chất thải bàn giao cho Bên B.

Ensuring that usable machine, equipment and property details are not mixed in the waste and handed over to Party B.

- f. Cử người hướng dẫn nội quy, quy định Bên A cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.

- g. *Appointing someone to guide the company's rules and regulations Party' A for Party B's employees to collect waste.*

- h. Ký biên bản bàn giao chất thải, ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ chứng từ Chất Thải Công Nghiệp cho bên B ngay khi bàn giao chất thải cho bên B theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

Signing the waste handover minutes, sign for certification and transfer all hazardous waste documents to Party B immediately upon handing over the waste to Party B in accordance with the provisions of Circular No.02/2022/TT-BTNMT

- i. Cung cấp thông tin về thành phần, nguồn gốc phát sinh của các loại chất thải để làm cơ sở tính toán phương án xử lý của bên B.

Providing information on the composition and origin of waste types as a basis for calculating the treatment plan of Party B

- j. Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng.

Paying Party B on time as stated in the contract.

- k. Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải của bên mình do bên B thực hiện dịch vụ.

Party A has the right to inspect and supervise its waste collection, transportation, and treatment process provided by Party B.

- l. Bên A có quyền lập biên bản Bên B theo mẫu quy định của Bên A nếu Bên B vi phạm cam kết hoặc không đảm bảo chất lượng, tiến độ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải làm ảnh hưởng đến an toàn, môi trường, sản xuất và uy tín của Bên A.

Party A has the right to make a record to Party B according to Party A's prescribed form if Party B violates its commitments or does not ensure the quality and progress of waste collection, transportation, and treatment, affecting safety and the environment. Party A's market, production and reputation.

- m. Phương tiện, nhân lực, thiết bị thu gom, vận chuyển: bên B chịu trách nhiệm về phương tiện, nhân lực, thiết bị thu gom, vận chuyển đúng theo yêu cầu của Bên A và đảm bảo theo quy định của pháp luật hiện hành.

Vehicles, human resources, and equipment for collection and transportation: Party B is responsible for vehicles, human resources, and equipment for collection and transportation in accordance with Party A's requirements and ensuring compliance with current legal regulations.

2. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B

2. Responsibilities and interests of the party B

- a. Cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải công nghiệp.

Providing Party A with a full range of industrial waste transportation and treatment licenses.

- b. Có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

Taking responsibility for complying with and implementing the provisions of the law related to the collection, transportation and treatment of waste.

- c. Đảm bảo đủ điều kiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các qui định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Facilitating conditions for transportation, storage and treatment of waste in accordance with the provisions of the Law on Environmental Protection and its guiding documents.

- d. Có phương án xử lý sự cố khi tràn đổ, rò rỉ, hỏa hoạn chất thải và Bên B phải có trách nhiệm đào tạo nhân viên của mình phương án xử lý sự cố đó. Có trách nhiệm cải tiến công nghệ nhằm đạt kết quả xử lý tốt nhất, giảm chi phí xử lý và đảm bảo thân thiện với môi trường.

There is a plan to handle incidents when spills, leaks, waste fires and Party B must be responsible for training its employees in such incident handling plans. Responsible for improving technology to achieve the best treatment results, reducing treatment costs and ensuring environmental friendliness.

- e. Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

Fully informing Party A of problems arising in the process of collecting, transporting and treating waste.

- f. Có trách nhiệm xuất trình cho bên A hợp đồng liên doanh với bên thứ ba về việc xử lý những chất thải Công nghiệp mà Bên B không được phép xử lý.

Being responsible for presenting to Party A a joint venture contract with a third party on the treatment of industrial wastes that Party B is not allowed to handle.

- g. Chịu trách nhiệm tổ chức nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải an toàn theo kế hoạch và phương án đã thống nhất giữa hai Bên, tuân thủ các nội quy và quy định của Bên A và phù hợp với pháp luật hiện hành.

Resuming responsibility for organizing workers to collect, transport and treat waste safely according to the plan and schedule agreed between the two Parties, complying with the rules and regulations of Party A and in accordance with Current law.

- h. Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng chất thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).

Appointing professional staff to supervise the volume of waste delivered and received, coordinating in contract performance and solving potential problems (if any).

97
G
TH
UC
MI
NA
T.Y.
3-C
TY
HH
VIN
PHỐ Đ

- i. Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong hợp đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết theo đúng quy định hiện hành.
Being responsible for checking documents related to waste components in the contract provided by Party A. In case of detecting deviation or non-conformity, the two Parties will negotiate together to resolve according to current regulations.
- j. Có trách nhiệm xác nhận hoàn thành việc xử lý và xuất hóa đơn tài chính hợp lệ đúng thời hạn.
Being responsible for confirming the completion and issuing a valid financial invoice on time.
- k. Khi chất thải đã bàn giao ra khỏi phạm vi nhà máy của Bên A, nếu có bất kỳ sự cố hoặc vấn đề phát sinh nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường,...) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
When the waste has been handed over out of Party A's factory, if there are any problems or problems arising (loss, affecting environmental sanitation, ...) during transportation, storage and treatment of waste of Party A, it is under sole responsibility of Party B.
- l. Bên B tiếp nhận thông tin nhu cầu từ Bên A, khảo sát, lập phương án thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải cho Bên A.
Party B receives demand information from Party A, surveys, and makes plans for collecting, transporting, and treating waste for Party A.
- m. Bên B tự trang bị đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ cá nhân cơ bản và chuyên dụng cần thiết cho nhân sự thực hiện công việc.
Party B fully equips itself with basic and specialized personal protective equipment necessary for personnel to perform the work
- n. Nhân sự bên B phải tuân thủ các quy định về an toàn, sức khỏe, môi trường, PCCC, an ninh và các quy định khác của Bên A.
Party B's personnel must comply with regulations on safety, health, environment, fire prevention, security and other regulations of Party A.

Điều 4: Phạt vi phạm hợp đồng

Article 4: Penalty for breach of contract

Bên B sẽ chịu trách nhiệm thu gom trong vòng 48 tiếng kể từ khi nhận thông báo của bên A, và thời gian thu gom sẽ được hai bên thống nhất với nhau. Nếu bên B vi phạm tiến độ thu gom, xử lý chất thải theo kế hoạch đã được thống nhất mà không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc không phải do lỗi bên A thì Bên B phải chịu phạt 1% giá trị hợp đồng (giá trị theo tháng).

Party B will be responsible for collection within 48 hours of receiving notice from Party A, and the collection time will be agreed upon by both parties. If Party B violates the waste collection and treatment schedule according to the agreed plan and is not due to a force majeure event or is not due to Party A's fault, Party B must pay a penalty of 1% of the contract value (monthly value).

Trường hợp Bên B vận chuyển, xử lý chất thải không đúng theo giấy phép được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận phạt 20.000.000 VNĐ/lần vi phạm và báo cáo cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

In case Party B does not transport or treat waste in accordance with the license, the state management agency approves a fine of 20,000,000 VND/time of violation and reports to the authorities for handling according to regulations.

Nếu bên B vi phạm hợp đồng trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải thì bên A được phép chấm dứt hợp đồng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.

If Party B violates the contract during the process of collecting, transporting and treating waste, Party A is allowed to terminate the contract while the contract is still valid

Điều 5: Giải quyết tranh chấp

Article 5: Dispute settlement

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có thay đổi hay vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc, thương lượng và giải quyết thỏa đáng bằng văn bản. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Phú Thọ giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Chi phí xét xử và chi phí có liên quan do bên thua kiện chịu.

In the course of contract performance, if there are any changes or disputes, the two parties shall discuss, negotiate and settle satisfactorily in writing. In case of failure to reach resolution, it will be brought to a competent court in PhuThoj for settlement. The court's decision is the final and binding on both parties. Adjudication and related expenses shall be borne by the losing party.

Điều 6: Bảo mật

Article 6: Confidentiality

- a. Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

The Parties are responsible for keeping all information they receive from the other Party confidential during the term and after the expiration of this Contract and must take all necessary measures to maintain confidentiality of this information

- b. Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kỳ thông tin Hợp đồng cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

Each Party shall treat Contract Information as confidential, valuable and proprietary, and shall not disclose and shall ensure that its employees shall not disclose any Contract Information to any other third party without the written consent of the other Party.

Điều 7: Trường hợp bất khả kháng

Article 7: Force majeure

- a. Bất khả kháng: là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát và không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của hai bên. Những sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm: bạo loạn, chiến tranh, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận vận tải.

Force majeure: is understood as an event occurred beyond the control of both parties and is not related to the wrongdoing or irresponsibility of the two parties. Force majeure events may include: riots, wars, fires, floods, earthquakes, epidemics, transportation embargoes.

- b. Nếu bất khả kháng xảy ra, bên xảy ra bất khả kháng phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho bên kia về hoàn cảnh và nguyên nhân gây ra sự kiện đó trong vòng 7 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố.

If force majeure occurs, the party experiencing the force majeure must promptly notify in writing the other party of the circumstances and causes of such event within 7 days from the date of occurrence of the incident.

- c. Trường hợp bất khả kháng kéo dài sau 30 ngày, hai bên sẽ gặp nhau để tìm biện pháp giải quyết.

In case of force majeure lasting after 30 days, the two parties will meet to find a solution.

Điều 8: Các điều khoản chung

Article 8: General terms

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết và thống nhất bằng văn bản, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.

Both parties commit to fully implement the terms of this contract. In the course of the contract, if there are problems, the two parties must proactively meet to resolve and agree in writing.

without causing damage to interests of each party.

2. Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

Any amendment or modification to the contract is only valid when it is fully signed by authorized representatives of both parties.

3. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu các bên không thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án kinh tế nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch, án phí do bên thua chịu.

Any dispute arising from this contract, in case of failure to negotiate and reconcile with each other, shall be resolved at the economic court where Party B has its head office, and the court fees shall be borne by the losing party.

Điều 9: Hiệu lực của hợp đồng

Article 9: Validity of the contract

1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 17/ 06/ 2026 . Hợp đồng hiệu lực 1 năm kể từ ngày ký. Hết hạn hợp đồng một trong hai bên không có ý kiến gì bổ sung thì hợp đồng được tự động gia hạn cho các năm tiếp theo.

This contract takes effect from June 17, 2026. The contract is valid for 1 year from the date of signing. If the contract expires, if either party has no additional comments, the contract will be automatically renewed for the following years.

2. Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam và Tiếng Anh. Phần nội dung bằng Tiếng Anh chỉ có tính chất tham khảo, các điều khoản của hợp đồng này đều dựa trên Tiếng Việt và chỉ dùng các nội dung bằng Tiếng Việt để thực hiện hợp đồng và giải quyết các tranh chấp (nếu có). Mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

The contract is made into 04 copies in Vietnamese and English. The content in English is for reference only, the terms of this contract are based on Vietnamese and only the content in Vietnamese is used to implement the contract and resolve disputes (if any). of which 02 copies with the same legal validity are kept by each party.

ĐẠI DIỆN BÊN A

REPRESENTATIVE OF PARTY A



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bang Jeff Seung Tae

ĐẠI DIỆN BÊN B

REPRESENTATIVE OF PARTY B



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Hoàng Thị Kiều Dung

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG
THƯỜNG (CHẤT THẢI TỪ BỂ PHỐT, BỂ TÁCH MỠ, Bùn thải từ hệ
THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SINH HOẠT)
CÔNG TY TNHH SGI VINA

Số: 1110/2025/HDDV/ĐQ-SGI

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc Hội nước CHXHCNVN khoá 13, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

- Căn cứ luật số 72/2020/QH14 Luật Bảo vệ Môi trường ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 được quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua.

- Căn cứ Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính Phủ về quy định chi tiết một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022, về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật bảo vệ môi trường.

- Căn cứ nhu cầu và khả năng của các bên;

Hôm nay ngày 11 tháng 10 năm 2025, tại văn phòng Công ty TNHH SGI VINA đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH SGI VINA

Người đại diện: Ông **BANG JEFF SEUNG-TAE** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

Địa chỉ : Lô 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Mã số thuế : 4001258658;

BÊN B: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐẤT QUẢNG

Người đại diện: Bà **Lê Thị Liên** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ : Thôn Tả Giang, xã Bình Khê, tỉnh Gia Lai, Việt Nam;

Điện thoại : 0937015599;

Mã số thuế : 4101522754;

Tài khoản số : 040073406279;

Tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín - Sacombank. (PGD Tây Sơn).

Sau khi bàn bạc, trao đổi hai bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường của Công ty TNHH SGI VINA, tại



Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, với các nội dung sau đây:

ĐIỀU 1. ĐỐI TƯỢNG VÀ THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG

- 1. Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận cung cấp cho Bên A dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường của Công ty TNHH SGI VINA tại Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng;
- 2. Hợp đồng này có thời hạn kể từ ngày ký đến hết ngày tháng năm 2025. Hết thời hạn Hợp đồng, các bên sẽ làm thủ tục, thương thảo để gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng.

ĐIỀU 2. ĐỊA ĐIỂM GIAO NHẬN, VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI

- 1. **Địa điểm giao nhận chất thải:** Công ty TNHH SGI VINA tại Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng.
- 2. **Thời gian giao nhận:**
Căn cứ theo kế hoạch phát sinh chất thải của **Bên A**. Trước mỗi lần bàn giao chất thải, Bên A có trách nhiệm thông báo cho **Bên B** tối thiểu 03 ngày (bằng điện thoại, email hoặc fax), ngoại trừ các ngày lễ và Chủ nhật.
- 3. **Phương tiện, nhân lực, thiết bị thu gom, vận chuyển:**
Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện, nhân lực, thiết bị thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng theo yêu cầu của Bên A và quy định của pháp luật nhà nước Việt Nam.
- 4. **Phản thực hiện của Bên B cụ thể:**
 - Bên B chịu trách nhiệm vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông (chất thải từ bể phốt, bể tách mỡ, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt) thường của Công ty TNHH SGI VINA tại Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng.

ĐIỀU 3. DANH MỤC, ĐƠN GIÁ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

1. Đơn giá dịch vụ thu gom, vận chuyển nước thải.

STT	Tên dịch vụ	Đvt	Đơn giá (VNĐ)	Ghi chú
Thu gom, vận chuyển và xử chất thải rắn công nghiệp thông thường cụ thể:				
1	Chất thải phát sinh từ bể phốt	M3	550.000	Khối lượng được hai bên xác nhận và nghiệm thu bằng biên bản cho mỗi lần thực hiện
2	Chất thải từ bể tách mỡ nhà ăn và bùn thải của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt.	M3	590.000	

Ghi chú: Đơn giá trên đã bao gồm thuế VAT 8%

2. Phương thức thanh toán:

Bên A thanh toán tiền cho Bên B phí dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường chậm nhất trong 15 (mười lăm) ngày sau khi Bên A nhận được hồ sơ hợp lệ tại Văn phòng Công ty TNHH SGI VINA bao gồm:

- + Giấy đề nghị thanh toán.
- + Các biên bản nghiệm thu khối lượng đã hoàn thành việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (biên bản nghiệm thu từng chuyến)
- + Biên bản bàn giao chất thải.
- + Hóa đơn GTGT hợp lệ.
- + Biên bản giao nhận chất thải với bên xử lý.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN A

1. Bên A có nghĩa vụ thanh toán tiền đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo Hợp đồng.
2. Bên A có trách nhiệm bàn giao chất thải tại công trường của Bên A cho Bên B.
3. Bên A tạo điều kiện cho Bên B trong việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trong phạm vi của Bên A.
4. Bên A cử nhân viên xác nhận khối lượng đã thu gom, chuyển nước và xử lý chất rắn công nghiệp thông thường để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán Hợp đồng.
5. Bên A cam kết chuyển giao chất thải cho Bên B như đã thống nhất ở Điều 3 của Hợp đồng.
6. Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường do Bên B thực hiện dịch vụ.
7. Bên A có trách nhiệm gửi thông báo thu gom chất thải định kỳ cho Bên B trước ít nhất 3 ngày để Bên B chủ động sắp xếp và bố trí phương tiện thu gom. Trường hợp phát sinh đột xuất, Bên A phải thông báo cho Bên B trước tối thiểu 24 giờ để Bên B kịp thời hỗ trợ và chuẩn bị phương tiện thu gom chất thải.

ĐIỀU 5. TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA BÊN B

1. Bên B tiếp nhận thông tin nhu cầu từ Bên A, khảo sát, lập phương án thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường; phản hồi lại kế hoạch thu gom cho Bên A.
2. Tổ chức việc hút chất thải cho Bên A bằng xe chuyên dụng, đảm bảo vệ sinh môi trường, không để rơi vãi chất thải ra môi trường trong suốt quá trình thu gom và vận chuyển.
3. Bên B bố trí nhân viên kỹ thuật có chuyên môn về xử lý chất thải để trực tiếp giám sát các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường của Bên B.
4. Bên B đảm bảo an toàn, an ninh trong quá trình thực hiện dịch vụ theo quy định của bên A.
5. Bên B có trách nhiệm bố trí nhân lực, phương tiện, máy móc chuyên dụng đảm bảo pháp luật để thu gom, bốc xếp chất thải tại nơi phát sinh chất thải định kỳ, các điểm tập kết chất thải,lên phương tiện vận chuyển và vệ sinh sạch sẽ.
6. Bên B cử nhân viên đại diện cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải thu gom, vận chuyển để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán Hợp đồng.
7. Bên B có trách nhiệm thông tin đầy đủ cho Bên A bằng văn bản về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

đến Hợp đồng này trước hết sẽ được các bên giải quyết bằng thương lượng và hòa giải trên cơ sở tinh thần hữu nghị và cùng có lợi.

2. Trong trường hợp không thể giải quyết được thông qua thương lượng và hòa giải, mỗi bên sẽ có quyền đệ trình tranh chấp, mâu thuẫn hay khiếu nại đó lên tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết.

ĐIỀU 9. BẤT KHẢ KHÁNG

1. Sự kiện bất khả kháng là sự kiện mang tính khách quan và nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên, không dự đoán được hoặc không khắc phục được như động đất, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh và các thảm họa khác không lường trước được, sự thay đổi chính sách hoặc ngăn cấm của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

2. Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình do sự kiện bất khả kháng sẽ không phải là cơ sở để bên kia chấm dứt Hợp đồng. Tuy nhiên Bên Bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải:

- Thông báo ngay cho bên kia về sự kiện bất khả kháng xảy ra trong vòng 07 ngày ngay sau khi xảy ra sự kiện bất khả kháng;

- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa cần thiết để hạn chế tối đa ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.

3. Trong trường hợp xảy ra sự kiện bất khả kháng, thời gian thực hiện Hợp đồng sẽ được kéo dài bằng đúng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà Bên Bị ảnh hưởng không thể thực hiện được các nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình.

ĐIỀU 10. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- Các Bên chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ triển khai Hợp đồng, nếu có vấn đề gì cần giải quyết, hai bên kịp thời thông báo cho nhau bằng văn bản và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích của các Bên.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký.

- Hợp đồng được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bang Jeff Seung Tae

ĐẠI DIỆN BÊN B



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

PHỤ LỤC SỐ 01

(Kèm theo Hợp đồng số 1410/2025/HDDV/ĐQ-SGI)

Căn cứ vào Hợp đồng số 1410/2025/HDDV/ĐQ-SGI ký ngày 14/10/2025 giữa Công ty TNHH SGI VINA và Công ty TNHH Xây Dựng và Thương Mại Đất Quảng về việc Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường (chất thải từ bể phốt, bể tách mỡ, bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt);

Căn cứ theo quy định và pháp luật hiện hành;

Căn cứ vào nhu cầu và tình hình thực tế của hai bên;

Hôm nay, ngày 02 tháng 01 năm 2026 tại Văn phòng Công ty TNHH SGI VINA, chúng tôi gồm có:

BÊN A : CÔNG TY TNHH SGI VINA

Người đại diện : Ông BANG JEFF SEUNG-TAE

Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Địa chỉ : Lô25, KCN Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại : 02353885000;

Mã số thuế : 4001258658;

Mã số thuế : 5624511485 tại ngân hàng BIDV- CN Quảng Nam – PGD Chu Lai;

BÊN B: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI ĐẤT QUẢNG

Người đại diện : Bà LÊ THỊ LIÊN

Chức vụ: Giám đốc

Địa chỉ : Thôn Tả Giang, xã Bình Khê, tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Điện thoại : 0937 015 599

Mã số thuế : 4101522754

Số tài khoản : 040073406279

Tại ngân hàng : Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín- Sacombank (PGD-Tây Sơn).

Sau khi bàn bạc, thỏa thuận, hai bên thống nhất ký phụ lục số 01 với các điều khoản sau:

Điều 1: Thời gian thực hiện Hợp đồng

Thống nhất gia hạn thời gian thực hiện Hợp đồng số 1410/2025/HDDV/ĐQ-SGI ký ngày 14/10/2025.

Thời gian gia hạn đến ngày 31/12/2026.

Điều 2: Điều khoản chung.



Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng số 1410/2025/HDDV/ĐQ-SGI ký ngày 14/10/2025 và có hiệu lực kể từ ngày 31/12/2025.

Các điều khoản khác của Hợp đồng số 1410/2025/HDDV/ĐQ-SGI ký ngày 14/10/2025 không được thể hiện trong phụ lục này được giữ nguyên, không thay đổi.

Phụ lục này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bang Jeff Seung Tae

ĐẠI DIỆN BÊN B



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN PHẾ LIỆU

Số: 7.4./2026/HĐPI/HB-SGI

- Căn cứ Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 11 năm 2020;
- Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành luật bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường;
- Căn cứ Giấy phép môi trường số: 121/GPMT-BNNMT ngày 21 tháng 04 tháng 2026 của Công ty Cổ phần Môi trường Công nghệ cao Hòa Bình
- Căn cứ vào đề nghị của Công ty TNHH SGI Vina về việc thu gom, vận chuyển và thu mua phế liệu.

Hôm nay, ngày 24 tháng 06 năm 2026. Tại văn phòng Công ty TNHH SGI Vina Chúng tôi gồm có:

BÊN BÁN (Sau đây gọi là Bên A):

BÊN A: CÔNG TY TNHH SGI VINA

Người đại diện : **Ông BANG JEFF SEUNG-TAE** Chức vụ: Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế : 4001258658

Tài khoản số : 5624511485 ngân hàng BIDV _CN Quảng Nam -PGD Chu Lai

BÊN MUA (Sau đây gọi là Bên B):

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHỆ CAO HÒA BÌNH

Đại diện : **BÙI NHƯ KHOA** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Địa chỉ : Thôn Đồng Phú, xã Lạc Thủy, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Mã số thuế : 5400471316

Tài khoản số: 110618556688, mở tại Ngân hàng Vietinbank, Chi nhánh Đông Hà Nội.

Hai bên thống nhất ký kết và thực hiện Hợp đồng mua bán phế liệu (sau đây gọi là Hợp đồng) với những điều khoản cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: CHUNG LOẠI PHẾ LIỆU VÀ GIÁ TRỊ HỢP ĐỒNG

Bên A đồng ý bán, Bên B đồng ý mua phế liệu (sau đây gọi là hàng hóa) của Bên A theo quy định của Hợp đồng này. Số lượng, danh mục hàng hóa, giá cả chi tiết được hai

Bên thỏa thuận trong Phụ lục hợp đồng đính kèm và là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

Giá trên là đơn giá Bên A xuất hóa đơn phi thuế quan cho bên B, bên B sẽ nhận, vận chuyển, di cân và làm thủ tục hải quan hai đầu, chi trả tất cả thuế phí liên quan đến việc khai báo hải quan và việc thu mua, vận chuyển phế liệu, Bên B sẽ không tính thêm bất cứ chi phí nào khác.

ĐIỀU 2: ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO HÀNG VÀ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN

1. Địa điểm giao hàng: *Công ty TNHH SGI Vina* - Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

2. Thời gian giao nhận: Theo kế hoạch phát sinh chất thải Bên A. Mỗi đợt bàn giao chất thải bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước ít nhất 02 ngày (bằng điện thoại, email hoặc fax) trừ ngày lễ và chủ nhật. Nội dung thông báo ghi rõ khối lượng và loại phế liệu.

3. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm sắp xếp phương tiện vận chuyển và nhân công phù hợp.

ĐIỀU 3: ĐIỀU KIỆN THANH TOÁN VÀ THỜI HẠN THANH TOÁN:

1. Phương thức thanh toán

Thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Bên A sau khi Bên B nhận được hồ sơ thanh toán hợp lệ.

2. Thời hạn thanh toán

Bên B sẽ thanh toán cho Bên A tiền thu mua phế liệu trong vòng 15 (mười lăm) ngày sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán bao gồm: đơn đề nghị thanh toán, hóa đơn tài chính hợp lệ của bên A.

3. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng.

ĐIỀU 4: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

Bàn giao phế liệu cho Bên B theo đúng quy cách, chất lượng, đúng thời gian và địa điểm như trong Hợp đồng.

Phối hợp giải quyết kịp thời các phát sinh, vướng mắc trong thời gian thực hiện hợp đồng.

Không chịu trách nhiệm đối với các loại phế liệu trong danh mục thu mua ghi trong Phụ lục hợp đồng này đã bàn giao cho bên B.

Bổ trí đại diện giám sát quá trình giao nhận hàng hóa giữa hai bên, hỗ trợ xe nâng cho bên B bốc xếp, nâng hàng (nếu có) lên phương tiện vận chuyển (nếu cần). Hướng dẫn các thủ tục xuất nhập trong nhà máy, khu công nghiệp để thuận lợi cho bên B ra, vào giao nhận hàng hóa trong khả năng của mình.

Ký biên bản bàn giao phế liệu cho bên A ngay khi bàn giao phế liệu theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

Bên A có quyền lập biên bản Bên B theo mẫu quy định của Bên A nếu bên B vi phạm cam kết hoặc không đảm bảo chất lượng, tiến độ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải làm ảnh hưởng đến an toàn, môi trường, sản xuất và uy tín của Bên A.

Xuất hóa đơn chứng từ hợp lệ cho Bên B.

Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B.

Mỗi khi bên B đến nhận, vận chuyển phế liệu phải tuân theo đúng quy định mà bên A đặt ra, phù hợp theo các quy định pháp luật có liên quan. Nếu xảy ra sự cố Bên B tự chịu hoàn toàn trách nhiệm, đồng thời bồi thường toàn bộ tổn thất gây ra cho Bên A và/hoặc Bên thứ ba (nếu có). Kịp thời thông tin cho Bên A các vấn đề phát sinh.

Bên B đến nhận, vận chuyển phế liệu phải đảm bảo dọn dẹp sạch sẽ khu vực nhận hàng hóa, đảm bảo công tác an toàn vệ sinh môi trường, không được để bừa bãi và tồn đọng phế liệu gây ảnh hưởng đến môi trường và mỹ quan của bên A, không được gây ồn, mất trật tự làm ảnh hưởng đến việc sản xuất của bên A. Nhân viên của Bên B khi làm việc phải tuân thủ theo nội quy, quy chế của Bên A, Bên B bồi thường toàn bộ thiệt hại gây ra cho Bên A và/hoặc bên thứ ba nếu phát sinh thiệt hại về người và tài sản của Bên A và/hoặc bên thứ ba do lỗi của Bên B gây ra.

Bên B có trách nhiệm nhận, vận chuyển phế liệu đúng thời gian, địa điểm, số lượng và yêu cầu do hai bên thỏa thuận và yêu cầu của Bên A. Ký xác nhận Biên bản bàn giao phế liệu theo yêu cầu của luật định trước khi vận chuyển, nếu không Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mà không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào, Bên B phải tự chịu mọi chi phí phát sinh và bồi thường thiệt hại cho Bên A.

Bên B có trách nhiệm xuất trình cho bên A hợp đồng liên doanh với bên thứ ba và biên bản bàn giao cho bên thứ 3 về việc tái chế phế liệu mà Bên B không được phép tái chế khi có yêu cầu từ cơ quan chức năng kiểm tra.

Bên B có trách nhiệm cử cán bộ chuyên trách, kiểm tra lại số lượng, chủng loại và ký xác nhận biên bản bàn giao hàng hoá với Bên A.

Bên B phải tự kiểm tra hàng hóa trước khi nhận và chịu mọi trách nhiệm về hàng hóa khi ra công ty của bên A.

Chuẩn bị đầy đủ nhân lực, phương tiện vận chuyển chuyên dụng, thiết bị, dụng cụ, nguyên nhiên liệu... để thực hiện và hoàn thành toàn bộ công việc quy định trong hợp đồng này. Người lao động của bên B phải được trang bị bảo hộ đầy đủ theo quy định của pháp luật.

Bên B phải bảo quản, sau khi sử dụng phải bàn giao lại xe nâng cho Bên A đúng theo tình trạng như lúc nhận bàn giao, không hỏng hóc,...Đồng thời tự chịu mọi trách nhiệm, thiệt hại có liên quan đến xe nâng trong quá trình mượn sử dụng. Nếu xảy ra tổn thất, Bên B phải bồi thường cho Bên A, bên thứ ba (nếu có) mọi tổn thất phát sinh.

Bên B phải chuẩn bị đầy đủ giấy tờ, hồ sơ cho xe đến nhận, vận chuyển đi lại hợp pháp; bên B chịu trách nhiệm về rủi ro và những chi phí phát sinh trong quá trình nhận, vận chuyển phế liệu.

Nhân sự bên B phải tuân thủ các quy định về an toàn, sức khỏe, môi trường, PCCC, an ninh và các quy định khác của Bên A. Nếu vi phạm sẽ lập biên bản theo quy định của bên A

Bên B phải đảm bảo về an toàn và vệ sinh trong quá trình công tác.

Bên B cam kết có đầy đủ tư cách, năng lực pháp lý để thực hiện công việc nêu tại Hợp đồng này. Nếu không Bên B phải trực tiếp chịu mọi trách nhiệm và bồi thường cho Bên A thiệt hại phát sinh.

Bên B có trách nhiệm thanh toán cho Bên A theo đúng Điều 3 của Hợp đồng này.

Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

ĐIỀU 5: PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Nếu bên B vi phạm tiến độ thu gom, xử lý phế liệu theo kế hoạch của bên A mà không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc không phải do lỗi bên A thì Bên B phải chịu phạt 8% giá trị thanh toán trên lần thu gom phế liệu.

Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng nếu Bên B không tuân thủ các điều khoản được nêu trong hợp đồng này.

ĐIỀU 5: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này được điều chỉnh bởi các quy định liên quan của pháp luật nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Hai bên cam kết theo dõi tiến độ thực hiện Hợp đồng, nếu có vấn đề bất lợi phát sinh, các bên phải kịp thời thông báo cho nhau biết và cùng nhau bàn bạc giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo hai bên cùng có lợi, thương lượng trên tinh thần hữu nghị, tôn trọng lẫn nhau trong vòng 30 ngày.

Tranh chấp không giải quyết được giữa các Bên sẽ được đưa ra giải quyết tại Tòa án nhân dân có thẩm quyền. Ngôn ngữ sử dụng là tiếng Việt. Chi phí tố tụng của các Bên, bao gồm cả chi phí hợp lý thuê luật sư, sẽ do Bên thua kiện chi trả.

ĐIỀU 6: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Hai bên cam kết thực hiện nghiêm túc các điều khoản của Hợp đồng, không đơn phương thay đổi hoặc huỷ bỏ hợp đồng, bên nào vi phạm mà không có sự bàn bạc thống nhất (bằng văn bản) của cả hai bên sẽ phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hai bên phối hợp thường xuyên để thực hiện hợp đồng, nếu có những khó khăn vướng mắc hai bên phải kịp thời thông báo và bàn bạc giải quyết (lập biên bản ghi toàn bộ nội dung phương án giải quyết).

Trong trường hợp phải lập thêm các phụ lục hợp đồng thì các phụ lục này được coi là một phần không thể tách rời của hợp đồng này.

Các điều khoản không ghi trong hợp đồng này sẽ được các bên thực hiện theo quy định hiện hành và các văn bản pháp luật về hợp đồng.

ĐIỀU 7: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

Mọi bổ sung, sửa đổi vào nội dung của Hợp đồng này chỉ có hiệu lực với sự xác nhận bằng văn bản của cả hai Bên. Văn bản thỏa thuận này là một phần không tách rời của Hợp đồng này.

Hợp đồng sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và đóng dấu của hai bên. Hợp đồng được lập thành 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để làm căn cứ thực hiện. Hợp đồng được

ĐẠI DIỆN BÊN A


TỔNG GIÁM ĐỐC
Bang Jeff Seung Tae

ĐẠI DIỆN BÊN B


TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Như Khoa

Phòng KD:.....

Phòng MT:.....

Phòng KT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG SỐ 01

*Phụ lục hợp đồng số 01 là một phần không thể tách rời của HỢP ĐỒNG MUA BÁN
PHIẾ LIỆU SỐ: 74.../2026/HĐPL/HB-SGI ký ngày 24 tháng 06 năm 2026.*

Các điều kiện của Hợp đồng vẫn giữ nguyên và không thay đổi.

Hôm nay, ngày 24 tháng 06 năm 2026, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH SGI VINA

Người đại diện: **Ông BANG JEFF SEUNG-TAE** Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Địa chỉ: Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mã số thuế: 4001258658

Tài khoản số: 5624511485 ngân hàng BIDV _CN Quảng Nam -PGD Chu Lai

BÊN B : CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP CAO HÒA BÌNH

Đại diện: **Bùi Như Khoa**

Chức vụ: **Tổng Giám đốc**

Địa chỉ: Thôn Đồng Phú, xã Lạc Thủy, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam.

Mã số thuế: 5400471316

Tài khoản số: 110618556688, mở tại Ngân hàng Vietinbank, Chi nhánh Đông Hà Nội

Hai bên thống nhất ký kết phụ lục hợp đồng số 01 theo các điều khoản sau:

Danh mục phế liệu và đơn giá thu mua:

STT	Tên Phế Liệu	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)
1	Phế liệu giấy	Kg	2,200
2	Phế liệu gỗ	Kg	1,000
3	Phế liệu Nilon	Kg	6,000
4	Phế liệu nhựa	Kg	6,000
5	Phế liệu sắt	Kg	5,000

Ghi chú: Đơn giá trên đã bao gồm VAT 0%.

Giá trên là đơn giá Bên A xuất hóa đơn phi thuế quan cho bên B, bên B sẽ nhận, vận chuyển, đi cân và làm thủ tục hải quan hai đầu, chi trả tất cả thuế phí liên quan đến việc

khai báo hải quan và việc thu mua, vận chuyển phế liệu, Bên B sẽ không tính thêm bất cứ chi phí nào khác.

Phụ lục này có hiệu lực từ ngày ký và được lập thành 04 bản có giá trị như nhau về mặt pháp lý, mỗi bên giữ 02 bản.


ĐẠI DIỆN BÊN A

TỔNG GIÁM ĐỐC
Bang Jeff Seung Tae


ĐẠI DIỆN BÊN B

TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Như Khoa

Phòng KD:.....
Phòng MT:.....
Phòng KT:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----***-----

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

-----****-----

Số: **557**/2024/HĐKT/PM – SGI

Number: **557**/2024/HĐKT/PM – SGI

HỢP ĐỒNG

THU GOM, VẬN CHUYỂN, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI

CONTRACT

FOR COLLECTION, TRANSPORTATION AND TREATMENT OF HAZARDOUS WASTE

- Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 được quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua.
- Pursuant to Law on Environmental Protection No. 72/2020/QH14, promulgated on November 17, 2020 and effective from January 1, 2022 passed by the National Assembly of the Socialist Republic of Vietnam.
- Căn cứ Nghị Định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ ngày 10/01/2022.
- Pursuant to Decree 08/2022/NĐ-CP dated January 10, 2022 of the Government on management of waste and scrap.
- Căn cứ vào thông tư số: 02/2022/TT – BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Pursuant to Circular No. 02/2022/TT – BTNMT dated January 10, 2022, on management of hazardous waste.
- Căn cứ đề nghị của Công ty TNHH SGI Vina về việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại.
- Pursuant to the SGI Vina Company Ltd. on the collection, transportation and treatment of hazardous waste
- Căn cứ chức năng và năng lực của Công ty TNHH Môi Trường Phú Minh Vina.
- Pursuant to the function and capacity of Phu Minh Vina Environment Co., Ltd.

Hôm nay, ngày 09 Tháng 07 năm 2024 Tại trụ sở Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina. Chúng tôi gồm:

To day of July 7 , 2024, at the headquarters of Phu Minh Vina Environment Co., Ltd, we are:

Bên A: CÔNG TY TNHH SGI VINA

Party A SGI VINA COMPANY LIMITED

Địa chỉ : Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Address Lot No. 25, North Chu Lai Industrial Park, Tam Hiep Commune, Nui Thanh District, Quang Nam Province, Vietnam

Người đại diện : Ông **BANG JEFF SEUNG-TAE** Chức vụ: Giám đốc

Representative Mr. BANG JEFF SEUNG-TAE Position : Director

Điện thoại : 02353885000 Fax:
Telephone 02353885000
Tài khoản : 5624511485 tại ngân hàng BIDV- CN Quảng Nam – PGD Chu Lai
Account 5624511485 tại ngân hàng BIDV- CN Quảng Nam – PGD Chu Lai
Mã số thuế : 4001258658
Tax code 4001258658

Bên B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG PHÚ MINH VINA

Party B: PHU MINH VINA ENVIRONMENT COMPANY LIMITED

Địa chỉ : Khu xử lý rác thải, xã Trăm Thán, huyện Phú Ninh, tỉnh Phú Thọ
Address : Waste treatment area, Tram Than commune, Phu Ninh district, Phu Tho province
Người đại diện : Ông LÊ VĂN QUANG Chức vụ: Tổng Giám đốc.
Representative : Mr. LE VAN QUANG Position: General Director
Điện thoại : 096 119 2626 Fax:
Telephone : 096 119 2626
Tài khoản : 020061192626 – tại Ngân hàng Sacombank, CN Đông Anh
Account : 020061192626 – at Sacombank, Dong Anh Branch
Mã số thuế : 2601066979
Tax code : 2601066979

Hai bên thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng như sau:

Both parties agree on the content of the contract as follows:

Điều 1: Bên A thuê Bên B thực hiện những công việc sau:

Article 1: Party A hires Party B to perform the following tasks:

Thu gom, vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty TNHH SGI Vina theo đúng các quy định về quản lý chất thải và bảo vệ môi trường của pháp luật Việt Nam hiện hành.

Collection, transportation, storage and treatment of hazardous generated during the SGI Vina Company Ltd in accordance with regulations on waste management and environmental protection under current Vietnamese law

Điều 2: Địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển chất thải:

Article 2: Location, time of delivery and means of waste transportation:

1. Địa điểm bàn giao chất thải tại Công ty TNHH SGI Vina

Location of waste handover at the SGI Vina Company Ltd

Địa chỉ: Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Address: Lot No. 25, North Chu Lai Industrial Park, Tam Hiep Commune, Nui Thanh District, Quang Nam Province, Vietnam

2. Địa điểm lưu giữ, xử lý chất thải: Công ty TNHH Môi trường Phú Minh Vina.

Location of waste storage and treatment: Phu Minh Vina Environment Company Limited

Địa chỉ: Khu xử lý rác thải, xã Tràm Thàn, huyện Phù Ninh, tỉnh Phú Thọ.

Address: Waste treatment area, Tram Than commune, Phu Ninh district, Phu Tho province.

3. Thời gian giao nhận: Theo kế hoạch phát sinh chất thải Bên A. Mỗi đợt bàn giao chất thải bên A có trách nhiệm thông báo cho Bên B trước ít nhất 02 ngày thu gom (bằng điện thoại, email hoặc fax). Trong trường hợp phát sinh ngoài kế hoạch, bên A và bên B trao đổi cụ thể và thống nhất thực hiện lịch thu gom theo nội dung đã trao đổi. Nội dung thông báo ghi rõ khối lượng và loại chất thải.

Delivery time: According to the waste generation plan of Party A. Each handover of waste, Party A is responsible for informing Party B at least 02 days in advance (by telephone, email or fax). In case of unplanned occurrences, Party A and Party B discuss specifically and agree to implement the collection schedule according to the discussed content. The content of the notice clearly states the volume and type of waste.

4. Phương tiện vận chuyển: Bên B chịu trách nhiệm về phương tiện vận chuyển chuyên dụng theo quy định của pháp luật và nhân công bốc xếp.

Means of transport: Party B is responsible for the specialized means of transport according to the provisions of the law and the loading and unloading workers.

Điều 3: Danh mục, đơn giá và thể thức thanh toán:

Article 4: The waste list, unit price and payment method:

1. Danh mục và đơn giá xử lý như sau:

Processing list and unit price are as follows:

TT No.	Danh mục chất thải List of Waste	Mã chất thải Waste code	Ghi chú Remark	Khối lượng Quantity	ĐVT Unit	Đơn giá xử lý Price (VND)
	I. Danh mục chất thải xử lý List of treated waste					
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại <i>Absorbents, filter materials (including oil filter materials not mentioned in other codes), cleaning cloth and protective cloth contaminated with hazardous substances</i>	18 02 01	Rắn Solid	01	Kg	4.500
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại dính hóa chất <i>Hard packaging made of metal contaminated with hazardous substances</i>	18 01 02	Rắn Solid	01	Kg	2.000

3	Bao bì cứng thái bằng nhựa dính hóa chất <i>Hard packaging made of plastic contaminated with hazardous substances</i>	18 01 03	Rắn Solid	01	Kg	2.000
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác <i>Waste engine oils, transmission oils and other lubricant oils</i>	17 02 04	Lỏng Liquid	01	Kg	2.000
5	Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sản xuất <i>Sludge from production waste water treatment system</i>	12 06 05	Bùn Mud	01	Kg	4.500
6	Ắc quy chì thải <i>Waste lead batteries</i>	19 06 01	Rắn Solid	01	Kg	4.500
7	Axit thải <i>Waste acid</i>	16 01 02	Lỏng Liquid	01	Kg	4.500
8	Than hoạt tính (trong buồng hấp thụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải <i>Activated carbon (in the absorption chamber) used from the exhaust gas treatment process</i>	12 01 04	Rắn Solid	01	Kg	4.500
9	Sơn thải và vecni chứa dung môi hữu cơ <i>Waste paint and varnish contain organic solvents</i>	08 01 01	Lỏng Liquid	01	Kg	4.500
II	Danh mục thu hồi <i>Recall list</i>					Đơn giá thu hồi Recovery unit price
1	Bao bì cứng bằng kim loại sau xử lý (Thùng phuy sắt 200 lit) <i>Rigid metal packaging after treatment (200 liter iron drum)</i>			01	Cái Pc	128.000

2	Bao bì cứng thải bằng nhựa sau xử lý (Tank nhựa 1000lit) <i>Rigid plastic waste packaging after treatment (1000 liter plastic tank)</i>			01	Cái Pc	470.000
3	Lu nhựa <90 lit sau xử lý Plastic jar <90 liters after treatment			01	Cái Pc	30.000
4	Lu nhựa >90 lit sau xử lý Plastic jar >90 liters after treatment			01	Cái Pc	60.000

Ghi Chú:

- Đơn giá xử lý trên chưa bao gồm VAT (VAT 0%)
The above processing unit price does not include VAT (VAT 0%)
- Đơn giá thu mua đã bao gồm VAT.
The purchase price includes VAT.
- 2. Đơn giá sẽ được điều chỉnh lại theo sự thay đổi của thị trường thông qua đàm phán và nhất trí giữa hai bên bằng văn bản.
The unit price will be adjusted according to market changes through negotiation and agreement between both parties in writing.
- 3. Hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải cho từng chuyển, cuối tháng lập bảng kê hai bên cùng đối chiếu và xác nhận khối lượng cho từng tháng để làm cơ sở thanh toán.
Based on the actual volume, both parties will make a record of waste delivery and receipt for each batch. A bill of quantity shall be made at the end of the month for mutual comparison and confirmation for monthly payment by both parties.
- 4. Phương thức thanh toán:
Payment method:
 - Việc thanh toán được thực hiện bằng Việt Nam đồng (VND).
The payment is made in Vietnam Dong (VND).
 - Hình thức thanh toán bằng chuyển khoản.
Payment method by bank transfer.
 - Căn cứ trên khối lượng chất thải được thu gom, vận chuyển và xử lý theo biên bản giao nhận giữa hai Bên, việc thanh toán được thực hiện trong vòng 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày hai bên tiến hành chốt công nợ hàng tháng và bên A nhận được hóa đơn tài chính hợp lệ và các chứng từ chất thải có liên quan.
Based on the volume of waste collected, transported and treated according to the record of delivery between the two Parties, the payment will be made within 45 (forty five) days from the date the two parties confirm the monthly amount and a valid financial invoice and relevant waste documents are receivable to party A.

Điều 4. Trách nhiệm và quyền lợi của các Bên:

Article 4. Responsibilities and interests of the Parties:

1. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên A:

1. Responsibilities and interests of Party A:

- a. Bên A có trách nhiệm phân loại và lưu giữ tạm các loại chất thải theo quy định và thuận

tiện cho việc bốc xếp chất thải lên xe vận chuyển của bên B. Cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng nhà máy.

Party A is responsible for classifying and temporarily storing all types of waste according to regulations and convenient for loading and unloading waste onto Party B's transport vehicle. Providing necessary documents when accessing the factory gate.

- b. Đảm bảo thành phần chất thải giao nhận đúng theo hợp đồng, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau.

Making sure that the composition of waste is delivered and received in accordance with the contract, absolutely free of different types of waste

- c. Bố trí đường đi đến các địa điểm thu gom chất thải thuận tiện, không bị cản trở.

Arranging convenient and unobstructed roads to waste collection sites

- d. Cử cán bộ chuyên môn giám sát và phối hợp thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh nếu có, nhưng không ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng của Bên B.

Appointing professional staff to supervise and coordinate contract performance and solving potential problems, if any, but do not affect the contract performance of Party B

- e. Đảm bảo các chi tiết máy, thiết bị, tài sản còn sử dụng được không lẫn trong chất thải bàn giao cho Bên B.

Ensuring that usable machine, equipment and property details are not mixed in the waste and handed over to Party B.

- f. Cử người hướng dẫn nội quy, quy định của bên A cho nhân viên của Bên B vào thu gom chất thải.

Appointing someone to guide the company's rules and regulations Party A for Party B's employees to collect waste.

- g. Ký biên bản bàn giao chất thải, ký xác nhận và chuyển giao đầy đủ chứng từ CTNH cho bên B ngay khi bàn giao chất thải cho bên B theo đúng quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

Signing the waste handover minutes, sign for certification and transfer all hazardous waste documents to Party B immediately upon handing over the waste to Party B in accordance with the provisions of Circular No.02/2022/TT-BTNMT

- h. Cung cấp thông tin về thành phần, nguồn gốc phát sinh của các loại chất thải để làm cơ sở tính toán phương án xử lý của bên B.

Providing information on the composition and origin of waste types as a basis for calculating the treatment plan of Party B

- i. Thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng.

Paying Party B on time as stated in the contract.

2. Trách nhiệm và quyền lợi của Bên B

Responsibilities and interests of the party B

- a. Có các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết với chất thải

There are necessary measures to limit exposure to waste

- b. Có các phương tiện bảo hộ cá nhân trong khi làm việc và bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố.

Have personal protective equipment while working and in case of troubleshooting.

- c. Vệ sinh thân thể sạch sẽ ngay sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hoá chất trước khi rời nhà máy.

Clean your body immediately after using or coming into contact with chemicals before leaving the factory.

- d. Tuân theo các quy định tương ứng của Công ty. Tránh tiếp xúc với các vật liệu bị tràn đổ hay thất thoát. Vứt bỏ ngay lập tức trang thiết bị nhiễm bẩn

Comply with corresponding regulations of the Company. Avoid contact with spilled or lost materials. Immediately throw away contaminated equipment

- e. Cung cấp cho Bên A đầy đủ các loại giấy phép hành nghề vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

Providing Party A with a full range of hazardous waste transportation and treatment licenses.

- f. Có trách nhiệm tuân thủ và thực hiện các quy định của pháp luật liên quan đến việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải.

Taking responsibility for complying with and implementing the provisions of the law related to the collection, transportation and treatment of waste.

- g. Đảm bảo đủ điều kiện vận chuyển, lưu giữ và xử lý chất thải theo đúng các qui định của Luật bảo vệ môi trường và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Facilitating conditions for transportation, storage and treatment of waste in accordance with the provisions of the Law on Environmental Protection and its guiding documents.

- h. Có phương án xử lý sự cố khi tràn đổ, rò rỉ, hỏa hoạn chất thải và Bên B phải có trách nhiệm đào tạo nhân viên của mình phương án xử lý sự cố đó. Có trách nhiệm cải tiến công nghệ nhằm đạt kết quả xử lý tốt nhất, giảm chi phí xử lý và đảm bảo thân thiện với môi trường.

There is a plan to handle incidents when spills, leaks, waste fires and Party B must be responsible for training its employees in such incident handling plans. Responsible for improving technology to achieve the best treatment results, reducing treatment costs and ensuring environmental friendliness.

- i. Thông tin đầy đủ cho Bên A các vấn đề phát sinh trong quá trình thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải.

Fully informing Party A of problems arising in the process of collecting, transporting and treating waste.

- j. Có trách nhiệm xuất trình cho bên A hợp đồng liên doanh với bên thứ ba về việc xử lý những chất thải nguy hại mà Bên B không được phép xử lý.

Being responsible for presenting to Party A a joint venture contract with a third party on the treatment of hazardous wastes that Party B is not allowed to handle.

- k. Chịu trách nhiệm tổ chức nhân công thực hiện việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải an toàn theo kế hoạch và phương án đã thống nhất giữa hai Bên, tuân thủ các nội quy và quy định của Bên A và phù hợp với pháp luật hiện hành.

Resuming responsibility for organizing workers to collect, transport and treat waste safely according to the plan and schedule agreed between the two Parties, complying with the rules and regulations of Party A and in accordance with Current law.

- l. Cử Cán Bộ chuyên môn giám sát khối lượng chất thải giao nhận, phối hợp trong việc thực hiện hợp đồng và giải quyết các vấn đề phát sinh (nếu có).

Appointing professional staff to supervise the volume of waste delivered and received, coordinating in contract performance and solving potential problems (if any).

- m. Có trách nhiệm kiểm tra các tài liệu liên quan đến thành phần chất thải trong hợp đồng do Bên A cung cấp. Trong trường hợp phát hiện ra sự sai lệch hoặc không phù hợp thì hai Bên sẽ cùng nhau thương lượng để giải quyết theo đúng quy định hiện hành.

Being responsible for checking documents related to waste components in the contract provided by Party A. In case of detecting deviation or non-conformity, the two Parties will negotiate together to resolve according to current regulations.

- n. Có trách nhiệm xác nhận hoàn thành việc xử lý vào “Chứng từ chất thải nguy hại” và xuất hóa đơn tài chính hợp lệ đúng thời hạn.

Being responsible for confirming the completion of the treatment in the “Hazardous waste

document" and issuing a valid financial invoice on time.

- o. Khi chất thải đã bàn giao ra khỏi phạm vi nhà máy của Bên A, nếu có bất kỳ sự cố hoặc vấn đề phát sinh nào xảy ra (thất thoát, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường,...) trong quá trình vận chuyển, lưu giữ, xử lý chất thải của Bên A thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

When the waste has been handed over out of Party A's factory, if there are any problems or problems arising (loss, affecting environmental sanitation, ..) during transportation, storage and treatment of waste of Party A, it is under sole responsibility of Party B.

Điều 5: Phạt vi phạm hợp đồng

Article 5: Penalty for breach of contract

Bên B sẽ chịu trách nhiệm thu gom trong vòng 48 tiếng kể từ khi nhận thông báo của bên A, và thời gian thu gom sẽ được hai bên thống nhất với nhau. Nếu bên B vi phạm tiến độ thu gom, xử lý chất thải theo kế hoạch đã được thống nhất mà không phải do sự kiện bất khả kháng hoặc không phải do lỗi bên A thì Bên B phải chịu phạt 1% giá trị hợp đồng (giá trị theo tháng).

Party B will be responsible for collection within 48 hours of receiving notice from Party A, and the collection time will be agreed upon by both parties. If Party B violates the waste collection and treatment schedule according to the agreed plan and is not due to a force majeure event or is not due to Party A's fault, Party B must pay a penalty of 1% of the contract value (monthly value).

Trường hợp Bên B vận chuyển, xử lý chất thải không đúng theo giấy phép được cơ quan quản lý nhà nước chấp thuận phạt 20.000.000 VNĐ/lần vi phạm và báo cáo cơ quan chức năng xử lý theo quy định.

In case Party B does not transport or treat waste in accordance with the license, the state management agency approves a fine of 20,000,000 VND/time of violation and reports to the authorities for handling according to regulations.

Nếu bên B vi phạm hợp đồng trong quá trình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải thì bên A được phép chấm dứt hợp đồng trong thời gian hợp đồng còn hiệu lực.

If Party B violates the contract during the process of collecting, transporting and treating waste, Party A is allowed to terminate the contract while the contract is still valid.

Điều 5: Giải quyết tranh chấp

Article 5: Dispute settlement

Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có thay đổi hay vướng mắc thì hai bên cùng bàn bạc, thương lượng và giải quyết thỏa đáng bằng văn bản. Nếu không giải quyết được sẽ đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Phú Thọ giải quyết. Phán quyết của tòa án là quyết định cuối cùng buộc hai bên phải thực hiện. Chi phí xét xử và chi phí có liên quan do bên thua kiện chịu.

In the course of contract performance, if there are any changes or disputes, the two parties shall discuss, negotiate and settle satisfactorily in writing. In case of failure to reach resolution, it will be brought to a competent court in Phu Tho for settlement. The court's decision is the final and binding on both parties. Adjudication and related expenses shall be borne by the losing party.

Điều 6: Bảo mật

Article 6: Confidentiality

- a. Các Bên có trách nhiệm phải bảo mật tất cả những thông tin mà mình nhận được từ Bên kia trong suốt thời hạn và sau khi hết hạn của Hợp đồng này và phải thực hiện mọi biện pháp cần thiết duy trì tính bảo mật của thông tin này.

The Parties are responsible for keeping all information they receive from the other Party confidential during the term and after the expiration of this Contract and must take all necessary measures to maintain confidentiality of this information

- b. Mỗi Bên sẽ đối xử với các thông tin hợp đồng như là các thông tin mật, có giá trị và độc quyền, và sẽ không tiết lộ và đảm bảo rằng các nhân viên của mình cũng sẽ không tiết lộ bất kì thông tin Hợp đồng cho bất kỳ bên thứ ba nào khác nếu như không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên kia.

Each Party shall treat Contract Information as confidential, valuable and proprietary, and shall not disclose and shall ensure that its employees shall not disclose any Contract Information to any other third party without the written consent of the other Party.

Điều 7: Trường hợp bất khả kháng

Article 7: Force majeure

- a. Bất khả kháng: là sự kiện nằm ngoài khả năng kiểm soát và không liên quan đến sự sai phạm hoặc thiếu trách nhiệm của hai bên. Những sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm: bạo loạn, chiến tranh, cháy, lụt, động đất, dịch bệnh, cấm vận vận tải.

Force majeure: is understood as an event occurred beyond the control of both parties and is not related to the wrongdoing or irresponsibility of the two parties. Force majeure events may include: riots, wars, fires, floods, earthquakes, epidemics, transportation embargoes.

- b. Nếu bất khả kháng xảy ra, bên xảy ra bất khả kháng phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho bên kia về hoàn cảnh và nguyên nhân gây ra sự kiện đó trong vòng 7 ngày kể từ ngày xảy ra sự cố.

If force majeure occurs, the party experiencing the force majeure must promptly notify in writing the other party of the circumstances and causes of such event within 7 days from the date of occurrence of the incident.

- c. Trường hợp bất khả kháng kéo dài sau 30 ngày, hai bên sẽ gặp nhau để tìm biện pháp giải quyết.

In case of force majeure lasting after 30 days, the two parties will meet to find a solution.

Điều 8: Các điều khoản chung

Article 8: General terms

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện nếu có vấn đề vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết và thống nhất bằng văn bản, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.

Both parties commit to fully implement the terms of this contract. In the course of the contract, if there are problems, the two parties must proactively meet to resolve and agree in writing, without causing damage to interests of each party.

2. Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

Any amendment or modification to the contract is only valid when it is fully signed by authorized representatives of both parties.

3. Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu các bên không thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án kinh tế nơi Bên B đặt trụ sở giao dịch, án phí do bên thua chịu.

Any dispute arising from this contract, in case of failure to negotiate and reconcile with each other, shall be resolved at the economic court where Party B has its head office, and the court fees shall be borne by the losing party.

Điều 9: Hiệu lực của hợp đồng

Article 9: Validity of the contract

1. Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm kể từ ngày ký. Hết hạn hợp đồng nếu hai bên không có ký kiến gì bổ sung thì hợp đồng được tự động gia hạn cho năm tiếp theo.

This contract takes effect from the one year date of signing. After the contract expires, if both parties do not sign any additional comments, the contract will be automatically renewed for the following years.

2. Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam và Tiếng Anh. Phần nội dung bằng Tiếng Anh chỉ có tính chất tham khảo, các điều khoản của hợp đồng này đều dựa trên Tiếng Việt và chỉ dùng các nội dung bằng Tiếng Việt để thực hiện hợp đồng và giải quyết các tranh chấp (nếu có). Mỗi bên giữ 02 bản và có giá trị pháp lý như nhau.

The contract is made into 04 copies in Vietnamese and English. The content in English is for reference only, the terms of this contract are based on Vietnamese and only the content in Vietnamese is used to implement the contract and resolve disputes (if any). of which 02 copies with the same legal validity are kept by each party.

ĐẠI DIỆN BÊN A
REPRESENTATIVE OF PARTY A


TỔNG GIÁM ĐỐC
Bang Jeff Seung Tae

ĐẠI DIỆN BÊN B
REPRESENTATIVE OF PARTY B


TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Văn Quang

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU CÁC
CÔNG TRÌNH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

2024 年 11 月 15 日

Ngày 15 tháng 11 năm 2024

15 November 2024

竣工验收和交接投入使用的验收报告

Biên bản nghiệm thu bàn giao và đưa vào sử dụng

Emission Equipment Handover Input Inspection

Report

인수인계 확인서

工程：SGI VINA 有限公司 工厂

招标项目：提供和安装 300CMM = 18,000CMH/ 67CMM=4,000CMH 排气处理系统

地点：SGI VINA 有限公司厂房 - 第 25 号地块，北朱来工业区，谭协乡，山城县，广南省，越南

Công trình: Nhà máy CÔNG TY TNHH SGI VINA

Dự án đấu thầu: Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải 300CMM = 18.000CMH và hệ thống xử lý khí thải 67CMM=4,000CMH

Địa điểm: Công ty TNHH SGI VINA - Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Process: SGI VINA Limited Factory

Tender item: 300CMM = 18,000CMH/67CMM = 4,000CMH emission treatment system provided and installed

Venue: SGI VINA Co., Ltd. - Lot 25, Bac Chu Lai Industrial Park, Tam Hiep Commune, Nui Thanh District, Quang Nam Province, Vietnam

공사명: SGI VINA 유한 책임회사

도급 프로젝트명: 배기처리시스템 (Scrubber 의 출력: 300CMM = 18.000CMH/67CMM=4.000CMH)
제공 및 설치

장소: SGI VINA 회사의 공장, 베트남 Quang Nam 성 Nui Thanh 현 Tam Hiep 읍 Bac Chu Lai 산업단지 Lot 25

I 验收对象 : 提供和安装 300CMM = 18,000CMH/ 67CMM=4,000CMH 排气处理系统

II 参与人员

甲方: SGI VINA 有限公司

先生: BANG JEFF SEUNG-TAE

职位: 总经理

乙方: DongGuan Advance Machinery Equipment Co.,Ltd

先生: LIAOYUCHENG

职位: 总经理

I. Đối tượng nghiệm thu: Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải công suất 300CMM = 18.000CMH (02 hệ thống) và hệ thống xử lý khí thải công suất 67CMM=4.000CMH (01 hệ thống)

I. 인수인계 대상 : 배기가스처리 시스템 300CMM = 18,000CMH(02 개) 및 배기가스처리 시스템 67CMM = 4,000CMH(01 개) 공급 및 설치

II. Thành phần tham gia/참가 대상:

Bên A: Công ty TNHH SGI VINA

A 측: SGI VINA 유한 책임 회사

Đại diện/대표자: Ông BANG JEFF SEUNG - TAE

Chức vụ/직무: Tổng giám đốc 법인장

Bên B: DongGuan Advance Machinery Equipment Co.,Ltd

B 측: DongGuan Advance Machinery Equipment Co.,Ltd

Đại diện/대표자: LIAOYUCHENG

Chức vụ/직무: Tổng Giám đốc 법인장

I Inspection target: 300CMM = 18,000CMH(02 systems)/67CMM = 4,000CMH (01 systems)/exhaust gas treatment system provided and installed

II The number of participants

A side : SGI VINA Limited Factory

Gentleman : BANG JEFF SEUNG-TAE

Position: General Manager

B side : Advance Mechinery Equipment Co.,Ltd

Gentleman : LIAOYUCHENG

Position: General Manager

Ⅲ进行时间 :

开始 : 2024 年 1 月 15 日

结束 : 2024 年 11 月 10 日

III. Thời gian tiến hành/수행 기간

Bắt đầu/시작: ngày 일 15 tháng 월 1 năm 년 2024

Kết thúc/종료: ngày 일 10 tháng 월 11 năm 년 2024

III Time of progress :

Start time : 15 January 2024

End time : 10 November 2024

IV评估已完成的设备安装施工量 :

IV. Đánh giá khối lượng thi công lắp đặt thiết bị đã thực hiện:

验收依据文件:

安装施工合同编号： S20240115-01 , 签署日期：2024 年 1 月 15 日

Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu /인수인계를 위한 기준 자료

Hợp đồng thi công lắp đặt số: S20240115-01, ngày ký: 15/01/2024

계약 번호: S20240115-01, 체결일자: 2024/01/15

IV Evaluation of completed facility installation construction

Documents as basis for acceptance :

Installation construction contract number : S20240115-01

Date of signature : 10 November 2024

关于工作量:

验收完成的工作量: 提供和安装 300CMM = 18,000CMH/67CMM = 4,000CMH 排气处理系统

Về khối lượng công việc/업무량에 대한:

Nghiệm thu khối lượng hoàn thành Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải (Scrubber) công suất 300CMM = 18.000CMH (02 hệ thống) và hệ thống xử lý khí thải công suất 67CMM = 4.000CMH (01 hệ thống)

About the workload :

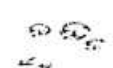
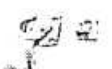
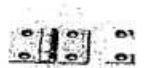
Acceptance of completed volume Supply and installation of exhaust gas treatment system (Scrubber) with capacity of 300CMM = 18,000CMH (02 systems) and exhaust gas treatment system with capacity of 67CMM = 4,000CMH (01 system)

배기처리시스템 (02 개의 Scrubber 의 출력: 300CMM = 18.000CMH; 01 개의 Scrubber 의 출력: 67CMM = 4,000CMH) 공급 및 설치에 대한 인수인계

STT	物资名称 Tên vật tư Facility name 자재명	规格 Quy cách Type 규격	单位 Đơn vị Unit 단위	合同规定的数量 Số lượng quy định trong hợp đồng Contract quantity	验收数量 Số lượng nghiệm thu Inspection volume 인수인계	备注 Chú thích note 비고
-----	--	------------------------------	----------------------------	---	--	-------------------------------

				계약에 따른 수 량	수량	
	废气处理系统功率 300CMM = 18,000CMH (2)/ 67CMM=4,000CMH (1) Hệ thống xử lý khí thải công suất 300CMM = 18.000CMH (2 hệ thống) và hệ thống xử lý khí thải công suất 67CMM = 4,000CMH (1 hệ thống) Exhaust gas treatment system with capacity of 300CMM = 18,000CMH (2 systems) and exhaust gas treatment system with capacity of 67CMM = 4,000CMH (1 system) 배기처리시스템 출력 300 cmM= 18,000CMH(2 개의 시스템) 및 배기처리시스템 출력 67CMM=4,000CMH (1 개의 시스템)					
1	干式活性炭底架 Khung đáy than hoạt tính khô Dry activated carbon support 활성탄 바닥 케이스		件 SCZ	1	1	
2	空心球 Quả cầu rỗng hollow ball 공심구		立方 Khối m³	5	5	
3	液下水泵 Máy bơm nước chìm Underwater pump 지하 펌프	7.5KW, 塑胶防腐 7.5KW, nhựa chống ăn mòn 7.5KW, Prevention of Plastic Corrosion 7.5KW, 부식 방지 플 라스틱	台 Chiếc EA 대	2	2	
4	不锈钢螺丝 Ốc vít bằng thép không gỉ Stainless steel screws 스테인레스 스틸 나사	8*12mm	套 Túi SCZ 봉지	1500	1500	
5	PVC 供水管 Ống cấp nước bằng nhựa PVC PVC Water supply pipe PVC 급수관	90mm	个 Cái EA 개	2	2	
6	PVC 供水管 Ống cấp nước bằng nhựa PVC PVC Water supply pipe	50mm	个 Cái EA	4	4	

	PVC 급수관		개			
7	脚杯 Giác hút chân không Foot cup 발판고정	M16*100mm	↑ Cái EA 개	32	32	
8	阀门 Van khóa Valve 밸브	50mm	↑ Cái EA 개	8	8	
9	阀门 Van khóa Valve 밸브	90mm	↑ Cái EA 개	2	2	
10	法兰直通 Mặt bích Flanged straight 플랜지	90mm	↑ Cái EA 개	2	2	
11	内牙直通 Mang sông ren trong Internal tooth penetration 컨넥터	90mm	↑ Cái EA 개	2	2	
12	弯头 Ống nối 90° Elbow 90 도 엘보	90°	↑ Cái EA 개	6	6	
13	三通 Cái tê three-way connection 3 구컨넥터	90*90*50mm	↑ Cái EA 개	8	8	
14	活接 Rắc co live connection PVC 파이프 유니온	50mm	↑ Cái EA 개	6	6	
15	不锈钢外牙 Răng ngoài bằng thép không gỉ Stainless steel outer teeth 가단성 철 파이프 피팅	75mm	↑ Cái EA 개	4	4	
16	消防喷嘴 Vòi chữa cháy	DN15 下喷 Xịt thấp hơn DN15	↑ Cái	30	30	

	Fire nozzle 소방 호스	DN15 downward jet	EA 개			
17	浮球阀 Van phao Floating ball valve 플로트 밸브	1 寸可调节 1 inch adjustable	个 Cái EA 개	6	6	
18	湿帘 6090 Rèm ướt 6090 Wet curtain 6090 6090 습식 커튼	1960*600*100mm	个 Cái EA 개	14	14	
19	初效过滤棉 Bông lọc sơ cấp Primary filter cotton 1 차 여과면	1400*20mm	米 Mét m 미터	80	80	
20	保温板 (一面锡箔一面带胶) Tấm cách nhiệt (một mặt được dán giấy thiếc và một mặt dán keo) Insulating board 단열 패널 (한쪽은 은박지로 덮고 반대 쪽은 접착)	1220*2440*15mm	个 Cái EA 개	45	45	
21	迫紧把手 Tay chốt khóa Tighten the handle 잠금 핸들	镀锌小号 Trumpet mạ kẽm	个 Cái EA 개	16	16	
22	合页 Bản lề hinge 행거	40*40*5mm	个 Cái EA 개	12	12	
23	密封胶垫 Vòng đệm cao su bịt kín Sealing gaskets 폼고무 가스켓	9M/1 卷 9m/cuộn	卷 Cuộn Roll 묶음	30	30	
24	柜体拼接板 Bảng nối tủ Cabinet splicing board	2250*2870*1300mm	套 Bộ set	1	1	

	캐비닛 연결 패널					
25	活性炭 Than hoạt tính Activated carbon 활성탄		立方 Khối m3	1	1	
26	风机 Quạt Wind turbine 팬	30Hp * 2 12Hp * 1	台 Chiếc EA 대	3	3	
	一共 Tổng cộng 합계	1821	1821			

关于物资供应的质量

- 达到要求 ☒ v..

- 未达到要求 ☐

Về chất lượng cung cấp vật tư/zàzà phẩm chất về

- Đạt yêu cầu/좋은 ☒ v

- Không đạt yêu cầu/중지 않음 ☐

On the quality of supplies

- Achievement of demand ☒ v

- Failure to meet demand ☐

V. 结论

- 双方进行验收完成的工程量，项目为“提供和安装废气处理系统（洗涤塔），功率为 300 CVV
 $= 18,000CV / 67 CVV = 4,000CV -$

-2024 该项目交付使用符合标准、规格和质量要求，符合 2024 年 1 月 15 日签订的施工安装合同编号 S20240115-01。

- 本协议一式两份，甲乙双方各执一份，每份具有同等的法律效力

V. Kết luận/결론

- Hai bên nghiệm thu khối lượng hoàn thành hạng mục Dự án “Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải (scrubber) công suất 300 CMM = 18.000CM (02 hệ thống) và hệ thống xử lý khí thải (scrubber) công suất 67 CMM = 4.000CMH (01 hệ thống)

V. Conclusion

- The amount of construction completed by both parties is inspected, and the item is 'Providing and Installing a Waste Gas Treatment System'. , The power is 300 CMM = 18,000CM (2 systems) and 67 CMM = 4,000CMH (1 system)".

- 양측은 "배기처리시스템 (Scrubber 의 출력: 300 CMM = 18.000CM/67 CMM= 4,000) 공급 및 설치" 항목에 대한 인수인계를 진행합니다.

- Dự án được bàn giao vào năm 2024 theo đúng tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật và yêu cầu chất lượng, đồng thời tuân thủ Hợp đồng lắp đặt số S20240115-01 được ký ngày 15 tháng 1 năm 2024.

-In 2024, this item will be delivered to meet standards, specifications, and quality requirements. , Comply with the construction and installation contract number S20240115-01 signed on January 15, 2024.

- 프로젝트는 표준, 사양 및 품질 요구 사항에 따라 2024 년에 인도될 예정이며, 동시에 2024 년 1 월 15 일에 체결된 설치 계약서 번호 S20240115-01 내용에 따라 준수합니다.

- Thỏa thuận này được lập thành hai bản, Bên A và Bên B mỗi bên giữ một bản có giá trị pháp lý như nhau.

- This Agreement shall be made in duplicate, one copy each of which shall have the same legal effect

- 인수인계 확인서는 2 개의 원본으로 작성되며, 각 당사자는 1 부의 원본을 보관합니다.

甲方代表

代表签字，注明姓名并盖章

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Chữ ký, họ tên và con dấu của người đại diện)

A side Representative

(대표자의 서명 및 날인)
CÔNG TY TNHH SGI VIỆT NAM
P. CÔNG GIÁM ĐỐC
Bang Jeff Seung Tae

乙方代表

代表签字，注明姓名并盖章

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Chữ ký, họ tên và con dấu của người đại diện)

B side Representative

(대표자의 서인, 서명 및 날인)

11

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence - Freedom - Happiness

Date/ ngày:

Minutes No./ BB số: 03/SH-SGI/2024

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH
HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯA VÀO HOẠT ĐỘNG

ON THE ACCEPTANCE FOR OPERATIONS OF PROJECT ITEMS
CONSTRUCTION UPON ITS COMPLETION

1. Project/ Dự án: Hệ thống trang thiết bị phòng chống ô nhiễm môi trường tại nhà máy Công ty TNHH SGI VINA

2. Work Inspected/ Đối tượng nghiệm thu:

a) Name of Work/ Tên công việc được nghiệm thu: Gia công chế tạo Hệ thống trang thiết bị phòng chống ô nhiễm môi trường tại nhà máy Công ty TNHH SGI VINA

b) Location of Work/ Vị trí xây dựng trên công trình: nhà máy Công ty TNHH SGI VINA

3. Members involved in the inspection/ Thành phần trực tiếp nghiệm thu:

a) Investor Representative/ Đại diện chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH SGI VINA

Mr/Ông: **BANG JEFF SEUNG-TAE** Position/ Chức vụ: General director/Tổng giám đốc

b) Contractor Representative/ Đại diện Nhà thầu : CÔNG TY TNHH SHEN VINA

Mr/Ông: **CHOI YOUNGCHUL** Position/ Chức vụ: Manager /Giám đốc

4. Time and Place of inspection/Thời gian và địa điểm nghiệm thu:

a) Time/ Thời gian: Start/Bắt đầu: Date/ngày : / /20.....

Finished/Kết thúc.....: Date/ngày : / /20.....

b) Place/ Địa điểm: At site/Tại công trường nhà máy Công ty TNHH SGI VINA, Lô số 25, KCN Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

5. Assessment of executed construction work/Đánh giá công việc xây dựng đã thực hiện:

a) Documents attached as a basis for inspection/Tài liệu đính kèm làm căn cứ nghiệm thu:

b) Contract No: SV-24-01 SGI/SHEN Equipment supply, construction, installation and commissioning of domestic wastewater treatment system/ SV-24-01 SGI/SHEN về việc Gia công chế tạo Hệ thống trang thiết bị phòng chống ô nhiễm môi trường tại nhà máy Công ty TNHH SGI VINA

- Based on the design drawings, construction standards, technical specifications have been approved by investors./Căn cứ vào bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật đã được chủ đầu tư phê duyệt.
- Based on method statement have been approved. / Căn cứ vào bản vẽ biện pháp thi công đã được phê duyệt.
- Based on the volume done by the two parties signing/ Căn cứ vào khối lượng thực hiện đã được hai bên ký duyệt.
- Documents for examination of quantity, quality of project to be enclosed with minutes of acceptance of each construction part/ Các tài liệu kiểm tra khối lượng, chất lượng kèm theo các biên bản nghiệm thu từng phần.

c) Checking on site/ Kiểm tra tại hiện trường

d) The time for construction work/ Về thời hạn xây dựng công trình :

Date of commencement / Ngày khởi công : Date/ngày : / /2024

Date of completion/ Ngày hoàn thành : Date/ngày : / /2024

e) On the Quality of construction work/ Về chất lượng công việc xây dựng: (compared with design document, standard, project specification)

Công việc thi công đảm bảo chất lượng, đúng thiết kế thi công được phê duyệt./Construction work ensures quality, design.

f) Other comment/ Ý kiến khác:

No/ Không.

6. Conclusion/ Kết luận:

Accepted/ Chấp nhận NT: ☒

Not Accepted/ Không chấp nhận: ☐

Action required (if not accepted), use additional sheet if necessary/ Yêu cầu sửa chữa (nếu không chấp nhận NT).

Representative

Of Investor

Name: BANG JEFF SEUNG-TAE

Position: General director

Signature: 

TỔNG GIÁM ĐỐC
Bang Jeff Seung Tae

Representative

Of Sub contractor

Name: CHOI YOUNG CHUL

Position: Manager

Signature: 

GIÁM ĐỐC
CHOI YOUNG CHUL

BIÊN BẢN NGHIỆM THU HOÀN THÀNH VÀ BÀN GIAO ĐƯA VÀO SỬ DỤNG
BIÊN BẢN SỐ 25.03.2024-02/NTKLHT

Công trình: Nhà máy CÔNG TY TNHH SGI VINA

Gói thầu: Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải (Scrubber) công suất 325CMM=19.500CMH

Địa điểm: Nhà xưởng Công ty TNHH SGI VINA - Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

I. Đối tượng nghiệm thu: Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải (Scrubber) công suất 325CMM=19.500CMH

II. Thành phần tham gia:

a/ Bên A: CÔNG TY TNHH SGI VINA

- Ông BANG JEFF SEUNG-TAE

Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Ông/Bà:

Chức vụ:

b/Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN NATURAL STAR VINA

- Ông: KIM BYUNGWOOK

Chức vụ: Giám Đốc

- Ông/Bà: VÔ THÀNH NAM

Chức vụ: Kỹ sư

III. Thời gian tiến hành:

- Bắt đầu: Ngày 26 tháng 03 năm 2024

- Kết thúc: Ngày 10 tháng 04 năm 2024

IV. Đánh giá khối lượng thi công lắp đặt thiết bị đã thực hiện :

a/ Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu:

- Hợp đồng thi công lắp đặt số: 25.03.2024-02/HDKT/VINA SGI - NS ký ngày 25 tháng 03 năm 2024

b/ Về khối lượng công việc:

Nghiệm thu khối lượng hoàn thành Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải (Scrubber) công suất 325CMM=19.500CMH

STT	Tên vật tư	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng theo hợp đồng	Khối lượng nghiệm thu	Chú thích
a	b	c	d	e	f	g
I	HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI (SCRUBBER) CÔNG SUẤT 325CMM = 19.500 CMH 스크레바 및 장비 (공률: 325CMM = 19.500 CMH)					
1	Tháp xử lý khí thải	Model S2000/H4500 công suất 19.500m3/h kích thước D2000 x	Bộ	1.0	1.0	
2	Ống thoát khí	Đường kính 600xH3000mm chất liệu nhựa PP dày 5mm loại nhựa	Bộ	1.0	1.0	
3	Quạt hút ly tâm không có lưới bảo vệ	Model Wan131-7C điện áp 380V công suất: 20HP = 15kW hãng sản	Cái	1.0	1.0	
4	Bơm tuần hoàn	Trực đứng dùng bơm nước model VP-75 điện áp 380V công suất 3Kw	Cái	2.0	2.0	
5	Bơm định lượng hóa chất	Model AX1-13-PTC-HWS-K công suất: 20W điện áp 220V/50Hz	Cái	1.0	1.0	
6	Bồn chứa hóa chất	Chất liệu nhựa PP thể tích: 300L dùng lắp đặt hệ thống xử lý khí thải	Cái	1.0	1.0	
7	Động cơ khuấy bồn hóa chất	Model GV-22 điện áp 380V Công suất: 0.2 kW 50Hz	Cái	1.0	1.0	
8	Cánh khuấy bằng thép không gỉ	Đường kính 27mm*dài 1000mm	Cái	1.0	1.0	
9	Thiết bị đo độ PH	Dải đo: 0-14pH	Bộ	1.0	1.0	
10	Tủ điện đặt ngoài trời	2 lớp cánh vỏ tủ bằng thép sơn tĩnh điện dày 2mm điện áp 380V	Bộ	1.0	1.0	
11	Thang, lan can, Sàn thao tác cho tháp		Lot	1.0	1.0	
11.1	Thang, lan can, Sàn thao tác cho tháp	Kích thước 1700*700mm	Chiếc	2.0	2.0	
11.2	Lan can bằng thép	Kích thước 3000mm*H900mm	Bộ	3.0	3.0	
11.3	Sàn thao tác bằng thép	Kích thước 3000*2450mm	Chiếc	3.0	3.0	
II	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CHO THÁP KHÍ					
I	Hệ thống đường ống thu gom khí thải					
1.1	Ống dẫn khí bằng nhựa PP	Dày 3mm đường kính 600mm	m	46.0	46.0	
1.2	Cút nhựa PP	Đường kính 600mm dùng ghép nối đường ống dẫn khí	Cái	1.0	1.0	

STT	Tên vật tư	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng theo hợp đồng	Khối lượng nghiệm thu	Chú thích
1.3	Nắp bịt đầu ống dẫn khí	Chất liệu nhựa PVC đường kính 600mm	Cái	2.0	2.0	
1.4	Tê rẽ nhánh	Chất liệu nhựa PVC đường kính 600mm dùng ghép nối đường ống	Cái	1.0	1.0	
1.5	Hộp gom	Chất liệu nhựa PVC kích thước: 700*500*H1800mm 2 đầu kết nối	Cái	1.0	1.0	
1.6	Cổ bịt mềm chống rung	Chất liệu vải dệt phủ nhựa đường kính 600mm	Cái	2.0	2.0	
1.7	Ống dẫn khí bằng nhựa PVC	Đường kính 250mm	m	21.0	21.0	
1.8	Co bằng nhựa PVC	Đường kính 250mm dùng lắp đặt đường ống dẫn khí	Cái	6.0	6.0	
1.9	Chếch bằng nhựa PVC	Đường kính 250mm dùng lắp đặt đường ống dẫn khí	Cái	5.0	5.0	
1.10	Van bằng nhựa PVC	Đường kính 250mm dùng lắp cho đường ống dẫn khí	Cái	5.0	5.0	
1.11	Ống dẫn khí bằng nhựa PVC	Đường kính 200mm	m	6.0	6.0	
1.12	Co bằng nhựa PVC	Đường kính 200mm dùng lắp đặt đường ống dẫn khí	Cái	3.0	3.0	
1.13	Chếch bằng nhựa PVC	Đường kính 200mm dùng lắp đặt đường ống dẫn khí	Cái	3.0	3.0	
1.14	Van bằng nhựa PVC	Đường kính 200mm dùng lắp cho đường ống dẫn khí	Cái	3.0	3.0	
1.15	Ống dẫn khí bằng nhựa PVC	Đường kính 160mm	m	3.0	3.0	
1.16	Co bằng nhựa PVC	Đường kính 160mm dùng lắp đặt đường ống dẫn khí	Cái	1.0	1.0	
1.17	Chếch bằng nhựa PVC	Đường kính 160mm dùng lắp đặt đường ống dẫn khí	Cái	1.0	1.0	
1.18	T rê nhánh bằng nhựa PVC	Đường kính 160mm dùng lắp đặt đường ống dẫn khí	Cái	1.0	1.0	
1.19	Van bằng nhựa PVC	Đường kính 160mm dùng lắp cho đường ống dẫn khí	Cái	2.0	2.0	
1.20	Ống dẫn khí bằng nhựa PVC	Đường kính 75mm	m	6.0	6.0	
1.21	Co bằng nhựa PVC	Đường kính 75mm dùng lắp đặt đường ống dẫn khí	Cái	4.0	4.0	
1.22	Chếch bằng nhựa PVC	Đường kính 75mm dùng lắp đặt đường ống dẫn khí	Cái	4.0	4.0	
2	Hệ thống đường ống thu gom nước đáy ống, đường ống hóa chất, đường ống cấp nước sạch					
2.1	Ống nhựa uPVC	Loại nhựa cứng đường kính 60mm dùng lắp đặt đường ống dẫn nước thải	m	12.0	12.0	
2.2	Ống nhựa uPVC	Loại nhựa cứng đường kính 27mm dùng lắp đặt đường ống dẫn nước thải	m	12.0	12.0	
2.3	Van nhựa PVC D60	Đường kính trong 60mm lắp vào đường ống dẫn nước thải	Cái	4.0	4.0	
2.4	Van nhựa PVC D27	Đường kính trong 27mm lắp vào đường ống dẫn nước thải	Cái	4.0	4.0	
2.5	Cút 90	Bằng nhựa uPVC đường kính 60mm dùng ghép nối đường ống dẫn nước	Cái	8.0	8.0	
2.6	Cút 90	Bằng nhựa uPVC đường kính 27mm dùng ghép nối đường ống dẫn nước	Cái	10.0	10.0	
2.7	Tê	Bằng nhựa uPVC đường kính 60mm dùng ghép nối đường ống dẫn nước	Cái	2.0	2.0	
2.8	Tê	Bằng nhựa uPVC đường kính 27mm dùng ghép nối đường ống dẫn nước	Cái	4.0	4.0	
2.9	Giắc co bằng nhựa PVC	Đường kính 60mm dùng ghép nối đường ống dẫn nước thải	Cái	4.0	4.0	
2.10	Giắc co bằng nhựa PVC	Đường kính 27mm dùng ghép nối đường ống dẫn nước thải	Cái	4.0	4.0	
3	Giá đỡ đường ống dẫn khí	Chất liệu thép kích thước 700*500mm	cái	50.0	50.0	
4	Chụp hút di động	Chất liệu nhựa PVC đường kính 2 đầu chụp hút 75mm-	Cái	4.0	4.0	
5	Nhân công lắp đặt		Lot	1.0	1.0	
III	CÁC CHI PHÍ KHÁC					
1	Vật tư phụ		Lot	1.0	1.0	
1.1	Bulong bằng inox	Đường kính 8mm*đài 60mm có đai ốc đi kèm	Cái	500.0	500.0	
1.2	Dây hàn nhựa PP	Đường kính 300mm cao 200mm	Cuộn	2.0	2.0	
1.3	Mặt bích bằng nhựa	Đường kính 600mm dày 10mm dùng đệm điểm ghép nối ống dẫn khí	Cái	8.0	8.0	
2	Vận chuyển, cầu chuyên dụng		Lot	1.0	1.0	

STT	Tên vật tư	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng theo hợp đồng	Khối lượng nghiệm thu	Chú thích
3	Bệ đỡ bê tông cho hệ thống	Độ dày 250mm, Chiều dài, chiều rộng phù hợp với kích thước của hệ thống	Lot	1.0	1.0	
3.1	Bệ đỡ bê tông cho hệ thống	Bệ đỡ bê tông cho hệ thống dẫn khí	m3	4.0	4.0	
4	Sàn đỡ tháp xử lý khí		Lot	1.0	1.0	
5	Chi phí khác		Sét	1.0	1.0	
5.1	Biển cảnh báo điện giật	Chất liệu nhôm kích thước 148*210mm	Cái	5.0	5.0	
5.2	Biển cảnh báo điện giật	Chất liệu nhôm kích thước 148*210mm	Cái	5.0	5.0	
5.3	Biển cảnh báo chất gây nổ	Chất liệu nhôm kích thước 148*210mm	Cái	5.0	5.0	
5.4	Biển cảnh báo nguy cơ bóng lạnh	Chất liệu nhôm kích thước 210*297mm	Cái	5.0	5.0	
5.5	Biển báo giới hạn chiều cao 5m	Chất liệu sắt đường kính 55cm	Cái	6.0	6.0	
5.6	Biển tên bể chứa nước	Chất liệu nhôm kích thước 210*297mm	Cái	5.0	5.0	
5.7	Biển cảnh báo hố sâu	Chất liệu nhôm kích thước 210*297mm	Cái	5.0	5.0	
5.8	Biển tên chất liệu ăn mòn	Chất liệu inox kích thước 420*250mm	Cái	1.0	1.0	
5.9	Biển sơ đồ vị trí	Chất liệu nhôm kích thước 420*594mm	Cái	1.0	1.0	
5.10	Biển sơ đồ tháp xử lý khí thải	Chất liệu nhôm kích thước 850*1200mm	Cái	1.0	1.0	
Cộng				824.0	824.0	

c. Về chất lượng cung cấp vật tư:

- Đạt yêu cầu ☒
- Không đạt yêu cầu ☐

d. Các ý kiến khác nếu có:

V. Kết luận

- Hai bên tiến hành nghiệm thu khối lượng hoàn thành hạng mục "Cung cấp và lắp đặt hệ thống xử lý khí thải (Scrubber) công suất 325CMM=19.500CMH "
- Hạng mục được đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn, quy cách, chất lượng theo đúng hợp đồng thi công lắp đặt số 25.03.2024-02/HDKT/VINA SGI - NS ký ngày 25 tháng 03 năm 2024.
- Biên bản được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản, có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(Đại diện kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bang Jeff Seung Tae

ĐẠI DIỆN BÊN B

(Đại diện kí, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
KIM BYUNGWOOK

11

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Independent-Freedom-Happiness

Đà Nẵng, ngày tháng năm 2026

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU VÀ BÀN GIAO
ON THE ACCEPTANCE FOR OPERATION OF PROJECT CONSTRUCTION
UPON ITS COMPLETION**

(Theo Hợp đồng số: 07.10.2024-01/HDKT/VINA SGI- NS / According to Contract No:
07.10.2024-01/HDKT/VINA SGI- NS)

1. Đối tượng nghiệm thu/ Acceptance item:

- **Hạng mục:** Lắp đặt hệ thống cấp nước và thiết bị cấp hơi hệ thống RO, hệ thống thông gió cho phòng keo, hệ thống xử lý khí thải SCRUBBER – **CÔNG TY TNHH SGI VINA.**

Item: Installation of the Water Supply System, RO System Steam Supply Equipment, Ventilation System for the Adhesive Room, and SCRUBBER Exhaust Gas Treatment System. – SGI VINA COMPANY LIMITED

- **Địa điểm xây dựng /Construction location**

Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Núi Thành, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lot No. 25, Bac Chu Lai Industrial park, Nui Thanh Commune, Quang Nam province, Vietnam

2. Thành phần tham gia nghiệm thu/Participants of inspection

Bên A: CÔNG TY TNHH SGI VINA

- Người đại diện : Ông **BANG JEFF SEUNG-TAE**
- Chức vụ : Tổng Giám đốc
- Địa chỉ : Lô số 25, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, Xã Núi Thành, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Mã số thuế : 4001258658

(Sau đây gọi tắt là “Bên A”)

Bên B: CÔNG TY CỔ PHẦN NATURAL STAR VINA

- Người đại diện : Ông **KIM BYUNGWOOK**
- Chức vụ : Giám đốc
- Địa chỉ : Toà Mitsubishi Dương Tuấn, Đường Lê Thái Tổ, Phường Võ Cường, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
- Mã số thuế : 0109169967

(Sau đây gọi tắt là “Bên B”)

3. Thời gian tiến hành nghiệm thu/*Time of inspection*

Bắt đầu: 09h ngày tháng năm 2026

Start:

Kết thúc: 16h ngày tháng năm 2026

Finish:

Đánh giá hạng mục công việc/*Evaluation of construction work*

a. Tài liệu làm căn cứ để nghiệm thu/*Documents as the basis of acceptance*

Hợp đồng Số/ No: **07.10.2024-01/HDKT/VINA SGI- NS**, ký ngày 07 tháng 10 năm 2024 / *According to Contract No: 07.10.2024-01/HDKT/ VINA SGI- NS, signed on October 7, 2024.*

Hồ sơ nghiệm thu thanh toán (bao gồm hồ sơ nghiệm thu vật liệu sử dụng, hồ sơ nghiệm thu với thầu phụ),/ *Payment acceptance records (including acceptance records of used materials, acceptance records with subcontractors)*

Chất lượng hạng mục công trình xây dựng (đối chiếu với thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng, chỉ dẫn kỹ thuật)/*Quality of the construction work part (in comparison with design, specifications, construction standards):*

Tuân theo thiết kế, tiêu chuẩn xây dựng và chỉ dẫn kỹ thuật của dự án./*Comply with design, construction standards and project technical specifications*

b. Các ý kiến khác nếu có: không / *Other opinions (if any): none*

4. Kết luận/ *Conclusion*

- Chấp nhận nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành đến ngày tháng năm 2026.

Approve of acceptance inspection for construction work until , 2026.

- Chủ đầu tư nghiệm thu xác nhận phần công việc đó đã hoàn thành:

The Employer agree with the handover of construction work according to Contract:

+ Khối lượng thi công hoàn thành (phần trăm): **100%**

Completed work volume (percentage).

+ Giá trị nghiệm thu tương ứng: **6,927,000,000 VND** (Đã bao gồm thuế VAT 0%)

Completed work amount



- Chi tiết thêm về khối lượng hoàn thành được trình bày ở Bảng chi tiết khối lượng hoàn thành . *Further details on completed volumes are presented in the Completed Volume Details Table.*
- Yêu cầu sửa chữa, hoàn thiện bổ sung và các ý kiến khác nếu có: không/*Requests for repairing, additions, amendments and others opinions, if any: none*

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này.

The participants attend the inspection shall be fully responsible for this conclusion.



TỔNG GIÁM ĐỐC
Bang Jeff Seung Tae

BÊN B/PARTY B



GIÁM ĐỐC
KIM BYUNGWOOK



11

HỒ SƠ PHÁP LÝ
KCN BẮC CHU LAI

UBND TỈNH QUẢNG NAM
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
Số: 787/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Nam, ngày 27 tháng 10 năm 2022

Thị trấn Kỳ
27.10.2022 09:18:49
+07:00

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NAM

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Quảng Nam ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam;

Căn cứ Quyết định số 1086/QĐ-UBND ngày 22 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc ủy quyền cho Sở Tài nguyên và Môi trường giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 28/QĐ-KTM ngày 19 tháng 02 năm 2009 phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Chu Lai giai đoạn 1 và Quyết định số 222/QĐ-KTM ngày 01 tháng 9 năm 2011 phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng, khai thác kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Chu Lai giai đoạn 2 tại xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam của Ban Quản lý Khu kinh tế mở Chu Lai (nay là Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam);

Xét Văn bản số 148/CTY-BQL.BCL ngày 23/9/2022 của Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Chu Lai về việc đề nghị cấp lại giấy phép môi trường Cơ sở Đầu tư xây dựng, khai thác kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Chu Lai tại xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Công văn số 163/CV-Cty ngày 19/10/2022 về việc chỉnh sửa, bổ sung Báo cáo đề xuất cấp lại giấy phép môi trường của Cơ sở và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Chi cục Bảo vệ môi trường tại Tờ trình số 83/TTr-CCBVMT ngày 25/10/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Chu Lai, địa chỉ tại Lô số 5, đường số 1, Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Cơ sở Đầu tư xây dựng, khai thác kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Chu Lai tại xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở:

1.1. Tên cơ sở: Đầu tư xây dựng, khai thác kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Chu Lai.

1.2. Địa điểm hoạt động: Xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Chu Lai mã số 4000839748 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp lần đầu ngày 03/01/2012, đăng ký thay đổi lần thứ 4 vào ngày 08/03/2022.

1.4. Mã số thuế: 4000839748.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở:

- Phạm vi của cơ sở: Tổng diện tích Khu công nghiệp Bắc Chu Lai là 361,4ha; trong đó diện tích đề nghị cấp giấy phép môi trường là 262,0221ha.

- Quy mô: Thuộc dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất hoạt động của cơ sở: Đầu tư kết cấu hạ tầng hoàn chỉnh trên phần diện tích 262,0221ha (giai đoạn 1 có diện tích 176,9ha và giai đoạn 2 có diện tích 85,1221ha).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Các yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Chu Lai được cấp Giấy phép môi trường

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Chu Lai có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Giấy phép môi trường số 504/GPMT-STNMT cấp ngày 25/7/2022 hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực.

Điều 4. Giấy phép môi trường của Cơ sở là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Cơ sở./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- UBND huyện Núi Thành;
- BQL các Khu kinh tế và KCN tỉnh Quảng Nam;
- Phòng TN&MT huyện Núi Thành;
- Cổng thông tin điện tử của Sở TN&MT tỉnh Quảng Nam (<https://stnmt.quangnam.gov.vn>);
- Lưu: VT, website, BVMT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Võ Như Toàn



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

Kèm theo Giấy phép môi trường số 787/GPMT-STNMT ngày 27/10/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải: nước thải thu gom từ các doanh nghiệp đang hoạt động trong Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải:

2.1. Cơ sở có 01 dòng nước thải vào nguồn tiếp nhận nước thải tại mương thoát nước thôn Thọ Khương, thuộc địa phận xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$) được xả ra mương thoát nước thôn Thọ Khương, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

- Tọa độ vị trí xả nước thải (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X (m) = 1707571; Y (m) = 592880.

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 1.200 m³/ngày đêm.

2.3.1. *Phương thức xả nước thải:* Nước thải sau khi được xử lý đạt Quy chuẩn từ hồ ga cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải theo đường ống uPVC D300, dài 440m dẫn ra mương thoát nước thôn Thọ Khương bằng phương thức tự chảy.

2.3.2. *Chế độ xả nước thải:* liên tục 24 giờ/ngày đêm, thời gian xả liên tục trong năm.

2.3.3. *Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận:*

- Thông số và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải sau khi xử lý phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$), cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	6 - 9	03 tháng/lần
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	49,5	

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$)	Tần suất quan trắc định kỳ
3	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	29,7	03 tháng/lần
4	COD	mg/l	74,25	
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95	
6	Tổng Nitơ	mg/l	19,8	
7	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,96	
8	Sắt	mg/l	0,99	
9	Crom (III)	mg/l	0,198	
10	Crom (VI)	mg/l	0,0495	
11	Chì	mg/l	0,099	
12	Cadimi	mg/l	0,0495	
13	Đồng	mg/l	1,98	
14	Kẽm	mg/l	2,97	
15	Asen	mg/l	0,0495	
16	Thủy ngân	mg/l	0,00495	
17	Dầu mỡ khoáng	mg/l	4,95	
18	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000	

- Quan trắc tự động, liên tục: Các thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải sau khi xử lý phải quan trắc tự động, liên tục cụ thể như sau:

TT	Thông số quan trắc	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$)
1	pH	-	6 - 9
2	Nhiệt độ	°C	39,6
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	49,5
4	COD	mg/l	74,25
5	Lưu lượng đầu ra	m ³ /s	-
6	Lưu lượng đầu vào	m ³ /s	-
7	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,95

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

Nước thải của các doanh nghiệp thứ cấp sau khi xử lý sơ bộ, từ các hố ga đầu nổi (có bố trí song chắn rác, van khóa, nắp đậy) đưa về hệ thống thu gom nước thải dọc theo các tuyến đường nội bộ của Khu công nghiệp bằng hệ thống đường ống uPVC (D200 – D300), dẫn về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bắc Chu Lai.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ: Nước thải → Song chắn rác thô → Song lược rác tinh → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể keo tụ - tạo bông → Bể lắng 1 → Bể Anoxic → Bể Aerotank → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý yêu cầu đáp ứng QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$) được xả ra mương thoát nước thôn Thọ Khương, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam tại vị trí có tọa độ X (m) = 1707571; Y (m) = 592880.

- Công suất thiết kế của Nhà máy xử lý nước thải tập trung: 1.900 m³/ngày đêm

- Hóa chất sử dụng: PAC, Clorine, NaOH, dinh dưỡng (đường kính trắng), Polymer anion và cation (sử dụng để xử lý hóa lý, điều chỉnh pH và khử trùng).

- Bùn phát sinh từ bể lắng 1 được bơm qua bể chứa bùn hóa lý, bùn từ bể lắng 2 được bơm qua bể chứa bùn sinh học, một phần tuần hoàn về bể Anoxic, phần còn lại đưa qua máy ép bùn băng tải hoặc sân phơi bùn để tách nước làm khô và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý như đối với chất thải nguy hại.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

- Số lượng: 01 hệ thống.

- Vị trí lắp đặt: Tại hố ga quan trắc nước thải đầu ra của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bắc Chu Lai, có tọa độ (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 107°45', vĩ tuyến 3°): X (m) = 1707310, Y (m) = 0592875.

- Thông số lắp đặt: pH, nhiệt độ, TSS, COD, lưu lượng đầu vào, lưu lượng đầu ra, Amoni.

- Thiết bị lấy mẫu tự động:

+ Dạng lắp đặt cố định, thu thập mẫu dạng bơm nhu động, chiều cao hút mẫu 8-30m.

+ Dung tích bơm 10-10.000mL, vật liệu thép không gỉ 1.430L.

+ Tích hợp cảm biến nhiệt độ trong buồng giữ mẫu, kết hợp xả tuyết đảm bảo môi trường lưu mẫu, 12 chai chứa mẫu x 3L.

+ Tích hợp các cảm biến số dạng Memosens: pH, DO, COD, Nitrate, TSS.

- Camera theo dõi: đã lắp đặt 02 camera giám sát ghi lại hình ảnh tại cửa xả và tủ hệ thống quan trắc nước thải tự động, với các thông số kỹ thuật như sau:

+ Xuất xứ: Đài Loan;

+ Độ phân giải: FULL HD IP/1080P 2.0MP;

+ Cảm biến hình ảnh: 1/4 " OV 1.3 Megapixel Image sensor;

+ Góc quan sát: 75° / 55° / 43°.

- Kết nối, truyền số liệu: Kết nối và truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh Quảng Nam từ ngày 08/6/2018, đã được xác nhận hoàn thành kết nối và truyền dữ liệu ổn định về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam tại Công văn số 86/STNMT-BVMT ngày 11/01/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

Công ty đã xây dựng hồ chứa nước dung tích 3.800 m³ nhằm phòng ngừa lưu chứa nước thải khi Nhà máy xử lý nước thải tập trung gặp sự cố.

- Định kỳ nạo vét hệ thống thoát nước để tăng khả năng thoát nước.

- Trang bị các phương tiện, thiết bị dự phòng cần thiết để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ khu vực xử lý nước thải và hệ thống thoát nước.

- Đảm bảo vận hành hệ thống theo đúng quy trình vận hành đã xây dựng.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng kể từ khi lưu lượng nước thải về Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN Bắc Chu Lai lớn hơn 500 m³/ngày đêm.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm:

Song chắn rác thô ☞ Song lược rác tinh ☞ Bể tách dầu ☞ Bể điều hòa ☞ Bể keo tụ - tạo bông ☞ Bể lắng 1 ☞ Bể Anoxic ☞ Bể Aerotank ☞ Bể lắng 2 ☞ Bể khử trùng.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại hố ga quan trắc nước thải đầu ra của Nhà máy xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Bắc Chu Lai

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 40:2011/BTNMT (cột A, $K_q = 0,9$ và $K_f = 1,0$)
1	pH	-	6 - 9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	45
3	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	27
4	COD	mg/l	67,5
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	4,5
6	Tổng Nitơ	mg/l	18
7	Tổng Phốt pho (tính theo P)	mg/l	3,6
8	Sắt	mg/l	0,9
9	Crom (III)	mg/l	0,18
10	Crom (VI)	mg/l	0,045
11	Chì	mg/l	0,09
12	Cadimi	mg/l	0,045
13	Đồng	mg/l	1,8
14	Kẽm	mg/l	2,7
15	Asen	mg/l	0,045
16	Thủy ngân	mg/l	0,0045
17	Dầu mỡ khoáng	mg/l	4,5
18	Tổng Coliform	MPN/100ml	3.000

2.3. Tần suất lấy mẫu: Lấy mẫu 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng thiết kế, quy trình nêu trong hồ sơ, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận; thực hiện đúng các cam kết đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu theo quy định và ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của cơ sở.

3.3. Cung cấp đầy đủ và trung thực dữ liệu, thông tin về hoạt động xả nước thải vào nguồn nước khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu.

3.4. Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn, phòng ngừa và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước do hoạt động xả nước thải của mình gây ra theo quy định. Bồi thường thiệt hại cho các tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xả nước thải trái phép gây ra.

3.5. Tiếp tục vận hành hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục được lắp đặt đảm bảo theo quy định; Kiểm soát chất lượng nước thải đảm bảo truyền dữ liệu về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam ổn định, liên tục.

3.6. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Quảng Nam, Ban Quản lý các Khu kinh tế và Khu công nghiệp tỉnh Quảng Nam, UBND huyện Núi Thành, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Núi Thành và các cơ quan chức năng có liên quan. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp phép và cơ quan chức năng ở địa phương nếu có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu tới số lượng, chất lượng nguồn nước và môi trường do việc xả nước thải gây ra.

UBND TỈNH QUẢNG NAM
CÔNG TY TNHH MTV
PTHT KCN CHU LAI
Số: 105/QĐ-CTY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN MỘT THÀNH VIÊN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP CH
LAI, ỦY BAN NHÂN D
TỈNH QUẢNG NAM
cpthtcl@quangnam.gov.vi
Thời gian ký: 27.12.2022
16:49:58 +07:00

Quảng Nam, ngày 27 tháng 12 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế bảo vệ môi trường Khu công nghiệp Bắc Chu Lai

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY TNHH MTV PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KCN CHU LAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 161/QĐ-UBND ngày 14/01/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam, về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai (Công ty);

Căn cứ Quyết định số 19/QĐ-HĐTV ngày 07/6/2022 của Hội đồng thành viên Công ty, về việc thành lập Ban Quản lý KCN Bắc Chu Lai;

Xét đề nghị của Ban Quản lý KCN Bắc Chu Lai và Văn phòng Công ty.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế bảo vệ môi trường Khu công nghiệp Bắc Chu Lai gồm 8 Chương, 61 Điều và 09 Trang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Ban Giám đốc, các Phòng, Ban, đơn vị trực thuộc Công ty có liên quan và các Doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh tại KCN Bắc Chu Lai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- HĐTV, KSV Cty (b/c);
- Các DN tại KCN Bắc Chu Lai;
- Lưu VT, BQL BCL.



Lê Ngọc Thủy



**CÔNG TY TNHH MTV PHTT
KCN BẮC CHU LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Cơ quan: CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM HỮU
HẠN MỘT THÀNH VIÊN
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG
KHU CÔNG NGHIỆP CHU
LAI, ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NAM
Email: cuphttl@quangnam.gov.vn
Thời gian ký: 27.12.2022
14:49:59 +07:00

QUY CHẾ

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHU CÔNG NGHIỆP BẮC CHU LAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 105/QĐ-Cty ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng KCN Chu Lai)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Giải thích từ ngữ:

Trong quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- *Hồ sơ môi trường* là một trong các hồ sơ sau: Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường của dự án đầu tư vào Khu công nghiệp Bắc Chu Lai;
- *Doanh nghiệp* được áp dụng trong Quy chế này là Chủ đầu tư các Dự án sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong Khu công nghiệp Bắc Chu Lai;
- *Công ty hạ tầng* là Công ty TNHH MTV Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Chu Lai - Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Chu Lai;
- *KCN* được hiểu là Khu công nghiệp Bắc Chu Lai.

Điều 2. Quy chế này quy định trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Công ty hạ tầng và các Doanh nghiệp trong KCN Bắc Chu Lai về công tác bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quy chế này ban hành nhằm tăng cường công tác quản lý và bảo vệ môi trường KCN, đảm bảo các phát thải từ hoạt động của các Doanh nghiệp trong KCN không vượt quá Quy chuẩn/Tiêu chuẩn quy định hiện hành của Nhà nước và của KCN; ngăn ngừa và giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường đảm bảo phát triển kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG II

TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY HẠ TẦNG

Điều 4. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trong Hồ sơ môi trường của dự án đầu tư xây dựng, khai thác kết cấu hạ tầng KCN đã được phê duyệt.

Điều 5. Hướng dẫn và kiểm tra Doanh nghiệp việc đấu nối hệ thống thoát nước mưa vào hệ thống thoát nước chung của KCN, đấu nối nước thải sản xuất và sinh hoạt vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong KCN đạt Quy chuẩn cột A QCVN 40: 2011/BTNMT

($kq=0,9$, $kf=1,0$) trước khi xả vào môi trường. Khai và nộp phí bảo vệ môi trường đối với nước thải của KCN theo đúng quy định hiện hành.

Điều 6. Phối hợp theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các Doanh nghiệp thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong KCN theo quy định của pháp luật về môi trường; phối hợp với các Sở, ban ngành, địa phương giải quyết các trường hợp khiếu nại về môi trường đối với các Doanh nghiệp trong KCN hoặc có liên quan đến khu vực giáp ranh KCN.

Điều 7. Định kỳ hằng năm báo cáo công tác bảo vệ môi trường KCN cho các cơ quan chức năng liên quan.

Điều 8. Thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, cảnh quan và các quy định về bảo vệ an ninh trật tự KCN. Đảm bảo diện tích đất cây xanh: Trồng cây, vườn hoa, sân cỏ,...trong KCN tối thiểu bằng 10% tổng diện tích toàn bộ KCN. Duy tu bảo dưỡng các công trình, cơ sở hạ tầng KCN trong suốt thời gian hoạt động của KCN theo quy định.

Điều 9. Tham gia trong việc thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy phép môi trường của các dự án đầu tư vào KCN.

Điều 10. Tham mưu, đề xuất trong việc xử lý các hành vi vi phạm môi trường của các Doanh nghiệp trong KCN cho cơ quan có thẩm quyền.

Điều 11. Thực thi các quyền hạn theo Luật bảo vệ môi trường năm 2020, và các Thông tư, Nghị định hướng dẫn theo quy định hiện hành.

CHƯƠNG III

TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CÁC DOANH NGHIỆP TRONG KCN

MỤC 1

GIAI ĐOẠN XÉT DUYỆT DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Điều 12. Các dự án đầu tư vào KCN phải phù hợp với những ngành nghề thu hút đầu tư của KCN; các doanh nghiệp đầu tư phải lập và trình Hồ sơ môi trường lên cấp có thẩm quyền thẩm định và phê duyệt theo quy định.

Điều 13. Việc quy hoạch tổng mặt bằng, lập dự án và thiết kế kỹ thuật dự án đầu tư của các Doanh nghiệp phải được cấp thẩm quyền thẩm định theo quy định trước khi triển khai thực hiện; việc thiết kế, bố trí mặt bằng nhà xưởng theo từng phương án đảm bảo giảm thiểu tác động môi trường và đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Thiết kế hệ thống thoát nước mưa, nước thải riêng biệt, không để nước thải chảy vào nước mưa và ngược lại. Nếu doanh nghiệp phát sinh nước làm mát thì cũng thiết kế hệ thống thu gom nhằm tuần hoàn tái sử dụng hoặc đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải; không được thải nước làm mát vào hệ thống thoát nước mưa. Nước mưa đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN, nước thải (kể cả nước làm mát) đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN;

2. Thiết kế hệ thống xử lý nước thải sơ bộ của nhà máy phải đảm bảo việc xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh bao gồm nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt ở giai đoạn hoạt động ổn định và phải dự phòng trong trường hợp nhà máy hoạt động tăng công suất hoặc có sự cố môi trường xảy ra, nhằm đảm bảo

chất lượng nước thải đạt theo tiêu chuẩn tiếp nhận của Nhà máy nước thải tập trung của KCN;

3. Thiết kế khu vực lưu chứa và phân loại rác thải phát sinh (bao gồm rác thải nguy hại, rác thải công nghiệp, phế liệu và rác thải sinh hoạt) theo đúng quy định;

4. Bố trí diện tích cây xanh tối thiểu bằng 20% tổng diện tích đất của dự án.

MỤC 2

GIAI ĐOẠN XÂY DỰNG

I. Đối với Nhà thầu thi công xây dựng

Điều 14. Thực hiện các quy định về an toàn lao động và vệ sinh công trường; phải có nơi lưu chứa rác thải và hợp đồng thu gom rác thải với đơn vị có chức năng; phải bố trí nhà vệ sinh cho công nhân bên trong khuôn viên lô đất của chủ đầu tư dự án ngay khi bắt đầu thi công.

Điều 15. Mọi hoạt động xây dựng và các công tác có liên quan chỉ được thực hiện gói gọn trong phạm vi lô đất đã được thuê. Nghiêm cấm các hành vi xả rác, xả bần, rác xây dựng, vật liệu xây dựng,.. bừa bãi ra bên ngoài ranh giới lô đất.

Điều 16. Trong quá trình thi công phải đảm bảo không làm hư hỏng đến cơ sở hạ tầng của KCN. Các hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu trong quá trình thi công phải đảm bảo an toàn giao thông, vận chuyển đúng tuyến đường có biện pháp tưới nước hạn chế bụi, có biện pháp che chắn tránh gây rơi vãi làm ảnh hưởng đến môi trường trên địa bàn KCN. Sau mỗi ngày làm việc phải tổ chức dọn dẹp vệ sinh sạch sẽ.

Điều 17. Các nhà thầu vi phạm phải nhanh chóng khắc phục các thiệt hại do đơn vị mình gây ra theo thời gian quy định của Công ty hạ tầng hoặc không quá 02 ngày kể từ ngày để xảy ra hành vi vi phạm, nếu quá thời hạn mà nhà thầu vẫn không chấp hành thì Công ty hạ tầng sẽ làm việc với doanh nghiệp đầu tư để tạm dừng công tác thi công, hạn chế các phương tiện vận chuyển ra vào KCN đến khi khắc phục xong vi phạm.

II. Đối với các Doanh nghiệp

Điều 18. Các Doanh nghiệp tiến hành đầu tư xây dựng nhà xưởng theo đúng Giấy phép xây dựng và theo đúng tiến độ cam kết trong Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để cơ quan chức năng tiến hành các hoạt động giám sát, kiểm tra; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu liên quan khi được yêu cầu.

Điều 19. Thông báo bằng văn bản cho các cơ quan liên quan và Công ty hạ tầng các thông tin về nhà thầu thi công, thời gian thi công, thời gian vận hành thử nghiệm, thời gian hoàn thành và đi vào hoạt động trước 10 ngày kể từ ngày thực hiện từng nội dung trên.

Điều 20. Giám sát chặt chẽ và chịu trách nhiệm chính việc chấp hành bảo vệ môi trường của các nhà thầu thi công cho đơn vị mình trong suốt quá trình thi công xây dựng của dự án.

Điều 21. Thực hiện công tác báo cáo môi trường trong giai đoạn xây dựng của dự án theo quy định (nếu có) cho Công ty hạ tầng.

Điều 22. Phối hợp với Công ty hạ tầng trong việc đấu nối hạ tầng, nước mưa, nước thải, nước làm mát vào hệ thống thu gom và thoát nước của KCN trước khi đưa dự án đi vào vận hành thử nghiệm.

Điều 23. Các khu vực lưu chứa và phân loại rác thải phát sinh (bao gồm rác thải nguy hại, rác thải công nghiệp, phế liệu và rác thải sinh hoạt) đã được xây dựng phải có tường bao, mái che, có dán nhãn, riêng kho chứa chất thải nguy hại tạm thời xây dựng theo đúng quy định hiện hành, phải có bảng dấu hiệu cảnh báo và tránh không để nước rỉ từ chất thải thấm vào đất, chảy tràn ra ngoài môi trường. Chất thải phải được phân loại ngay tại nguồn, không được để lẫn chất thải sinh hoạt với chất thải nguy hại.

Điều 24. Các công trình xử lý chất thải của các Doanh nghiệp phải được vận hành thử nghiệm để kiểm tra các thông số so với thiết kế đặt ra, thời gian vận hành thử nghiệm theo quy định hiện hành, kế hoạch vận hành thử nghiệm phải thông báo trước cho cơ quan chức năng và Công ty hạ tầng để kiểm tra, giám sát. Thời gian vận hành thử nghiệm không quá 06 tháng, việc kéo dài thời gian vận hành thử nghiệm phải được sự chấp thuận của cơ quan phê duyệt hồ sơ môi trường. Sau khi kết thúc vận hành thử nghiệm phải có văn bản báo cáo và đề nghị cơ quan phê duyệt Hồ sơ môi trường và kiểm tra xác nhận (nếu có).

MỤC 3

GIAI ĐOẠN ĐI VÀO HOẠT ĐỘNG

Điều 25: Các Doanh nghiệp chỉ được đưa dự án vào hoạt động khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước mưa và nước thải riêng biệt. Hệ thống thoát nước đã được đấu nối vào hạ tầng KCN, riêng nước thải của các Doanh nghiệp đã được xử lý sơ bộ (nếu có) đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN và đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN tại duy nhất một vị trí; nghiêm cấm việc xử lý nước thải bằng biện pháp cho ngấm vào đất hoặc pha loãng nước thải để đạt mức tiêu chuẩn cho phép;
- Đã có địa điểm và nhà kho sẵn sàng cho việc lưu chứa tạm thời nguyên/vật liệu; phân loại ngay tại nguồn đối với chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại và lưu chứa đúng nơi quy định, đảm bảo hợp vệ sinh và an toàn cho môi trường;
- Có hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt, rác thải công nghiệp và chất thải nguy hại; nghiêm cấm đốt rác trong KCN;
- Có cán bộ phụ trách về công tác bảo vệ môi trường trong Doanh nghiệp mình;
- Có giấy phép môi trường hoặc hồ sơ môi trường tương đương phục vụ giai đoạn vận hành của dự án theo quy định.

Điều 26. Mọi hoạt động chỉ gói gọn trong khuôn viên nhà máy; nghiêm cấm đặt, để, xả, bỏ đất đá, xà bần, rác thải, nước thải, bùn thải ra khỏi tường rào nhà máy. Mỗi Doanh nghiệp phải tự quản lý khu vực trước cổng, hành lang, vỉa hè dọc tường rào nhà máy không để xảy ra tình trạng vứt rác bừa bãi gây mất mỹ quan KCN.

Điều 27. Các Doanh nghiệp và các tài xế lái xe cho Doanh nghiệp không được đậu đỗ xe, chất đống hàng hoá, nguyên vật liệu cũng như vứt rác, phế phẩm... trên vỉa hè, lòng đường của KCN.

Điều 28. Tuân thủ nghiêm ngặt các qui định của pháp luật về việc xuất nhập, tàng trữ và vận chuyển các chất phóng xạ, các nguồn phát xạ ion hóa, các chất độc hại, các chất dễ cháy nổ. Đồng thời các Doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm bồi thường nếu gây ra những thiệt hại về môi trường, cháy nổ theo quy định.

Điều 29. Các Doanh nghiệp phải nộp phí dịch vụ xử lý nước thải cho Công ty hạ tầng theo đơn giá đã được thỏa thuận trong hợp đồng dịch vụ thu gom và xử lý nước thải. Chất lượng nước thải có thể căn cứ vào phiếu thử nghiệm nước thải được thực hiện hàng quý của Doanh nghiệp, nếu Doanh nghiệp không thực hiện giám sát chất lượng nước thải thì Công ty hạ tầng sẽ lấy mẫu gửi đơn vị có chức năng thử nghiệm và chi phí sẽ tính vào giá nước thải của từng đợt thu phí. Nếu nghi ngờ chất lượng nước thải của Doanh nghiệp không đảm bảo thì Công ty hạ tầng có quyền đơn phương lấy mẫu có sự chứng kiến của Doanh nghiệp và gửi đi phân tích, và nếu kết quả các chỉ tiêu chênh lệch vượt cao hơn tiêu chuẩn tiếp nhận của Nhà máy XLNT tập trung hoặc thông số ô nhiễm áp giá cao hơn mức tính tiền hiện tại thì chi phí lấy mẫu phân tích cũng cộng vào giá nước thải và đơn giá cũng tính theo phiếu thử nghiệm này.

Điều 30. Có kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố tràn dầu, cháy nổ ...theo quy định. Phải báo cáo ngay cho Công ty hạ tầng và các cơ quan chức năng khi có các sự cố xảy ra. Tạm dừng và khắc phục ngay công đoạn gây ra sự cố, nếu nghiêm trọng phải đình chỉ ngay công đoạn sản xuất phát sinh để khắc phục hoàn toàn sự cố.

Điều 31. Các Doanh nghiệp trong quá trình hoạt động nếu có thay đổi về quy mô hay cải tiến công nghệ phải thông báo cho Công ty hạ tầng xem xét và kiểm tra, hướng dẫn bổ sung các thủ tục pháp lý về môi trường.

Điều 32. Các Doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, thực hiện đầy đủ các nội dung được nêu trong hồ sơ cam kết về bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và có trách nhiệm lập và gửi báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ tại đơn vị mình cho Công ty hạ tầng và các cơ quan chức năng đúng thời hạn và đồng thời chịu trách nhiệm pháp lý về các số liệu báo cáo đó. Số lần báo cáo phải được thực hiện theo đúng quy định pháp luật về bảo vệ môi trường hiện hành.

Điều 33. Các Doanh nghiệp phải xử lý khí thải, bụi, tiếng ồn và yếu tố khác tác động đến môi trường trong quá trình sản xuất, đảm bảo các tiêu chuẩn về môi trường không khí, tiếng ồn theo quy định hiện hành.

Điều 34. Các Doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm về tổ chức phòng chống cháy nổ tại cơ sở của mình; tuân thủ mọi quy định của Nhà nước Việt Nam về phòng chống cháy nổ. Đồng thời thực hiện các giải pháp cách âm, xử lý nền móng nhằm giảm thiểu tiếng ồn, độ rung; không để ảnh hưởng đến khu vực xung quanh.

Điều 35. Các Doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định, các lệnh phòng chống lụt bão của Ban chỉ huy phòng chống lụt bão Trung ương và địa phương.

Điều 36. Đối với các Doanh nghiệp có loại hình hoạt động “Cho thuê nhà xưởng” phải tuân thủ các quy định sau:

- Ngành nghề hoạt động của các đơn vị thuê nhà xưởng phải phù hợp với ngành nghề thu hút đầu tư của KCN Bắc Chu Lai;
- Thực hiện đầu đủ các thủ tục pháp lý về đầu tư, xây dựng, môi trường, PCCC theo đúng quy định pháp luật hiện hành;
- Thiết kế xây dựng hệ thống thu gom nước mưa, nước thải riêng biệt và đấu nối vào hệ thống thu gom nước mưa, nước thải chung của Doanh nghiệp cho thuê nhà xưởng.

CHƯƠNG IV

SỰ PHỐI HỢP GIỮA DOANH NGHIỆP VỚI CÔNG TY HẠ TẦNG

MỤC 1

Đối với Công ty hạ tầng

Điều 37. Tuyên truyền, phổ biến, trao đổi thông tin và hướng dẫn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về bảo vệ môi trường cho Doanh nghiệp.

Điều 38. Kiểm tra tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường đối với các hoạt động của Doanh nghiệp đầu tư trong khu công nghiệp. Nếu phát hiện các hành vi vi phạm hoặc có nguy cơ ảnh hưởng xấu đến môi trường thì yêu cầu doanh nghiệp dừng ngay hành vi và kịp thời khắc phục, nếu Doanh nghiệp vẫn không khắc phục thì báo cáo cơ quan chức năng để chỉ đạo giải quyết.

Điều 39. Giám sát kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường của dự án đối với các dự án đầu tư vào KCN.

Điều 40. Hỗ trợ Doanh nghiệp giải quyết các hồ sơ, thủ tục về môi trường khi Doanh nghiệp có yêu cầu. Tiếp nhận và giải quyết các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị về môi trường.

Điều 41. Phối hợp công tác phòng ngừa, ứng phó và khắc phục sự cố môi trường xảy ra trong phạm vi khu công nghiệp.

Điều 42. Quản lý hạ tầng, hành lang các tuyến đường, điện chiếu sáng trong khu công nghiệp.

MỤC 2

Đối với Doanh nghiệp

Điều 43. Hoạt động sản xuất, kinh doanh của từng Doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng hồ sơ môi trường và tuân thủ theo quy chế này, thường xuyên kiểm soát ô nhiễm môi trường; phải chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất của các cấp có thẩm quyền và Công ty hạ tầng.

Điều 44. Thông tin cho Công ty hạ tầng biết về những nội dung có liên quan đến tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Doanh nghiệp.

Điều 45. Lập và nộp báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ cho cơ quan chức năng và Công ty hạ tầng theo đúng quy định. Công tác lấy mẫu giám sát môi trường định kỳ có sự chứng kiến của cán bộ môi trường Công ty hạ tầng.

Điều 46. Bố trí cán bộ phụ trách công tác môi trường và cung cấp thông tin về tên, số điện thoại, địa chỉ email. Nếu cán bộ phụ trách là kiêm nhiệm hoặc không có chuyên môn thì cần thuê đơn vị tư vấn hoặc liên hệ bộ phận môi trường của công ty hạ tầng để được hỗ trợ nhằm đảm bảo thực hiện đúng và đầy đủ các công tác về bảo vệ môi trường.

Điều 47. Phối hợp với Công ty hạ tầng và các Doanh nghiệp trong KCN trong việc giải quyết các tranh chấp, khiếu nại về môi trường.

Điều 48. Trong quá trình hoạt động, Doanh nghiệp có quyền khiếu nại, tố cáo khi phát hiện các hành vi gây ô nhiễm môi trường của các Doanh nghiệp khác, báo ngay cho Công ty hạ tầng để kịp thời kiểm tra hiện trường và khắc phục.

CHƯƠNG V

QUY CHUẨN – TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Điều 49. Các Doanh nghiệp phải tuân thủ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn quy định về không khí xung quanh, bụi, khí thải, tiếng ồn, độ rung, nước thải, nước ngầm, rác thải, chất thải nguy hại theo quy định hiện hành.

Điều 50. Tiêu chuẩn tiếp nhận của Nhà máy xử lý nước thải tập trung KCN đính kèm theo quyết định này. Tiêu chuẩn này có thể được điều chỉnh để phù hợp với khả năng xử lý của hệ thống xử lý nước thải và phù hợp với quy định hiện hành. Tuy nhiên, mỗi lần điều chỉnh sẽ thông báo cho Doanh nghiệp biết trước 30 ngày, đồng thời đảm bảo xử lý nước thải cho Doanh nghiệp đã ký hợp đồng theo tiêu chuẩn cũ. Doanh nghiệp mới hoặc những Doanh nghiệp có sự điều chỉnh, thay đổi dẫn đến phải ký lại hợp đồng xử lý nước thải thì áp dụng theo tiêu chuẩn tiếp nhận điều chỉnh.

CHƯƠNG VI

THANH TRA – KIỂM TRA

Điều 51. Công ty hạ tầng, các Doanh nghiệp có hoạt động trong KCN phải chịu sự kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất của các cấp có thẩm quyền từ địa phương đến Trung ương.

Điều 52. Trong quá trình thi công xây dựng nhà xưởng, các nhà thầu thi công, Doanh nghiệp phải thực hiện việc bảo vệ môi trường; chịu sự kiểm tra, giám sát định kỳ hoặc đột xuất về mặt môi trường của các cấp có thẩm quyền và Công ty hạ tầng.

Điều 53. Các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các Doanh nghiệp phải thực hiện theo đúng hồ sơ môi trường; phải chấp hành chế độ kiểm tra, kiểm soát ô nhiễm môi trường thường xuyên, định kỳ và đột xuất của các cấp có thẩm quyền về bảo vệ môi trường.

Điều 54. Các Doanh nghiệp vi phạm quy định về bảo vệ môi trường phải nghiêm chỉnh thực hiện đầy đủ các yêu cầu của Đoàn kiểm tra, Thanh tra trong thời gian sớm nhất và báo cáo kết quả thực hiện về Công ty hạ tầng để theo dõi, giám sát.

CHƯƠNG VII

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 55. Các Doanh nghiệp trong KCN có thành tích tốt trong công tác bảo vệ môi trường được cơ quan chức năng ghi nhận; hằng năm sẽ được Công ty hạ tầng trình hồ sơ đề nghị các cấp khen thưởng theo chế độ hiện hành.

Điều 56. Đối với các Doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định này thì Công ty hạ tầng tiến hành kiểm tra và nhắc nhở bằng cách lập biên bản, buộc khắc phục trong thời gian nhất định và thanh toán toàn bộ chi phí phân tích chất lượng môi trường (nếu có). Hết thời hạn cho phép mà vẫn chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả, Công ty hạ tầng sẽ kiến nghị cơ quan chức năng chỉ đạo xử lý theo quy định.

Điều 57. Đối với các Doanh nghiệp đã bị xử phạt hành chính sau khi hết thời hạn mà vẫn chưa có biện pháp khắc phục hiệu quả, Công ty hạ tầng sẽ tiếp tục kiến nghị cơ quan chức năng xử lý theo quy định của pháp luật và có quyền yêu cầu đình chỉ việc sản xuất kinh doanh.

Điều 58. Bên gây ô nhiễm phải thanh toán toàn bộ chi phí, khắc phục và bồi thường các khoản thiệt hại cho bên bị ảnh hưởng sau khi có kết luận chính thức từ cơ quan chức năng về mức độ phát sinh ô nhiễm hoặc có thể thương lượng.

CHƯƠNG VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 59. Quy chế này được xem là cơ sở pháp lý trong lĩnh vực bảo vệ môi trường KCN, đối với các trường hợp chưa được đề cập trong quy chế này sẽ có thỏa thuận dựa trên các quy định hiện hành.

Điều 60. Công ty hạ tầng, các Doanh nghiệp, các nhà thầu thi công trong KCN và các cơ quan, các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy chế này.

Điều 61. Công ty hạ tầng có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quy chế. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần sửa đổi, bổ sung, các Doanh nghiệp phản ánh kịp thời về Công ty hạ tầng để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

TIÊU CHUẨN TIẾP NHẬN NƯỚC THẢI NHÀ MÁY XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG KCN BẮC CHU LẠI

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn
1	pH	-	6-9
2	TSS	mg/l	250
3	BOD ₅	mg/l	300
4	COD	mg/l	400
5	Tổng N	mg/l	45
6	Tổng P	mg/l	8
7	Fe	mg/l	3
8	Cr ³⁺	mg/l	0,02
9	Cr ⁶⁺	mg/l	0,05
10	Pb	mg/l	0,1
11	Cd	mg/l	0,05
12	Cu	mg/l	2
13	Zn	mg/l	3
14	As	mg/l	0,05
15	Hg	mg/l	0,005
16	Dầu mỡ khoáng	mg/l	10
17	Coliforms	MPN/100ml	Không quy định
18	Amoni	mg/l	30

Ghi chú: Đối với các chỉ tiêu không được đề cập trong bảng trên thì giá trị tiếp nhận bằng Cột A 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải công nghiệp.